

NGUYỄN ÁNG

TOÁN BỒI DƯỠNG

HỌC SINH LỚP 2

Theo chương trình mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Tái bản lần thứ bảy)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập GS.TS VŨ VĂN HÙNG

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Phó Tổng biên tập PHAN DOãn THOẠI

Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập lần đầu :

NGUYỄN THỊ BÌNH

Biên tập tái bản :

NGUYỄN THỊ THANH

Biên tập kỹ thuật :

ĐOÀN VIỆT QUÂN

Trình bày bìa :

BÙI QUANG TUẤN

Sửa bản in :

NGUYỄN THỊ THANH

Chế bản :

ĐOÀN VIỆT QUÂN

LỜI NÓI ĐẦU

Cuốn "Toán bồi dưỡng học sinh lớp 2" là tập hợp các bài toán để các thầy cô giáo, các bậc cha mẹ học sinh dùng làm tài liệu tham khảo giúp con em mình học tốt môn Toán ở lớp 2 (Theo chương trình Tiểu học mới)

Cuốn sách gồm các phần :

Phần một : Các bài toán.

I. Một số bài toán về số và chữ số (trong phạm vi 1000)

II. Một số bài toán về phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia

III. Một số bài toán về giải toán có lời văn

IV. Một số bài toán về yếu tố hình học

V. Một số đề tự kiểm tra

Phần hai : Hướng dẫn – Trả lời.

Các em học sinh lớp 2 có thể tự đọc hoặc nhờ cha mẹ, thầy cô giáo giúp đỡ để tìm hiểu tài liệu, cố gắng giải được các bài toán từ đơn giản đến phức tạp hoặc có thể tìm ra các cách giải khác hay hơn. Như vậy các em sẽ học giỏi môn Toán mà các em yêu thích.

Khi biên soạn, chúng tôi cố gắng sắp xếp, hệ thống các bài toán với nội dung phong phú và hấp dẫn, cố gắng đưa ra cách giải toán phù hợp với học sinh lớp 2. Chúng tôi mong được sự góp ý của thầy cô giáo và các bậc cha mẹ học sinh để cuốn sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Mọi ý kiến góp ý xin gửi về Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 187B Giảng Võ, Hà Nội. Xin trân trọng cảm ơn.

TÁC GIẢ

CÁC BÀI TOÁN

I. MỘT SỐ BÀI TOÁN VỀ SỐ VÀ CHỮ SỐ (trong phạm vi 1000)

1. Nói (theo mẫu) :

(9) (112) (14) (5) (10) (15)
 Số có một chữ số Số có ba chữ số Số có hai chữ số
 (7) (917) (21) (70) (100) (1000)

2. Phân tích số thành các chục và đơn vị (theo mẫu) :

(25) (42) (17) (66) (91)
 20 5 40 □ □ □ □ □ □ □

3. Viết các số : 235, 770, 205 thành tổng các trăm, chục và đơn vị.

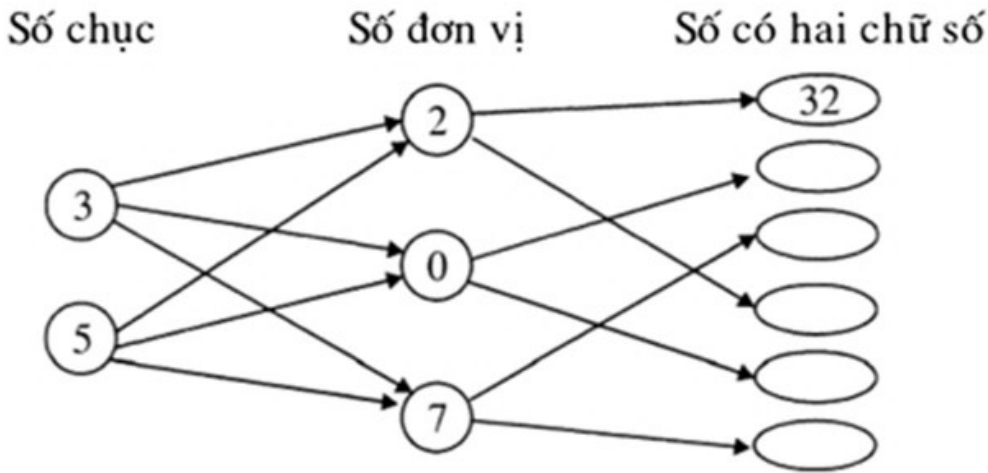
4. Viết các số gồm :

- a) 5 chục và 3 đơn vị ; b) 1 chục và 6 đơn vị ;
 c) 3 trăm 9 chục và 0 đơn vị ; d) 4 trăm 4 chục và 4 đơn vị.

5. Viết tất cả các số có hai chữ số mà :

- a) Chữ số hàng đơn vị là 5.
 b) Chữ số hàng chục là 5.
 c) Chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị giống nhau.

6. Viết số thích hợp theo đường mũi tên (theo mẫu) :



7. a) Lấy các chữ số 3, 6 làm chữ số hàng chục, các chữ số 1, 4, 7 làm chữ số hàng đơn vị, ta có thể lập được bao nhiêu số có hai chữ số ? Hãy viết tất cả các số có hai chữ số đó.
 b) Cũng hỏi như câu a) với số có ba chữ số mà chữ số hàng trăm là 5.
8. Từ ba chữ số 4, 6, 8 em hãy viết tất cả các số có hai chữ số có thể được. Có bao nhiêu số như vậy ?
9. Từ bốn chữ số 0, 1, 2, 3 em hãy viết tất cả các số có hai chữ số khác nhau.
10. Từ ba chữ số 3, 5, 7 em hãy viết tất cả các số có ba chữ số khác nhau.
11. a) Có bao nhiêu số có một chữ số ?
 b) Có bao nhiêu số có hai chữ số ?
 c) Từ 27 đến 163 có bao nhiêu số có hai chữ số ?
 d) Có bao nhiêu số có ba chữ số ?
12. Cho số 45. Số đó thay đổi thế nào nếu :
 a) Xóa bỏ chữ số 5 ?
 b) Xóa bỏ chữ số 4 ?
13. Cho số a có hai chữ số :
 a) Nếu chữ số hàng chục bớt đi 2 thì số a giảm đi bao nhiêu đơn vị ?
 b) Nếu chữ số hàng chục tăng thêm 2 thì số a tăng thêm bao nhiêu đơn vị ?
 c) Nếu chữ số hàng chục tăng thêm 1 và chữ số hàng đơn vị giảm đi 1 thì số a tăng thêm bao nhiêu đơn vị ?

26. Em hãy tìm số có ba chữ số mà hiệu của chữ số hàng trăm và chữ số hàng chục bằng 0, còn hiệu của chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị bằng 9.
27. Em hãy tìm số có ba chữ số mà chữ số hàng trăm nhân với 3 được chữ số hàng chục, chữ số hàng chục nhân với 3 được chữ số hàng đơn vị.
28. Tìm số có hai chữ số, biết rằng khi thêm 1 vào số đó thì được số có ba chữ số.
29. Tìm số có ba chữ số, biết rằng khi bớt số đó đi 91 ta được số có một chữ số.

30. a) Đúng ghi Đ, sai S :

Số 306 đọc là : – Ba mươi sáu



– Ba trăm linh sáu



b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

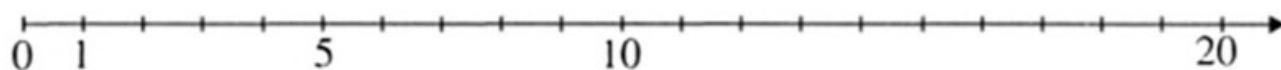
Số gồm 5 trăm và 5 đơn vị viết là : A. 5005

B. 550

C. 505

D. 055

31. Điền các số tương ứng trên tia số :



32. a) Hai số liền nhau hơn, kém nhau mấy đơn vị ?

b) Viết 5 số liền nhau, mỗi số có hai chữ số.

33. a) Số liền sau số 99 là số nào ? Số liền trước số 99 là số nào ?

b) Số liền sau và số liền trước của cùng một số hơn kém nhau mấy đơn vị ?

34. a) Biết số liền trước của số a là 15, em hãy tìm số liền sau của số a.

b) Biết số liền sau của số b là 20, em hãy tìm số liền trước của số b.

c) Biết số c không có số liền trước nó, hỏi c là số nào ?

45. Tìm x :

a) $x < 5$;

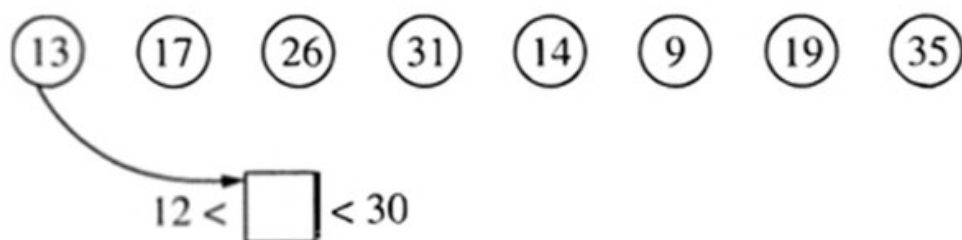
b) $x < 1$.

46. Tìm x là số có hai chữ số, biết :

a) $x < 15$;

b) $x > 95$.

47. a) Nối các số thích hợp với ô trống (theo mẫu) :



b) Viết lại các số ở câu a) theo thứ tự từ lớn đến bé.

48. Tìm x :

a) $9 < x < 15$;

b) $48 < x + 1 < 50$.

49. Tìm x là số có một chữ số biết :

a) $7 < x$;

b) $1 + x > 8$.

50. a) Để đánh số các trang của một cuốn sách từ 1 đến 9, ta phải dùng hết bao nhiêu chữ số ?

b) Để đánh số các trang của một cuốn sách từ 10 đến 19, ta phải dùng hết bao nhiêu chữ số ?

c) Để đánh số các trang của một cuốn sách từ 123 đến 129, ta phải dùng hết bao nhiêu chữ số ?

51. Trong các số từ 10 đến 20, có bao nhiêu :

a) Chữ số 0 ?

b) Chữ số 1 ?

c) Chữ số 5 ?

52. Bạn Bình đã dùng hết 19 chữ số để viết các số liên nhau thành một dãy số liên tiếp : 1 ; 2 ; 3 ; ... ; a. Hỏi a là số nào ? (a là số cuối cùng của dãy số)

53. Viết thêm hai số vào dãy số sau :

a) 3 ; 6 ; 9 ; 12 ; ;

b) 100 ; 200 ; 300 ; 400 ; ;

c) 2 ; 4 ; 8 ; 16 ; ;

d) 112 ; 223 ; 334 ; 445 ; ;

54. Tìm chữ số x , biết :

a) $35x < 352$;

b) $207 > x70$;

c) $199 < xxx < 299$.

55. Nối mỗi số với câu thích hợp :

404

Là số lớn nhất
trong các số đã cho

299

378

Là số bé nhất
trong các số đã cho

400

200

Là số vừa lớn hơn
200 vừa bé hơn 400

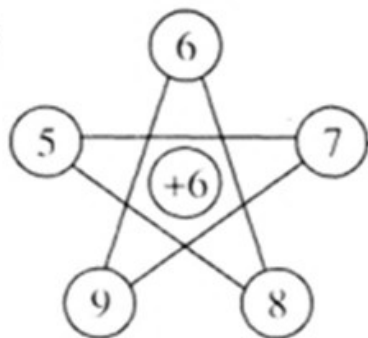
199

II. MỘT SỐ BÀI TOÁN VỀ PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ, PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA

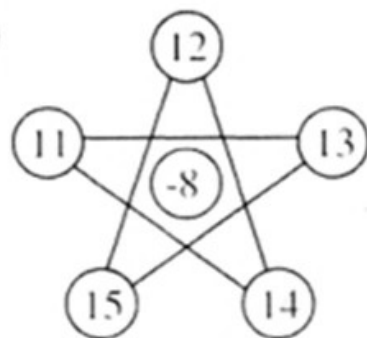
1. Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 20

56. Thực hiện phép tính :

a)



b)



57. Điền số thích hợp vào ô trống :

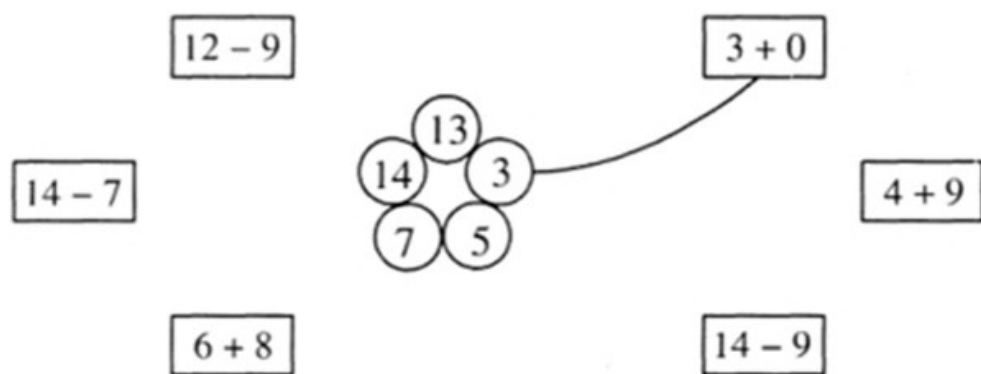
a)

Số hạng	5	7		3	15	
Số hạng	9		6	8		
Tổng		16	20		15	0

b)

Số bị trừ	12	14	11			10
Số trừ	9	7		6	0	
Hiệu			0	8	13	10

58. Nối phép tính với kết quả đúng (theo mẫu) :



59. Điền số thích hợp vào bảng (theo mẫu) :

	11	12	13	14	15	16	17
-7	4						
+8	12						

60. Số ?

$$9 + \square = 13 ;$$

$$\square - 17 = 3 ;$$

$$\square - 13 = 0 ;$$

$$\square + 13 = 20 ;$$

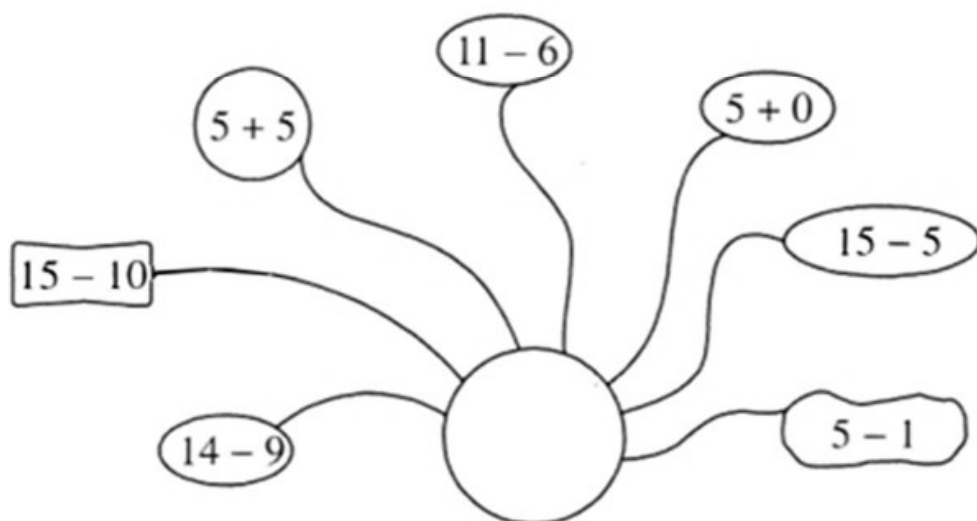
$$6 + \square = 15 ;$$

$$\square + \square = 0 ;$$

$$\square + \square + 12 = 13 ;$$

$$16 - \square - \square = 15.$$

61. Tô màu vào phép tính có kết quả là 5 :



62. Tìm x :

a) $x + 12 = 12 + 6$;

b) $14 - x = 14 - 2$;

c) $10 + x < 12$;

d) $x - 8 < 3$.

63.

$>$
$<$
$=$

 ?

a) $13 - 9 \square 4$;

b) $5 + 7 \square 13$;

c) $6 + 8 \square 20 - 5$;

d) $11 - 6 \square 11 - 8$;

e) $13 + 4 \square 12 + 4$;

g) $17 - 10 \square 19 - 10$.

64. Nối kết quả phép tính thích hợp với ô trống (theo mẫu) :

$5 - 1$

$18 - 5$

$20 - 14$

$14 - 8$

$11 - 6$

$19 - 10$

$4 < \square < 9$

65. Tìm x :

a) $x < 12 - 9$;

b) $x + 13 < 13 + 3$;

c) $12 - 7 < x < 12 - 4$.

66. Em hãy viết 12 thành tổng của các số hạng bằng nhau (càng viết được nhiều tổng càng tốt).

67. Tìm một số có hai chữ số và một số có một chữ số sao cho tổng hai số đó bằng 10.

68. Tìm một số có hai chữ số và một số có một chữ số sao cho hiệu hai số đó bằng 1.

69. a) Tổng lớn nhất của hai số có một chữ số là bao nhiêu ?

b) Tổng bé nhất của số có một chữ số và số có hai chữ số là bao nhiêu ?

70. a) Hiệu lớn nhất của số có hai chữ số là bao nhiêu ?

b) Hiệu bé nhất của số có hai chữ số và số có một chữ số là bao nhiêu ?

2. Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100

71. Điền số thích hợp vào ô trống :

a) $\square + 35 = 71$; $40 + \square = 91$; $67 = \square + 0$;

b) $45 - \square = 18$; $100 - \square = 39$; $\square - 27 = 72$.

72. Điền chữ số thích hợp vào dấu * trong các phép tính ;

a)
$$\begin{array}{r} *5 \\ + 5* \\ \hline 81 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} ** \\ + 19 \\ \hline 50 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4* \\ + 2* \\ \hline 70 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8* \\ + *7 \\ \hline 100 \end{array}$$

b)
$$\begin{array}{r} 75 \\ - 1* \\ \hline *1 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 44 \\ - ** \\ \hline 25 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6* \\ - *5 \\ \hline 31 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} *3 \\ - 2* \\ \hline 55 \end{array}$$

73. Tìm x :

a) $x - 21 = 33 - 21$;

b) $65 - x = 48 + 17$;

c) $x + 25 = 100 - 25$.

74. Tìm x :

a) $x + 20 < 22$;

b) $46 < x - 45 < 48$.

75. Tính nhanh :

a) $11 + 28 + 24 + 16 + 12 + 9$;

b) $75 - 13 - 17 + 25$.

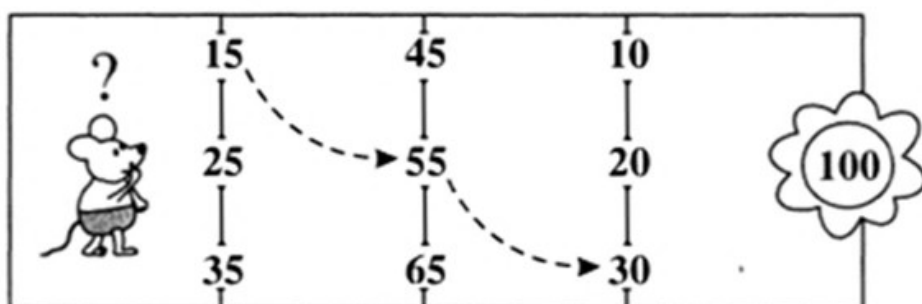
76. Điền số thích hợp vào ô trống :

a) $\square + 15 < 15 + 1$;

b) $18 < \square + 16 < 20$;

c) $10 < \square < \square < 13$.

77. Con chuột phải đi qua ba cửa nào để tới được bông hoa sao cho tổng ba số ở ba cửa phải bằng 100 ? Có mấy cách đi như vậy ?



78. Điền dấu phép tính (+, -) thích hợp vào ô trống rồi viết những chữ số thích hợp vào dấu * :

a) $2 * \square * 4 = 6$;

b) $64 \square * 6 = 10*$.

79. a) Tìm một số, biết tổng của số đó với 42 bằng 100.

b) Tìm một số, biết hiệu của số đó với 27 bằng 0.

c) Tìm một số, biết hiệu của 94 với số đó bằng 49.

80. a) Tìm số bị trừ, biết tổng của số trừ và hiệu là 66.

b) Tìm số trừ, biết hiệu hai số kém số bị trừ là 46.

c) Tìm số bị trừ, biết số bị trừ hơn số trừ 15 và hiệu của hai số bằng số trừ.

81. Điền dấu (+) hoặc dấu (-) vào ô trống để được kết quả đúng :

a) $47 \square 32 \square 47 \square 15 = 17$;

b) $90 \square 80 \square 30 \square 40 \square 20 = 100$.

3. Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1000 (không nhớ)

82. Viết số thích hợp vào ô trống :

Số hạng	362	509		34
Số hạng	425		400	634
Tổng		999	1000	

83. Viết số thích hợp vào ô trống :

Số bị trừ	869		867	1000
Số trừ	758	136		
Hiệu		21	207	500

84. Nối hai số có tổng bằng 1000 :

100

200

700

900

800

450

550

300

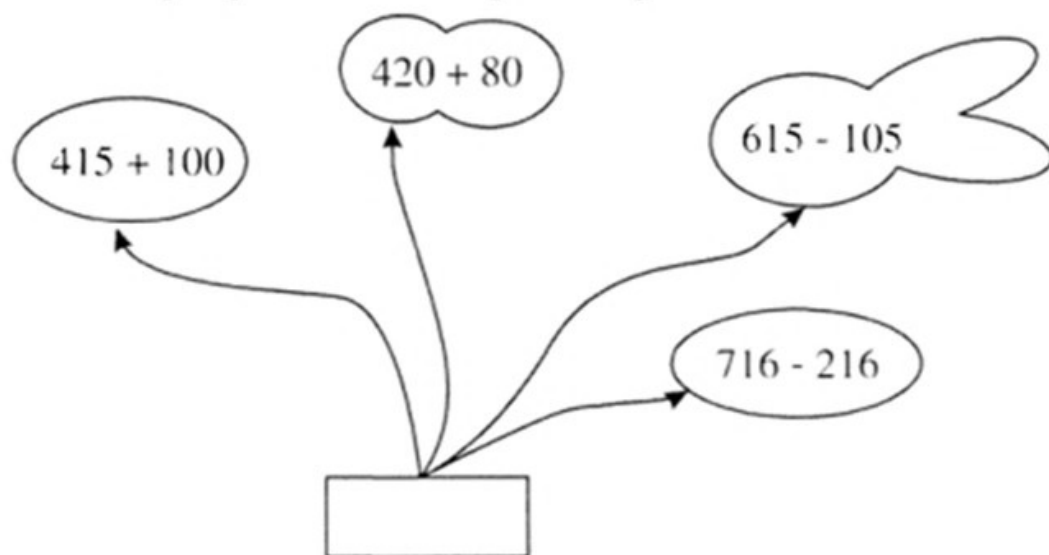
85. Tìm x , biết :

a) $x - 192 = 301$;

b) $700 - x = 400$;

c) $x + 215 = 315$.

86. Tô màu vào phép tính có kết quả bằng 500 :



4. Phép nhân, phép chia – Bảng nhân, bảng chia (2, 3, 4, 5)

87. Nối tổng các số hạng bằng nhau với phép nhân thích hợp :

$3 + 3 + 3 + 3$

4×3

$2 + 2 + 2 + 2$

4×5

2×4

$4 + 4 + 4$

3×4

$5 + 5 + 5 + 5$

88. Điền số vào chỗ chấm (theo mẫu) :

$3 \times 4 = 12$	$5 \times 3 = 15$	$7 \times 8 = 56$	$6 \times 5 = 30$	$4 \times 9 = 36$
$12 : 3 = 4$	$15 : 5 = \dots$	$56 : \dots = 8$	$\dots : 6 = 5$	$\dots : 4 = 9$
$12 : 4 = 3$	$15 : 3 = \dots$	$56 : \dots = 7$	$\dots : 5 = 6$	$36 : \dots = 4$

89. Viết số thích hợp vào ô trống :

Thừa số	2	3	4	5	2	3	4	5
Thừa số	6	7	8	9	5	4	3	2
Tích								

90. Viết số thích hợp vào ô trống :

Số bị chia	16	18	20	25	20	24	28	30
Số chia	2	3	4	5	2	3	4	5
Thương								

91. Tìm y :

a) $y \times 2 = 18$;

b) $y \times 3 = 15$;

c) $y \times 1 = 100$;

d) $y \times y = 4$.

92. Tìm x :

a) $x : 2 = 2$;

b) $x : 3 = 4$;

c) $x : 1 = 100$;

d) $x : 4 = 0$.

93. Nối (theo mẫu) :

$2 : 2$

$10 - 10$

1×1

5×0

0

1

$0 : 4$

$10 : 10 - 0$

$0 \times 7 + 1$

$1 \times 4 - 4$

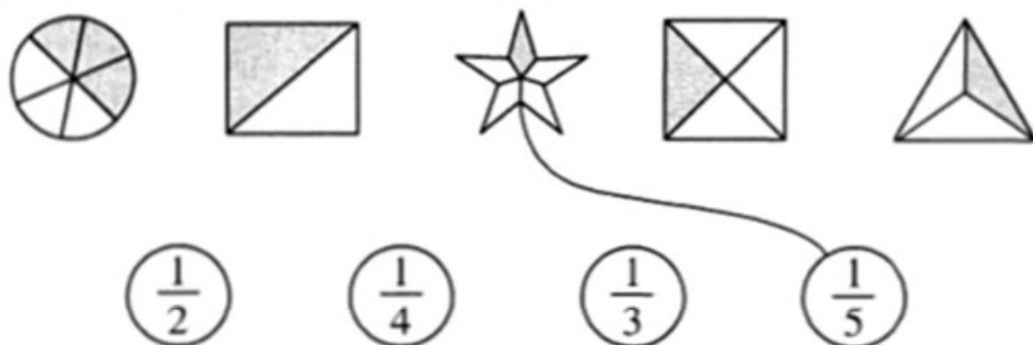
94.

>
<
=

2 × 5 ... 5 × 2	40 × 2 ... 80 : 2
? 20 × 4 ... 79	30 × 2 ... 20 × 3
60 : 3 ... 3 × 7	4 × 10 ... 5 × 9

5. Các phần bằng nhau của đơn vị

95. Nối (theo mẫu) :



96. a) Tô màu $\frac{1}{2}$ số ô vuông :

(hình A)

b) Tô màu $\frac{1}{3}$ số ô vuông :

(hình B)

c) Tô màu $\frac{1}{4}$ số ô vuông :

(hình C)

d) Tô màu $\frac{1}{5}$ số ô vuông :

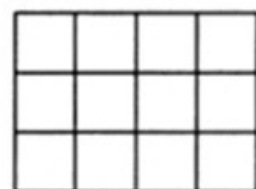
(hình D)



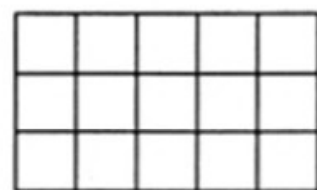
A



B



C



D

97. Có các hình tròn (như trong hình vẽ) :

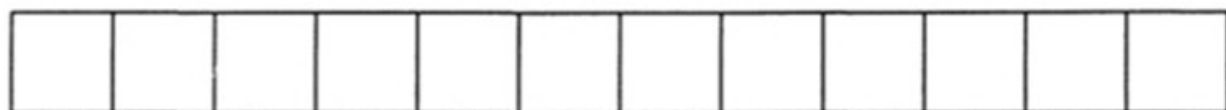
Bạn An đã tô màu $\frac{1}{3}$ số hình tròn, bạn Bình

đã tô màu $\frac{1}{5}$ số hình tròn. Em hãy xem bạn

nào tô màu được số hình tròn nhiều hơn ?
Nhiều hơn mấy hình tròn ?



98. Có một băng giấy gồm 12 ô (hình vẽ) :



Bạn Hằng chia băng giấy làm 2 phần bằng nhau, lấy một phần (gọi là phần A), rồi lại tiếp tục chia phần A đó thành 2 phần bằng nhau, lấy một phần (gọi là phần B). Hỏi phần B bằng một phần mấy của băng giấy đầu tiên ? (Có thể tô màu vào hình vẽ để nhận biết).

6. Một số bài toán phối hợp các phép tính

99. Tính nhẩm :

a) $7 + 8 + 3$;

b) $2 + 9 + 8$;

c) $6 + 7 + 4$;

d) $18 + 2 - 8$;

e) $17 - 9 - 7$;

g) $25 - 15 - 9$.

100. Tính :

a) $5 \times 8 - 11$;

b) $3 \times 6 : 3$;

c) $40 : 4 : 5$;

d) $2 \times 2 \times 7$;

e) $4 \times 6 + 16$;

g) $20 : 4 \times 6$.

101. a) Từ ba số 32, 25, 7 em hãy lập các phép tính đúng.

b) Từ ba số 3, 4, 12 em hãy lập các phép tính đúng.

c) Từ ba số 2, 4, 2 em hãy lập các phép tính đúng.

102. Cho $A = 26 + 17 + 33 + 45$;

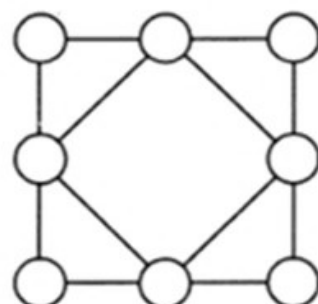
$B = 13 + 27 + 35 + 46$.

Không cần tính ra kết quả cụ thể, vẫn biết được tổng A bằng tổng B. Em có thể giải thích được vì sao không ?

103. Em hãy điền số thích hợp vào ô trống của hình vuông để khi cộng các số theo hàng ngang, theo cột dọc, theo đường chéo, các kết quả đều như nhau.

14	35	
	23	
		32

104. Điền các số : 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16 vào các ô tròn sao cho tổng các số ở bốn đỉnh hình vuông to bằng tổng các số ở bốn đỉnh hình vuông bé.



105. Cho bảng số :

a) Biết tổng các số ở cột thứ nhất bằng 34 ($1 + 6 + 11 + 16 = 34$). Em hãy tính nhanh tổng các số ở mỗi cột tiếp theo.

b) Biết tổng các số ở hàng thứ nhất bằng 15 ($1 + 2 + 3 + 4 + 5 = 15$). Em hãy tính nhanh tổng các số ở mỗi hàng tiếp theo.

1	2	3	4	5
6	7	8	9	10
11	12	13	14	15
16	17	18	19	20

106. Trên một bảng con có ghi phép tính : $\boxed{6 + 8 + 6}$

Lan cầm bảng tính nhầm được kết quả là 20. Huệ cầm bảng tính nhầm lại được kết quả là 26. Hỏi ai tính đúng ?

107. Với sáu miếng bìa đã ghi các chữ số : 9, 8, 7, 6, 5, 2, bạn An đã ghép thành phép tính trừ sai như sau :

$$\boxed{8} \boxed{9} - \boxed{5} \boxed{7} = \boxed{2} \boxed{6}$$

Em hãy đổi chỗ hai miếng bìa cho nhau để chữa phép trừ sai thành phép trừ đúng.

108. Em hãy điền dấu phép tính thích hợp (+, -, ×, :) vào chỗ chấm để được kết quả đúng :

a) $3 \dots 2 \dots 1 = 6$;

b) $0 \dots 5 \dots 5 = 5$.

III. MỘT SỐ BÀI TOÁN VỀ GIẢI TOÁN CÓ LỜI VĂN

1. Một số bài toán (có lời văn) về ý nghĩa phép tính

109. Trường Hữu Nghị có 367 học sinh nữ và 312 học sinh nam. Hỏi :

a) Trường Hữu Nghị có tất cả bao nhiêu học sinh ?

b) Số học sinh nữ nhiều hơn số học sinh nam là bao nhiêu em ?

110. Một đàn vịt có 100 con ở dưới ao và 100 con ở trên bờ. Bây giờ có 10 con vịt ở dưới ao lên bờ phơi nắng. Hỏi bây giờ :

a) Dưới ao còn lại bao nhiêu con vịt ?

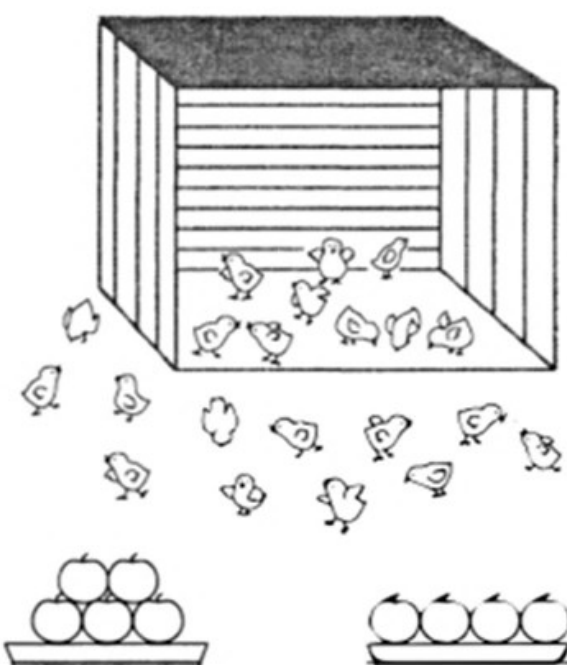
b) Trên bờ có bao nhiêu con vịt ?

- c) Số vịt ở trên bờ và số vịt ở dưới ao hơn kém nhau bao nhiêu con ?
- d) Số vịt ở cả trên bờ và dưới ao là bao nhiêu con ?
111. Một bến xe có 25 ô tô rời bến, như vậy còn lại 12 ô tô chưa rời bến. Hỏi lúc đầu có bao nhiêu ô tô trên bến xe đó ?
112. Một cửa hàng có 356kg đường. Sau một ngày bán hàng, cửa hàng còn lại 210kg đường. Hỏi ngày đó, cửa hàng đã bán được bao nhiêu ki-lô-gam đường ?
113. Một ô tô chở khách dừng tại bến đỗ. Có 5 người xuống xe và 3 người lên xe. Xe tiếp tục chạy, lúc này trên xe có tất cả 40 hành khách. Hỏi trước khi dừng tại bến đỗ đó, trên xe có bao nhiêu hành khách ?
114. Gói kẹo chanh và gói kẹo dứa có tất cả 235 cái kẹo. Riêng gói kẹo chanh có 120 cái. Hỏi :
- a) Gói kẹo dứa có bao nhiêu cái kẹo ?
- b) Phải bớt đi ở gói kẹo chanh bao nhiêu cái kẹo để số kẹo ở hai gói bằng nhau ?
115. a) Một đôi đũa có hai chiếc. Hỏi 5 đôi đũa có bao nhiêu chiếc đũa ?
- b) Một ngôi sao có 5 cánh. Hỏi 2 ngôi sao có bao nhiêu cánh sao ?
116. Cứ 4 cái bánh nướng đóng được một hộp bánh. Hỏi cần có bao nhiêu cái bánh nướng để đóng được 8 hộp bánh như thế ?
117. Đào 5 tuổi. Tuổi của mẹ Đào gấp 6 lần tuổi của Đào. Hỏi tuổi của mẹ Đào là bao nhiêu ?
118. Bình lấy một băng giấy cắt làm 6 mảnh. Từ mỗi mảnh này Bình lại cắt thành 2 mảnh nhỏ nữa. Hỏi số mảnh nhỏ cắt ra là bao nhiêu ?
119. Hai đội bóng bàn, mỗi đội có 3 người chơi đấu bóng bàn với nhau. Mỗi người của đội này đều đấu một ván với mỗi người của đội kia. Hỏi có tất cả bao nhiêu ván đấu ?
120. a) Có 30l dầu chia đều vào 6 cái can. Hỏi mỗi can có mấy lít dầu ?
- b) Có 30l dầu chia đều vào các can, mỗi can 5l. Hỏi được mấy can dầu như thế ?

121. Một lớp có 30 học sinh xếp hàng để tập thể dục. Em hãy cho biết :
- Nếu lớp đó xếp hàng 3 thì được mấy hàng ? Xếp hàng 6 thì được mấy hàng ?
 - Nếu lớp đó muốn xếp thành 4 hàng, mỗi hàng 8 người thì có thể xếp hàng như thế được không ?
122. a) Có một lọ thuốc. Người bán thuốc gọt ra lần đầu 5 viên thuốc, lần thứ hai 5 viên thuốc, lần thứ ba 5 viên thuốc, lần thứ tư 5 viên thuốc thì lọ thuốc vừa hết. Hỏi lọ thuốc đó có bao nhiêu viên ?
- b) Có 20 viên thuốc. Người bán thuốc gọt ra lần đầu 5 viên thuốc, lần hai 5 viên thuốc, và tiếp tục như vậy một số lần thì vừa hết thuốc. Hỏi người bán thuốc đã gọt ra mấy lần ?

2. Một số bài toán về nhiều hơn, ít hơn

123. a) Số gà ở trong chuồng nhiều hơn hay số gà ở ngoài chuồng nhiều hơn ?
- b) Bây giờ có 5 con gà từ ngoài vào trong chuồng thì lúc này số gà ở ngoài chuồng ít hơn hay số gà ở trong chuồng ít hơn ? Ít hơn mấy con ?

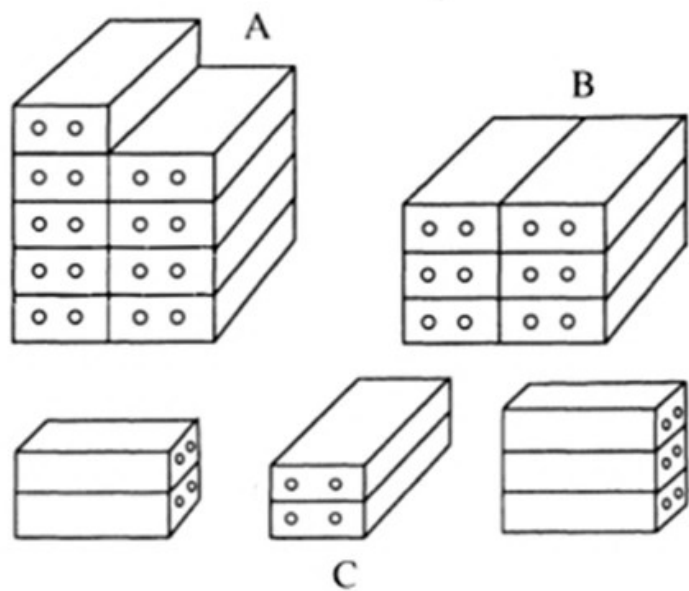


124. a) Lúc đầu hai đĩa cam hơn kém nhau mấy quả ?
- b) Bây giờ lấy 2 quả cam từ đĩa này bỏ sang đĩa kia.
- Hỏi lúc này hai đĩa cam hơn kém nhau mấy quả ?



125. Mai cao hơn Hoa 2cm. Bình thấp hơn Mai 3cm.
Hỏi ai cao nhất ; ai thấp nhất ? Hoa cao hơn Bình mấy xăng-ti-mét ?
126. Con ngỗng cân nặng 10kg. Con ngỗng cân nặng hơn con vịt 6kg. Con gà cân nặng ít hơn con vịt 2kg. Hỏi con ngỗng cân nặng hơn con gà mấy ki-lô-gam ?
127. Mẹ để hai đĩa đựng số cam bằng nhau lên bàn. Bạn Mai lấy từ đĩa bên phải 2 quả bỏ sang đĩa bên trái. Hỏi bây giờ đĩa bên nào nhiều cam hơn và nhiều hơn mấy quả ?

128. Bạn Hoa cân nặng hơn bạn Hồng 5kg. Bạn Cúc cân nhẹ hơn bạn Hoa 2kg. Hỏi bạn nào cân nặng nhất ? Giữa bạn Cúc và bạn Hồng ai cân nặng hơn và hơn mấy ki-lô-gam ?
129. Thúng đựng cam có 65 quả, thúng đựng quýt có 80 quả. Mẹ đã bán được một số cam và một số quýt bằng nhau. Hỏi trong mỗi thúng, số cam còn lại ít hơn hay số quýt còn lại ít hơn ? Ít hơn bao nhiêu quả ?
130. Túi trái có 8 hòn bi, túi phải có nhiều hơn túi trái 4 hòn bi. Hỏi phải lấy từ túi phải mấy hòn bi để bỏ sang túi trái sao cho số bi ở hai túi bằng nhau ?
131. Đào có ít hơn Mận 5 nhãn vở. Mẹ cho Đào thêm 7 nhãn vở. Hỏi bây giờ ai có nhiều nhãn vở hơn và nhiều hơn mấy cái ?
132. Bốn bạn : Gấu, Hươu, Sóc, Thỏ thi nhảy xa. Bạn Thỏ nhảy xa hơn bạn Gấu 4m. Bạn Hươu nhảy xa nhất được 10m. Còn bạn Sóc nhảy kém Hươu 3m nhưng lại nhảy xa hơn bạn Thỏ 2m. Hỏi Thỏ, Gấu, Sóc mỗi bạn nhảy xa được mấy mét ?



133. Bạn An đã lấy hết gạch ở đồng gạch C để xếp thêm vào hai đồng gạch A và B sao cho số gạch ở đồng gạch B nhiều hơn đồng gạch A. Hỏi đồng gạch A được thêm mấy viên gạch ? Đồng gạch B được thêm mấy viên gạch ?
134. Mẹ đem về 6 quả táo. Mẹ bảo anh chia cho em để em được hơn anh 2 quả. Hỏi anh chia cho em mấy quả táo ?
135. Một đoàn tàu gồm các toa chở khách và chở hàng, trong đó có 3 toa chở hàng. Số toa chở hàng ít hơn toa chở khách là 5 toa. Hỏi :
- Có bao nhiêu toa chở khách ?
 - Đoàn tàu có tất cả bao nhiêu toa ?
136. Một đoàn tàu có 10 toa chở khách. Số toa chở khách nhiều hơn số toa chở hàng là 5 toa. Đến ga, người ta cắt lại 2 toa chở khách và 3 toa chở hàng, số còn lại tiếp tục đi. Hỏi :

- a) Còn mấy toa chở hàng ?
- b) Đoàn tàu còn lại bao nhiêu toa ?
137. Cô giáo mua cho lớp một số gói bánh và một số gói kẹo, tất cả là 35 gói. Sau đó cô giáo lấy ra 5 gói bánh để đổi lấy 8 gói kẹo. Hỏi lúc này cả bánh và kẹo cô giáo có tất cả bao nhiêu gói ?
138. Hai lớp 2A và 2B được đi thăm đền Cổ Loa, dự định mỗi lớp một đoàn. Để chia thành hai đoàn có số người bằng nhau, cô giáo chuyển 8 bạn nữ ở lớp 2A sang lớp 2B và chuyển 5 bạn nam ở lớp 2B sang lớp 2A. Lúc này mỗi đoàn có 30 bạn. Hỏi lúc đầu mỗi lớp có bao nhiêu học sinh đi tham quan ?
139. Ngày đầu cửa hàng bán được 15kg đường, ngày sau bán hơn ngày đầu 5kg đường. Cửa hàng còn lại 40kg đường. Hỏi :
- a) Ngày sau bán được bao nhiêu ki-lô-gam đường ?
- b) Trước khi bán, cửa hàng có bao nhiêu ki-lô-gam đường ?
140. Ngoài vườn có 15 bông hoa hồng và 20 bông hoa cúc. Bạn Hoa đã hái 7 bông hoa hồng và 7 bông hoa cúc.
- a) Bây giờ ngoài vườn còn tất cả bao nhiêu bông hoa ?
- b) Số hoa cúc còn lại nhiều hơn số hoa hồng còn lại là bao nhiêu bông ?
141. Trên bãi cỏ có 15 con bò. Số bò nhiều hơn số trâu là 10 con. Số cừu bằng số bò và số trâu cộng lại. Hỏi trên bãi cỏ có bao nhiêu con cừu ? Bao nhiêu con trâu ? Tất cả có bao nhiêu con bò, trâu và cừu ?
142. Một thúng đựng 56 quả vừa trứng gà vừa trứng vịt. Mẹ đã bán 25 quả trứng gà, trong thúng còn 12 quả trứng gà nữa. Hỏi lúc đầu trong thúng có bao nhiêu quả trứng gà ? Bao nhiêu quả trứng vịt ?
143. An và Bình ở cách nhau 100m và cùng lúc đi lại gặp nhau. An đi được 30m, Bình đi được đoạn đường nhiều hơn An là 5m. Hỏi hai bạn còn cách nhau bao nhiêu mét ?
144. Một đường gấp khúc gồm ba đoạn. Đoạn thứ nhất dài bằng đoạn thứ hai, đoạn thứ ba dài bằng hai đoạn đầu cộng lại. Tính độ dài của đường gấp khúc, biết rằng đoạn thứ ba dài hơn đoạn thứ hai là 15cm.

3. Một số bài toán về tuổi

145. Hiện tại anh hơn em 5 tuổi. Hỏi sau vài năm nữa khi em 10 tuổi thì anh bao nhiêu tuổi ?
146. Năm nay con 8 tuổi, mẹ 32 tuổi. Hỏi trước đây 2 năm tuổi mẹ cộng với tuổi con là bao nhiêu ?
147. Hiện tại tuổi ông và tuổi cháu cộng lại là 76 tuổi. Hỏi sau 3 năm nữa, tuổi ông và tuổi cháu cộng lại là bao nhiêu tuổi ?
148. Trước đây 3 năm, Tùng 7 tuổi. Hỏi sau đây 3 năm, Tùng bao nhiêu tuổi ?
149. Hiện tại Mai 7 tuổi, Hoa 10 tuổi, Hồng 9 tuổi. Đến khi bạn Mai bằng tuổi Hồng hiện nay thì tổng số tuổi của ba bạn là bao nhiêu ?
150. Lúc ông 60 tuổi thì mẹ 30 tuổi và Tuấn mới có 5 tuổi. Năm nay mẹ 35 tuổi. Hỏi năm nay ông bao nhiêu tuổi, Tuấn bao nhiêu tuổi ?
151. Mai hơn Tùng 2 tuổi và kém Hải 2 tuổi. Đào hơn Mai 3 tuổi. Hỏi ai nhiều tuổi nhất ? Ai ít tuổi nhất ? Người nhiều tuổi nhất hơn người ít tuổi nhất là mấy tuổi ?

4. Một số bài toán về các đại lượng cơ bản

152. Đồng hồ chỉ mấy giờ ?



A



B



C



D



E



G









H











I

153. Nối mỗi đồng hồ với thời gian thích hợp :

A		16 giờ 30 phút		Đ
		5 giờ 30 phút chiều		
B		7 giờ tối		E
		15 giờ 15 phút		
C		13 giờ 30 phút		G
		15 giờ		

154. Điền vào chỗ chấm (theo mẫu) :

			
A	C	E	B
			
D	H	K	G

Vào buổi chiều, hai đồng hồ chỉ cùng giờ là :

- Đồng hồ A và đồng hồ E ;
- Đồng hồ... và đồng hồ...
- Đồng hồ... và đồng hồ... ;
- Đồng hồ... và đồng hồ...

155. Cùng đi một quãng đường như nhau, anh Hòa đi hết 50 phút, anh Tùng đi hết 1 giờ, anh Bình đi hết 65 phút. Hỏi ai đi nhanh nhất ?

156. Tính (theo mẫu) :

a) $1 \text{ giờ} + 2 \text{ giờ} = 3 \text{ giờ}$
 $5 \text{ giờ} + 2 \text{ giờ} =$

b) $5 \text{ giờ} - 2 \text{ giờ} = 3 \text{ giờ}$
 $9 \text{ giờ} - 3 \text{ giờ} =$

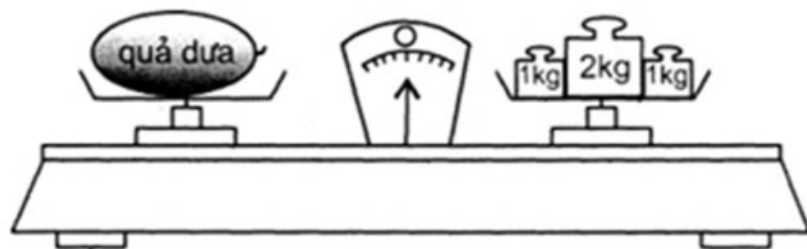
$$4 \text{ giờ} \times 3 = 12 \text{ giờ}$$

$$12 \text{ giờ} : 3 = 4 \text{ giờ}$$

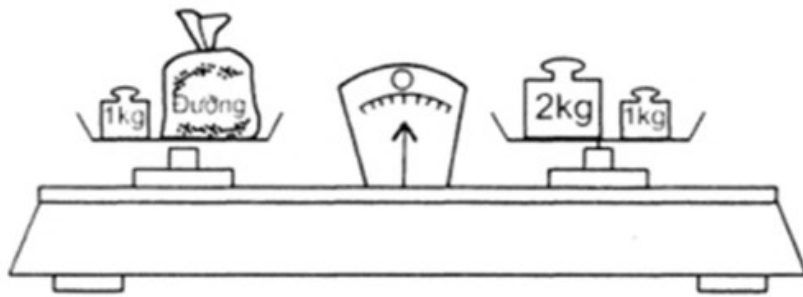
$$5 \text{ giờ} \times 3 =$$

$$16 \text{ giờ} : 4 =$$

157. a) Từ 8 giờ sáng đến 10 giờ sáng cùng ngày là bao nhiêu giờ ?
b) Từ 8 giờ sáng đến 2 giờ chiều cùng ngày là bao nhiêu giờ ?
c) Từ 8 giờ tối hôm trước đến 8 giờ sáng hôm sau là bao nhiêu giờ ?
158. Hôm nay là thứ hai ngày 4 tháng 5. Như vậy còn cách ngày sinh nhật của Minh 10 ngày nữa. Hỏi sinh nhật của Minh là ngày mấy của tháng 5, vào thứ mấy trong tuần ?
159. Năm nay kỉ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5 vào thứ tư. Em có biết năm nay kỉ niệm ngày thành lập Đội 15-5, kỉ niệm ngày sinh nhật Bác 19-5 vào thứ mấy trong tuần không ?
160. Bạn Mai muốn biết ngày khai giảng năm học 5-9 là vào thứ mấy. Bạn Lan lại cho biết “ngày 25-9 là vào thứ hai”. Em có thể giúp bạn Mai biết ngày khai giảng là thứ mấy trong tuần được không ?
161. Thứ năm tuần này là ngày 15 tháng 6. Hỏi thứ năm tuần trước là ngày mấy ? Thứ năm tuần sau là ngày mấy ? Thứ ba tuần trước là ngày mấy ? Thứ bảy tuần sau là ngày mấy ?
162. Thứ hai tuần này ngày 4, thứ bảy tuần sau là ngày mấy ? Từ thứ hai tuần này đến thứ bảy tuần sau có mấy ngày chẵn, mấy ngày lẻ ?
Ghi chú : Ngày chẵn là 2, 4, 6,... ; ngày lẻ 1, 3, 5,...
163. Một bạn nói : “Trong tháng này có 2 chủ nhật liên nhau đều là ngày chẵn”. Bạn đó nói có đúng không ? Vì sao ?
164. Bạn Mận về quê thăm bà. Bạn Mận được ở với bà vừa đúng 1 tuần và 6 ngày. Tính ra bạn Mận chỉ ở nhà bà có 1 chủ nhật thôi. Hỏi bạn Mận đến nhà bà vào thứ mấy trong tuần ?
165. Quả dưa nặng mấy ki-lô-gam ?



166. Gói đường cân nặng mấy ki-lô-gam ?



167. Bằng cái cân hai đĩa và các quả cân : 1kg, 2kg, 5kg, em làm thế nào để có thể cân được một túi gạo 4kg ? (Nêu càng nhiều cách cân càng tốt).

168. Em theo mẹ ra chợ, mẹ mua về bốn thứ như hình vẽ. Sức em cùng lắm chỉ xách được 4kg thôi. Em có thể giúp mẹ mang được hai thứ nào về nhà không ?



Rau



Vịt



Khoai tây

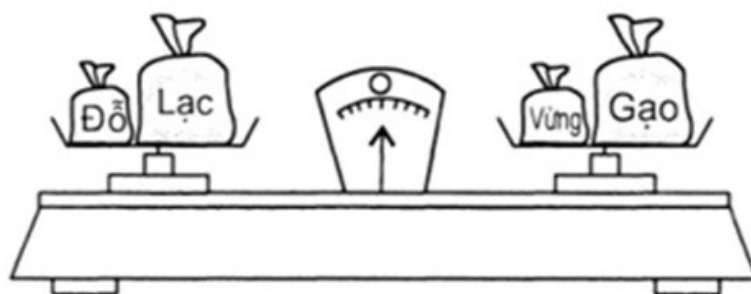


Bắp cải

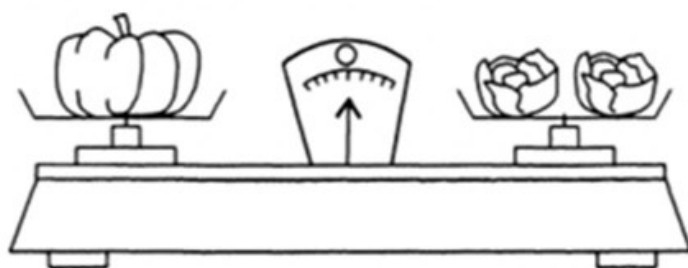
169. Con thỏ, con vịt, con nào nặng hơn ? Và nặng hơn mấy ki-lô-gam ?



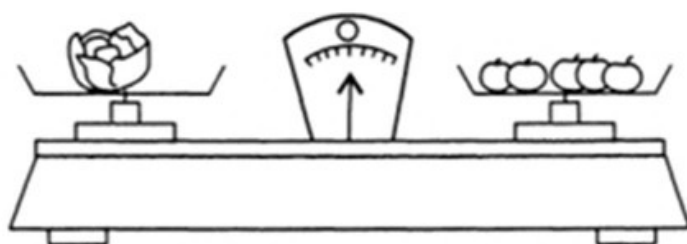
170. Em có thể cho biết túi gạo nặng hơn túi lạc bao nhiêu gam, biết rằng túi đỗ nặng hơn túi vừng 300 gam ?



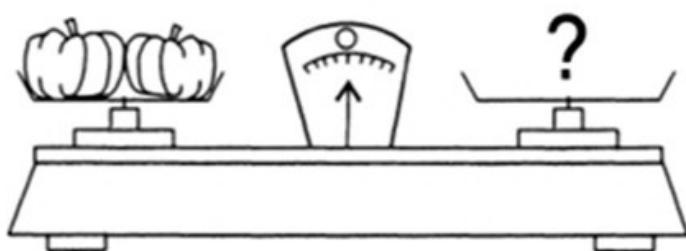
171. – Một quả bí ngô nặng bằng 2 bắp cải.



– Một bắp cải nặng bằng 5 quả cam.



– Một bên đĩa cân đã có hai quả bí ngô. Phải để lên đĩa kia bao nhiêu quả cam để cân thăng bằng ?



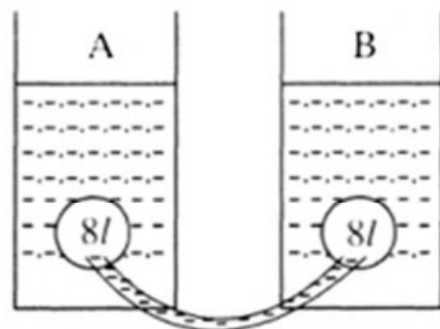
4. Một số bài toán khác

172. Hai bình A và B mỗi bình có 8l nước thông với nhau bởi một ống dẫn nước.

Đố em biết :

a) Nếu lấy ở bình A ra 4l nước thì ở bình A còn lại mấy lít nước ?

b) Nếu muốn đổ vào bình B cho được 10l nước thì phải đổ vào bình B mấy lít nước ?

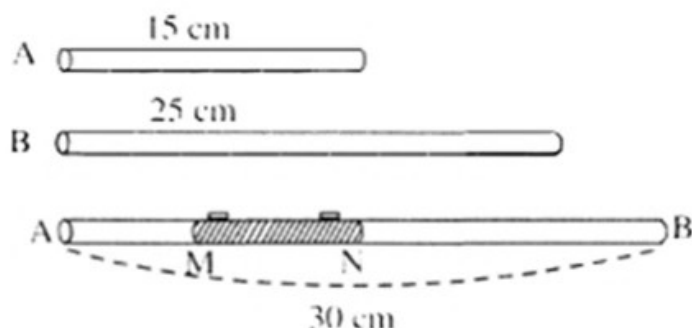


173. Em có 7 quả bóng, vừa bóng xanh vừa bóng đỏ vừa bóng vàng. Hỏi em có mấy quả bóng xanh, mấy quả bóng vàng, mấy quả bóng đỏ ? Biết số bóng xanh nhiều hơn bóng vàng nhưng lại ít hơn bóng đỏ.

174. Một trường đầu năm có 15 lớp. Nhưng có 2 lớp ở khối Năm ít học sinh quá nên nhà trường ghép lại thành một lớp. Còn ở khối Một có

3 lớp đông học sinh quá nên tách thành 5 lớp. Hỏi bây giờ trường đó có bao nhiêu lớp ?

175. Lồng hai ống A dài 15cm và B dài 25cm lại với nhau thì được ống AB dài 30cm.



Hỏi đoạn ghép nối MN dài bao nhiêu xăng-ti-mét ?

176. Bạn Mai cắt được 5 hình vuông màu đỏ và 3 hình tam giác màu xanh. Bạn Hoa cắt được 4 hình tròn màu xanh và 5 hình tam giác màu đỏ.

Hỏi :

- Cả hai bạn cắt được mấy hình tam giác ?
 - Cả hai bạn cắt được mấy hình màu xanh ?
 - Cả hai bạn cắt được mấy hình màu đỏ ?
 - Cả hai bạn cắt được mấy hình không phải là hình tam giác ?
177. Toàn có ít hơn Tùng 10 bút chì. Số bút chì của Tùng chưa được 1 tá. Hỏi cả hai bạn có bao nhiêu bút chì ?
178. Một lọ hoa có 10 bông vừa hoa cúc, vừa hoa đồng tiền. Số hoa đồng tiền nhiều hơn số hoa cúc. Hỏi số hoa cúc có nhiều nhất mấy bông ?
179. Tùng, Toàn và Nam có tất cả 8 quả bóng. Tùng có số bóng ít nhất, Toàn có số bóng nhiều nhất. Còn Nam có 3 quả bóng. Hỏi mỗi bạn có mấy quả bóng ?
180. Con ngỗng và con gà cộng lại nặng bằng con ngan và con vịt cộng lại. Con ngỗng nặng bằng 2 con vịt. Hỏi giữa gà và ngan con nào nặng hơn ?
Có thể nói chắc chắn con ngan nặng bằng 2 con gà không ?
181. Trong hộp có 4 bút màu đỏ, 6 bút màu xanh và 3 bút màu vàng. Bạn An lấy từ hộp ra 10 cái bút. Có thể nói chắc chắn rằng trong 10 cái bút An lấy ra ;
- Có ít nhất 1 cái bút màu vàng không ?
 - Có ít nhất 1 cái bút màu đỏ không ?

182. Trên sân cả gà và vịt có 10 con. Hỏi có mấy con gà, mấy con vịt ? Biết rằng bạn Mai đếm số gà thì thấy nhiều hơn 5 con, đếm số vịt thì thấy nhiều hơn 3 con.

183. Đ, S ?

- Mai ngồi bên trái Hoa.
- Hoa ngồi bên phải Đào.
- Hoa ngồi ở giữa hai bạn.
- Hoa ngồi bên trái Mai.
- Đào ngồi bên phải Hoa.



Mai Hoa Đào

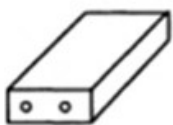
184. An nhiều tuổi hơn Hòa. Hòa ít tuổi hơn Mai nhưng lại nhiều tuổi hơn Hồng. Hỏi trong bốn bạn ai ít tuổi nhất ?

185. Túi phải có nhiều hơn túi trái 10 viên bi. Bạn Tùng lấy 7 viên bi từ túi phải cho sang túi trái. Hỏi bây giờ túi nào nhiều bi hơn và nhiều hơn mấy viên ?

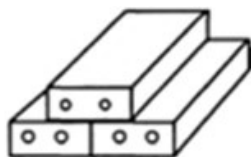
186. Đến dự liên hoan, ba bạn Mai, Hoa, Cúc mặc áo mỗi bạn một màu : xanh, hồng, tím. Mai không mặc áo màu xanh. Cúc không mặc áo màu xanh cũng không mặc áo màu hồng. Hỏi Hoa mặc áo màu gì ? Cúc mặc áo màu gì ? Mai mặc áo màu gì ?

187. Trong một rạp xiếc có 10 hàng ghế. Bạn Tư và Sáu cùng vào rạp xem xiếc. Bác soát vé bảo : “Mỗi cháu cứ đến hàng thứ năm mà tìm chỗ ngồi là được”. Bạn Tư đếm từ hàng trên xuống đến hàng thứ năm. Còn bạn Sáu lại đếm hàng thứ năm từ dưới lên trên. Hỏi như vậy hai bạn có ngồi cùng một hàng ghế không ?

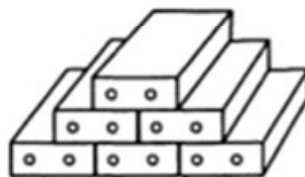
188.



Hình 1



Hình 2



Hình 3



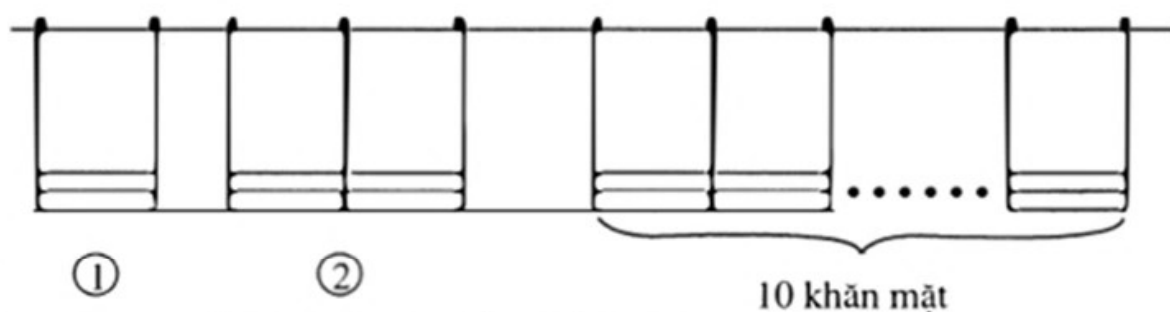
Hình 4

Em thử đoán xem đến hình 4 thì có mấy viên gạch ?

189. Cô giáo chấm bài toán của bốn bạn Hòa, Bình, Hải, Tú thì có 2 điểm 10, 1 điểm 9 và 1 điểm 7. Hòa được điểm cao hơn Bình nhưng lại thấp hơn Hải. Hỏi mỗi bạn được điểm nào ?

190. Bạn Ba đi câu cá. Trong giỏ câu được 3 con cá rô và chùng ấy con cá giếc. Số cá trê ít hơn cá giếc nhưng lại nhiều hơn cá quả. Hỏi bạn Ba câu được tất cả mấy con cá ?
191. Trong một chuồng có cả gà và thỏ. Bạn Hoa đếm được tất cả có 8 cái chân. Em hãy đoán xem trong chuồng có mấy con gà ? Mấy con thỏ ?
192. Trong bóng tối bạn An thấy 4 mắt mèo. Hỏi ở đó có mấy đuôi mèo ? Mấy chân mèo ?

193.

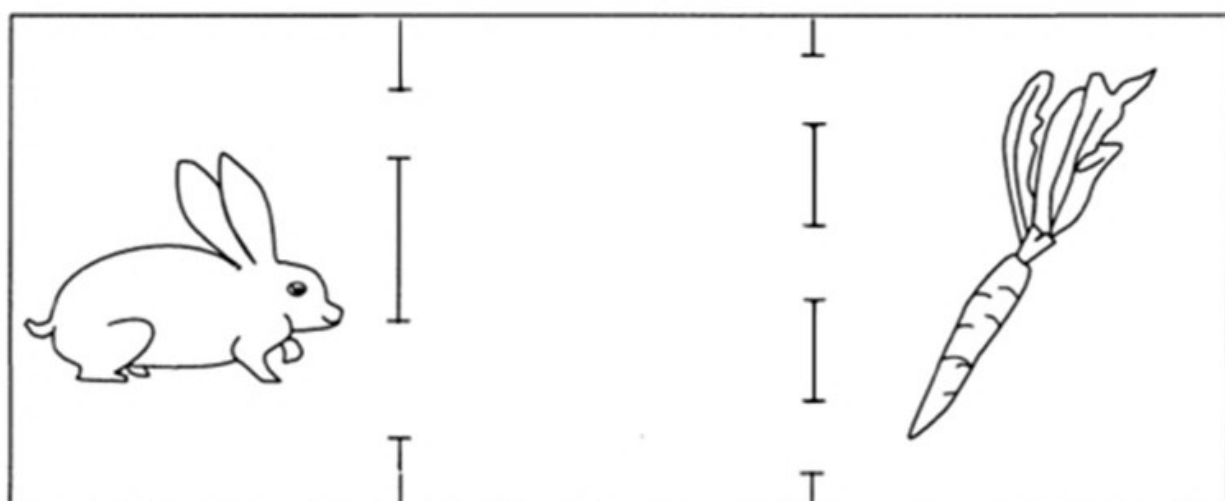


1 khăn mặt cần 2 cái cặp để phơi (hình 1).

2 khăn mặt cần 3 cái cặp để phơi (hình 2).

Em hãy xem, để phơi 10 khăn mặt theo kiểu đó cần bao nhiêu cái cặp ?

194.

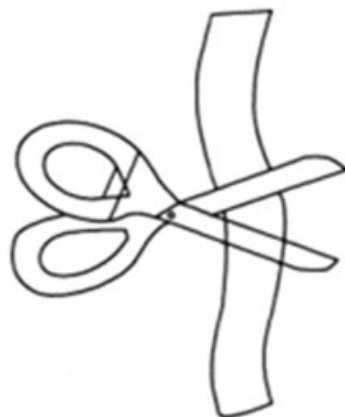


Có mấy cách để con thỏ đi tới củ cà rốt ?

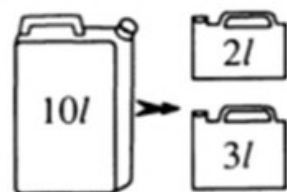
195. Một đường phố có số căn nhà ở mỗi bên bằng nhau. Bên phải đường, các nhà đánh số lẻ : 1 ; 3 ; 5 ; ... Bên trái đường, các nhà đánh số chẵn 2 ; 4 ; 6 ; ... (Đối diện với nhà số 1 là nhà số 2, đối diện nhà số 3 là nhà số 4,...)
- a) Biết căn nhà cuối cùng của dãy đánh số 35.
Hỏi căn nhà cuối cùng của dãy bên trái đánh số nào ?
- b) Đường phố đó có tất cả bao nhiêu căn nhà ?

196. a) Có một băng giấy màu. Em cắt băng giấy đó thành 5 đoạn. Hỏi em phải dùng mấy nhát kéo ?

b) Bây giờ em lấy ra 3 đoạn vừa cắt được, mỗi đoạn em lại cắt thành hai đoạn nhỏ. Hỏi bây giờ cả đoạn lớn và đoạn nhỏ em có tất cả bao nhiêu đoạn ?

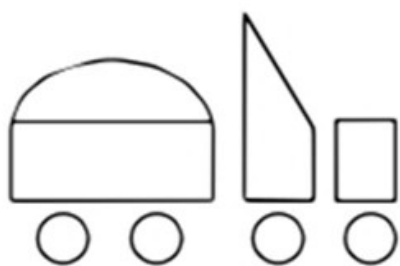


197. Từ can đầy 10l dầu, em muốn rót sang các can 2l và 3l. Hỏi có thể rót đầy được mấy can 2l, mấy can 3l ?



IV. MỘT SỐ BÀI TOÁN VỀ YẾU TỐ HÌNH HỌC

198. Có mấy hình chữ nhật trong mỗi hình sau ? Tô màu vào các hình chữ nhật đó.



A



B



C

199. Có mấy hình tứ giác trong mỗi hình sau ?



A



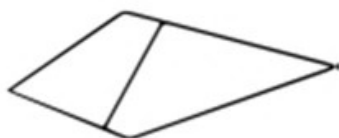
B



C

200. Trong hình vẽ có mấy hình tứ giác ?

a)



H 1

b)

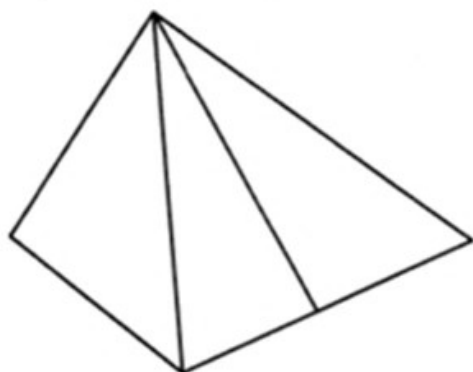


H 2

201. Trong hình vẽ có :

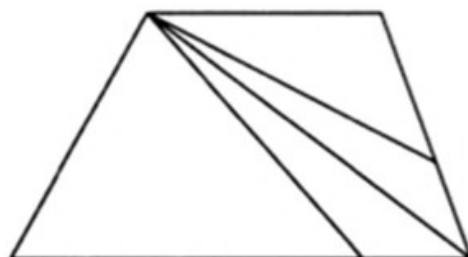
- Máy hình tứ giác ?
- Máy hình tam giác ?

a)



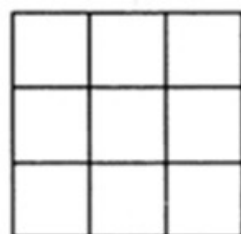
H 3

b)



H 4

202. Ở hình bên có tất cả bao nhiêu hình vuông ?
(các ô vuông đều bằng nhau)



203. Kẻ một đoạn thẳng trên hình bên để được :

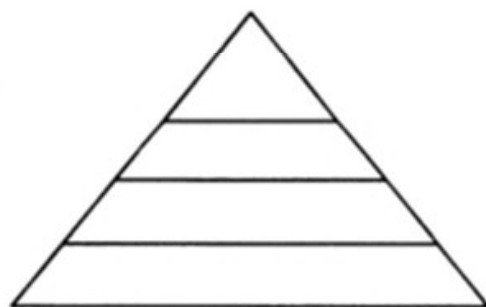
- a) 2 hình tam giác và 1 hình tứ giác ;
- b) 3 hình tứ giác ;
- c) 2 hình tứ giác và 1 hình tam giác.



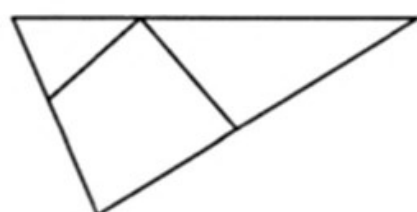
204. Kẻ một đoạn thẳng trên hình bên để được 5 hình tam giác.



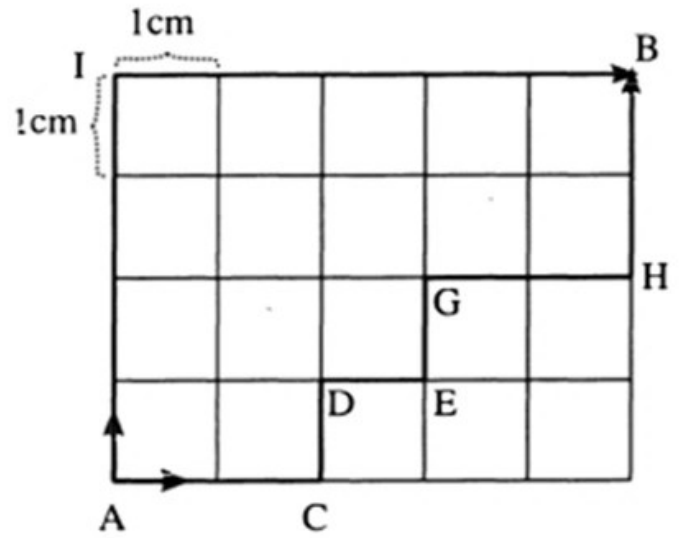
205. Số hình tam giác và số hình tứ giác trong hình bên hơn, kém nhau mấy hình ?



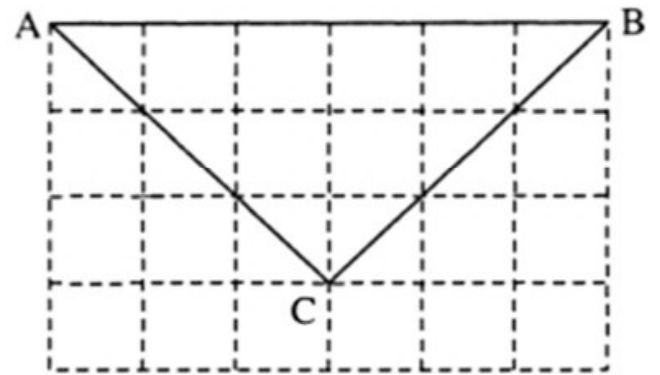
206. So sánh số hình tam giác với số hình tứ giác có trong hình bên :



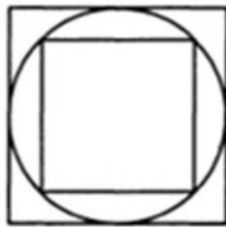
207. Con kiến đi từ A đến B theo đường AIB hoặc theo đường ACDEGHB thì đi đường nào ngắn hơn ?



208. Em hãy cắt hình tam giác ABC (trong hình bên). Rồi cắt đôi hình tam giác đó thành hai phần để ghép lại được một hình vuông.



209. a) Ở hình A có mấy hình tròn ? Mấy hình vuông ? Mấy hình tam giác ?



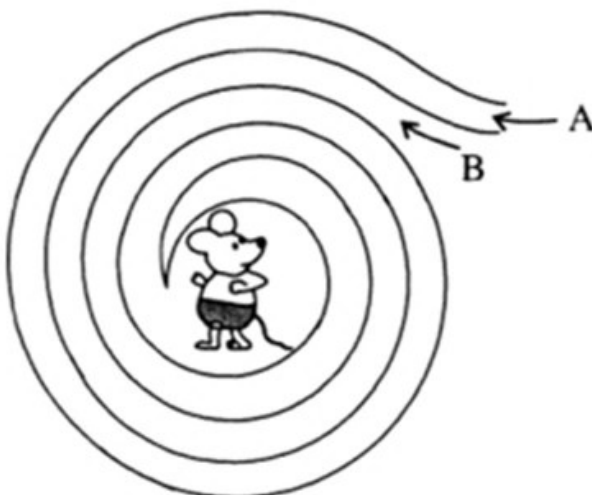
A



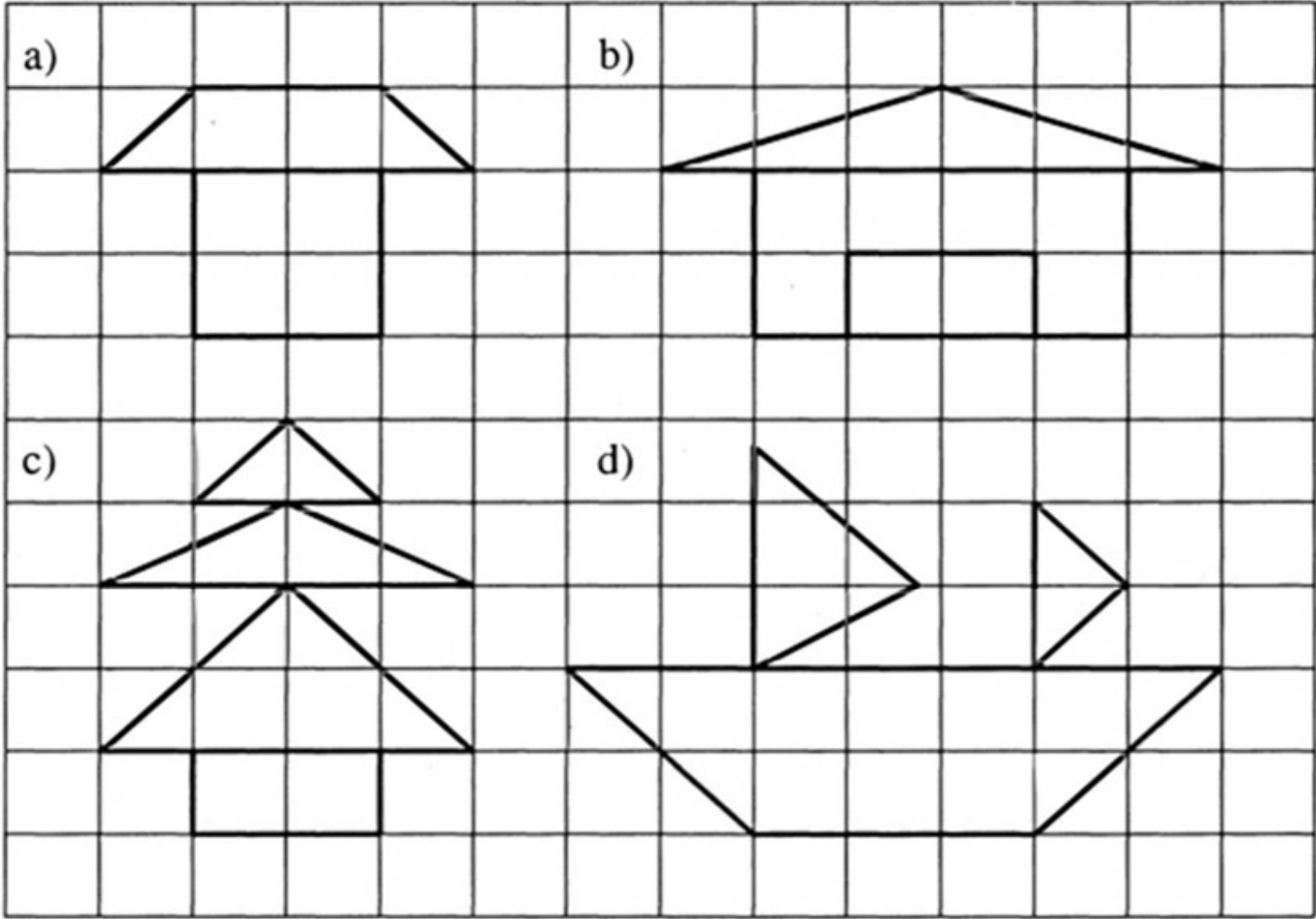
B

b) Ở hình B có mấy hình tròn ? Mấy hình vuông ? Mấy hình tam giác ?

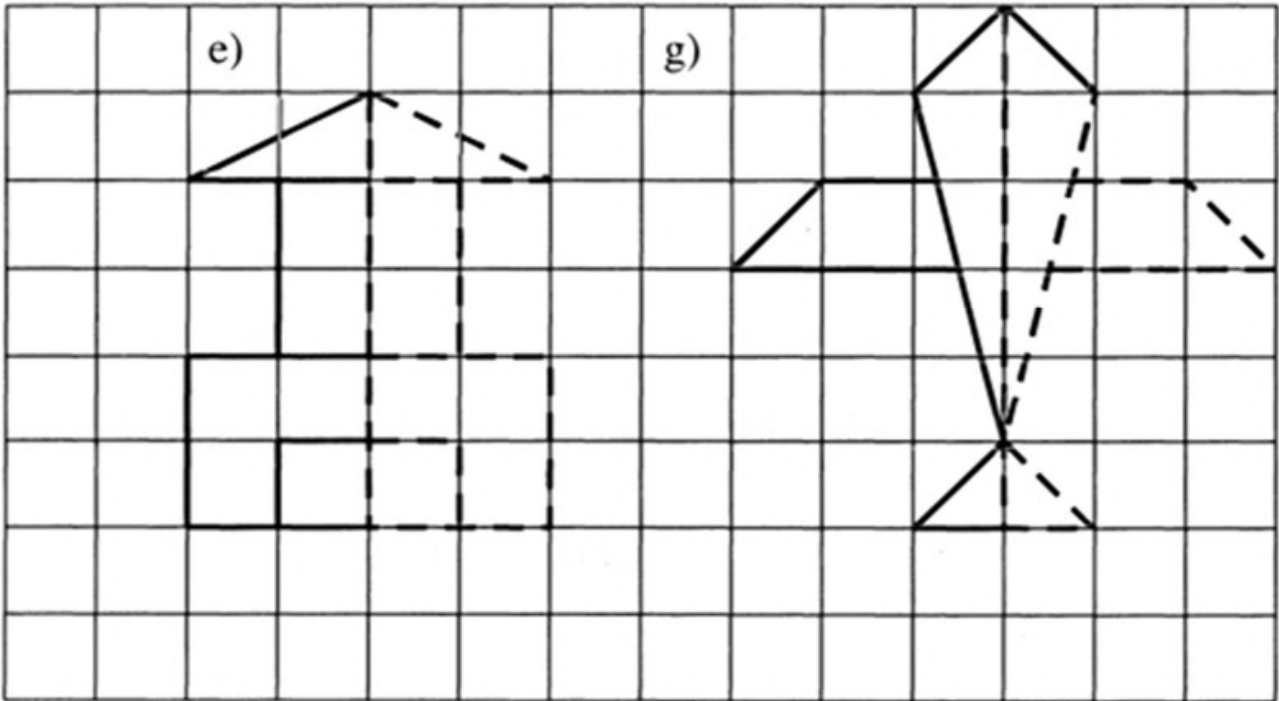
210. Con mèo đi vào cửa A hay cửa B để bắt được chuột ?



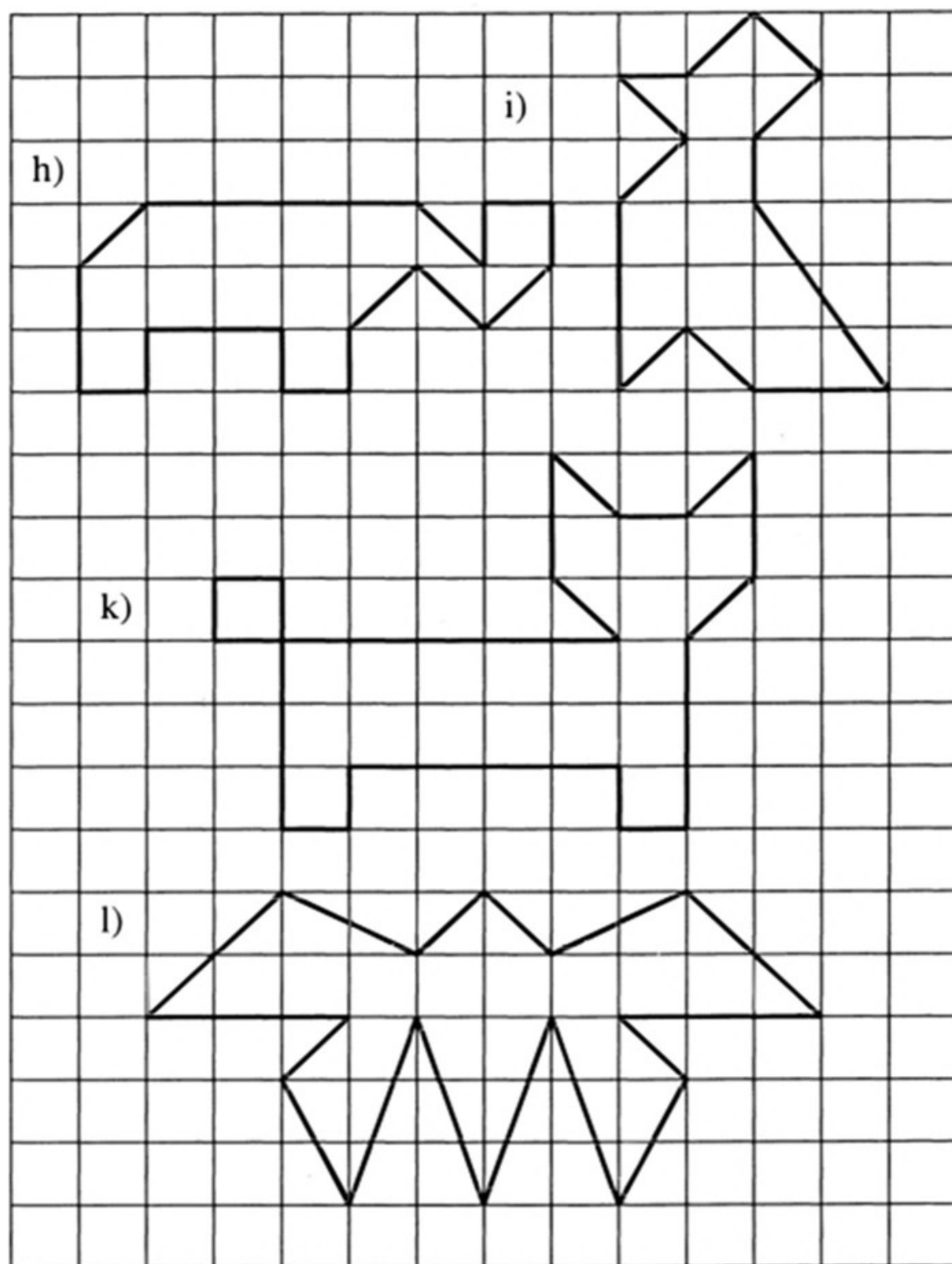
211. Vẽ hình (theo mẫu) :



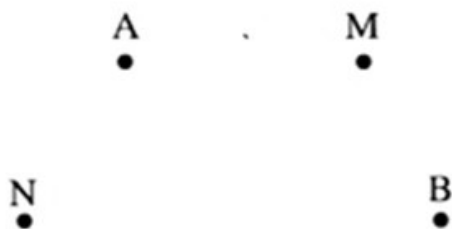
212. Vẽ đủ hình, rồi tô màu :



213. Vẽ hình (theo mẫu) :

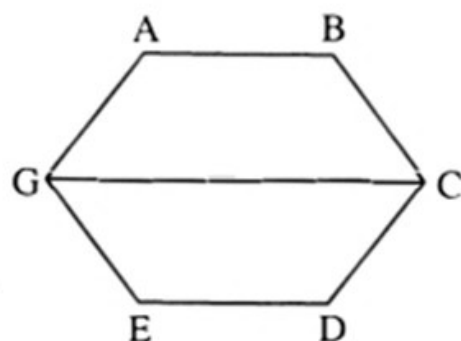


214. Nối các điểm để được hình gấp khúc gồm 3 đoạn thẳng. (Vẽ được càng nhiều cách càng tốt) :

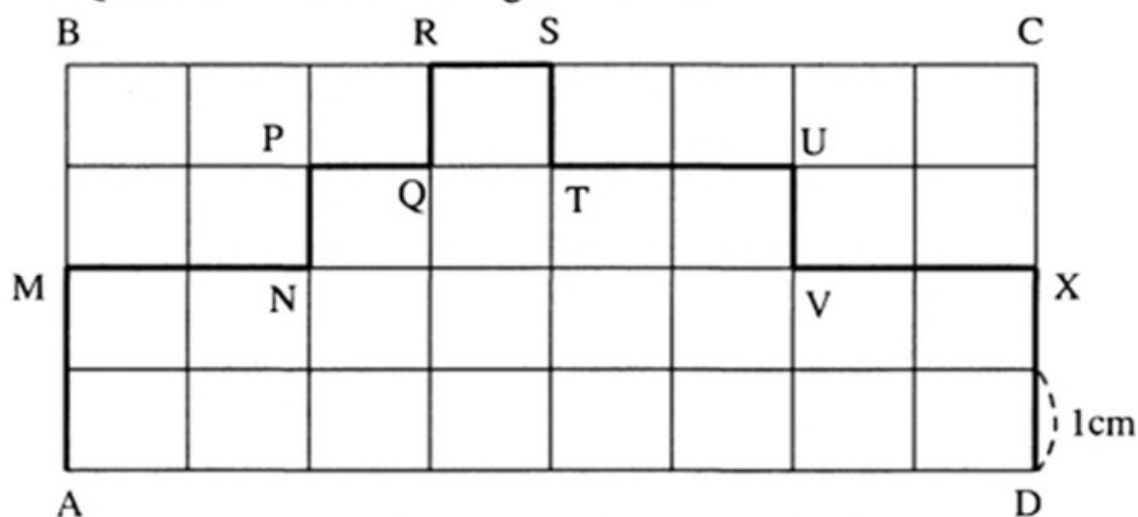


215. Ghi tên các đường gấp khúc có trong hình bên, biết :

- a) Đường gấp khúc đó gồm 2 đoạn thẳng ;
 b) Đường gấp khúc đó gồm 3 đoạn thẳng.



216. So sánh độ dài đường gấp khúc ABCD và đường gấp khúc AMNPQRSTUVD như trong hình vẽ :



217. Tính chu vi hình tam giác có độ dài các cạnh là :

- a) 120cm, 135cm, 200cm ; b) 100cm, 15dm, 2m.

218. Tính chu vi hình tứ giác có độ dài các cạnh là :

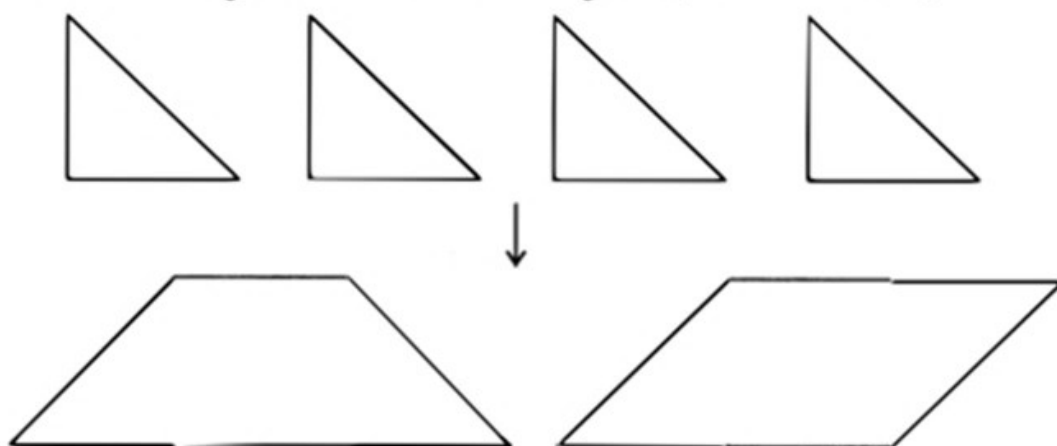
- a) 105cm, 110cm, 113cm, 160cm ; b) 65cm, 7dm, 112cm, 2m.

219. Ghép hai hình vuông ta được một hình chữ nhật (như hình vẽ).

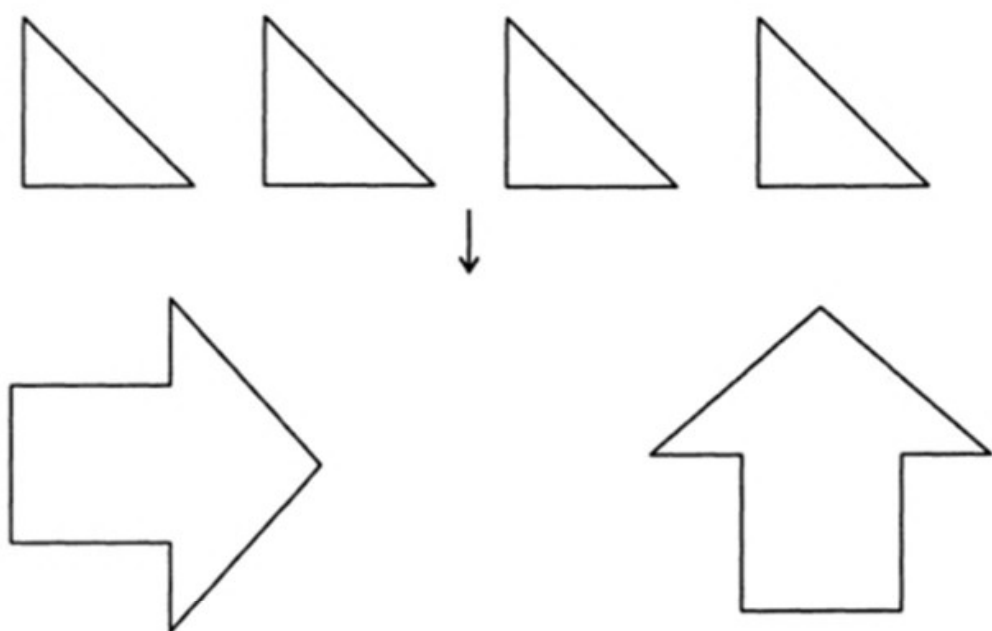
Em hãy tính chu vi hình chữ nhật, biết chu vi hình vuông là 40cm (hình vuông có bốn cạnh bằng nhau).



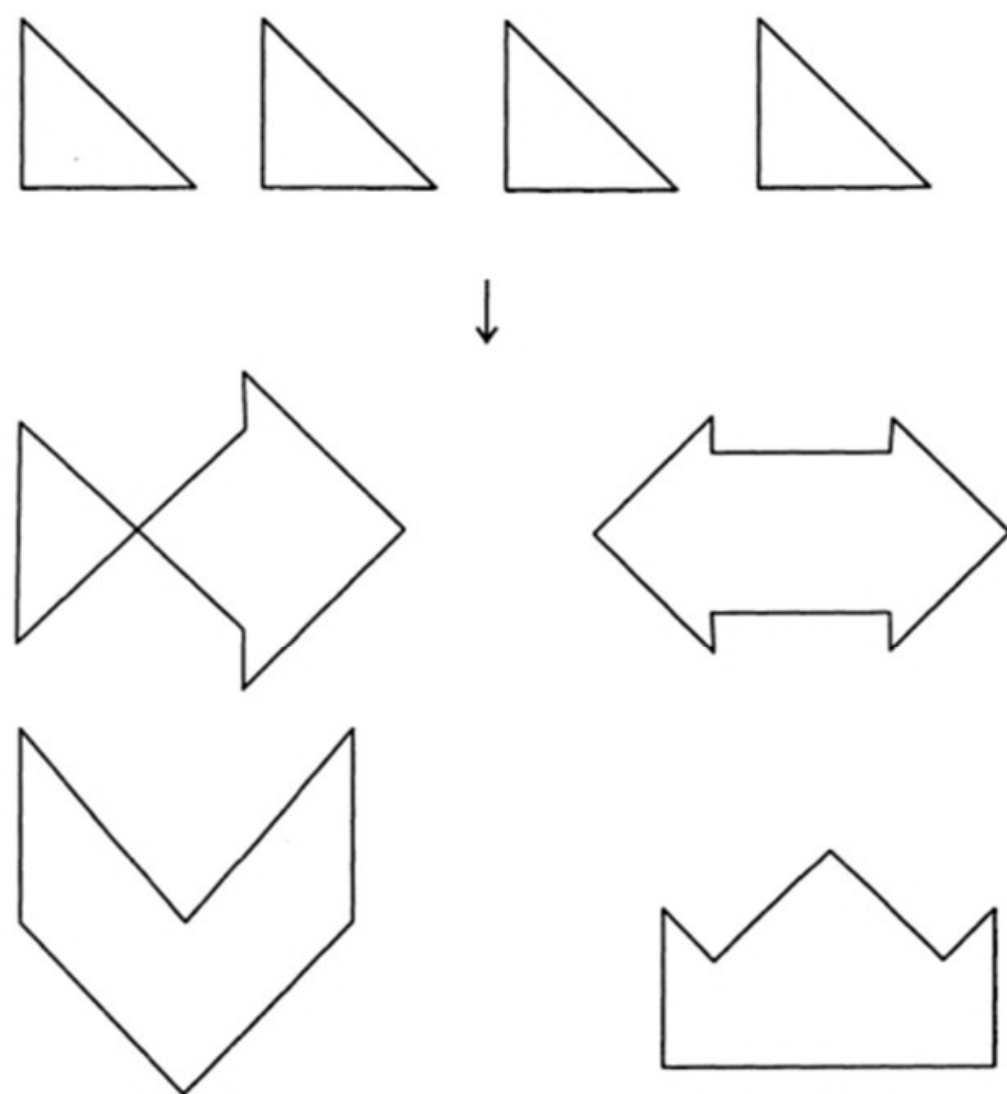
220. Xếp 4 hình tam giác thành hình tứ giác (xem hình vẽ) :



221. Xếp 4 hình tam giác thành hình mũi tên hoặc hình ngôi nhà (xem hình vẽ) :



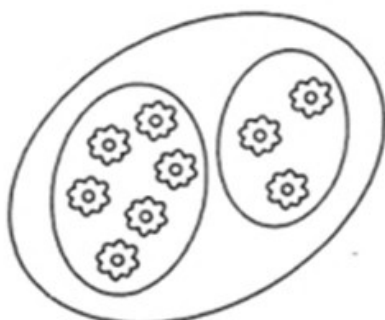
222. Xếp 4 hình tam giác thành các hình sau (xem hình vẽ) :



V. MỘT SỐ ĐỀ TỰ KIỂM TRA

Đề 1

Bài 1 : Nhìn hình vẽ, em hãy ghi số vào ô trống trong phép tính thích hợp :



$$\square + \square = \square$$

$$\square + \square = \square$$

$$\square - \square = \square$$

$$\square - \square = \square$$

Bài 2 : Điền số thích hợp vào ô trống :

a) $\square + 3 = 10$;

b) $7 - \square = 4 + 3$;

c) $\square + \square = 1$;

d) $2 - \square - \square = 0$.

Bài 3 : An cho Bình 3 hòn bi. Lúc này mỗi bạn đều có 5 hòn bi. Hỏi trước khi An cho Bình :

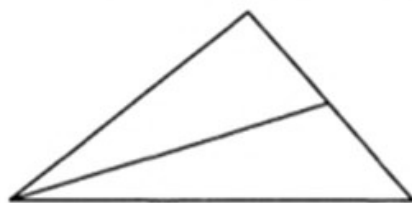
a) Mỗi bạn có mấy hòn bi ?

b) An hơn Bình mấy hòn bi ?

Bài 4 : Trong hình bên có :

a) Mấy hình tam giác ?

b) Mấy đoạn thẳng ?



Đề 2

Bài 1 : Tìm một số, biết rằng lấy số đó trừ đi 1 rồi trừ tiếp đi 3 thì được kết quả là 5.

Bài 2 : Tuấn có 4 quả bóng vừa bóng xanh vừa bóng đỏ. Số bóng đỏ nhiều hơn số bóng xanh. Hỏi Tuấn có mấy quả bóng đỏ ? Mấy quả bóng xanh ?

Bài 3 : Điền số thích hợp vào ô trống :

a) $10 + 3 < \square < 17$;

b) $8 + \square < 10 - \square$.

Bài 4 : Tính nhanh :

a) $10 - 9 + 8 - 7 + 6 - 5 + 4 - 3 + 2 - 1$;

b) $1 + 3 + 5 + 7 + 9 + 10 + 8 + 6 + 4 + 2 + 0$.

Đề 3

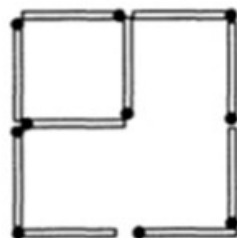
Bài 1 : Viết tất cả các số có hai chữ số mà tổng hai chữ số của số đó bằng số nhỏ nhất có hai chữ số.

Bài 2 : Viết đủ các số hạng trong tổng sau rồi tính kết quả của tổng đó :

$$2 + 4 + 6 + \dots + 14 + 16 + 18.$$

Bài 3 : Hoa, Hồng, Huệ cùng gắp thuyền được tất cả 27 chiếc. Số thuyền của Hoa và Hồng cộng lại được 17 chiếc. Số thuyền của Hồng và Huệ cộng lại được 19 chiếc. Hỏi mỗi người gắp được mấy chiếc thuyền ?

Bài 4 : a) 10 que diêm xếp ở hình sau đây tạo thành mấy hình vuông ?



b) Em hãy xếp lại vị trí 2 que diêm để được 3 hình vuông.

Đề 4

Bài 1 : Từ ba chữ số 1, 3, 5 em hãy viết tất cả các số có hai chữ số khác nhau mà mỗi số đó lớn hơn 30.

Bài 2 : Điền chữ số thích hợp vào ô trống :

$$\begin{array}{r} \square 2 \\ + 1 \square \\ \hline 81 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \square \\ + \square 5 \\ \hline 43 \end{array}$$

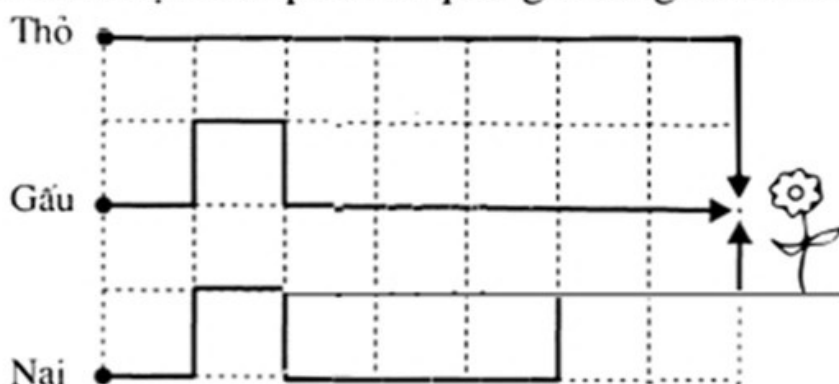
$$\begin{array}{r} 70 \\ - \square \square \\ \hline 24 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 82 \\ - \square 4 \\ \hline 4 \square \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \square 8 \\ - 7 \square \\ \hline \square 9 \end{array}$$

Bài 3 : Mai có 28 bông hoa, Mai cho Hoà 8 bông hoa, Hoà lại cho Hồng 5 bông hoa. Lúc này ba bạn đều có số bông hoa bằng nhau. Hỏi lúc đầu Hoà và Hồng mỗi bạn có bao nhiêu bông hoa ?

Bài 4 : Thỏ, Gấu và Nai cùng đi tới chỗ bông hoa. Ba bạn đi ba đường khác nhau. Hỏi bạn nào phải đi quãng đường dài nhất ?



Đề 5

Bài 1 : Nối mỗi với kết quả đúng của nó :

$$135 + 17$$

(851)

$$253 + 3 - 10$$

(152)

$$105 + 18 + 16$$

(246)

$$812 + 39$$

(139)

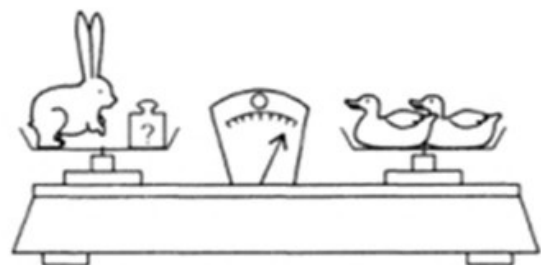
$$170 - 6 + 18$$

(182)

Bài 2 : Mai có 1 tá bút chì. Mai có ít hơn Hùng 2 cái. Bình có số bút chì nhiều hơn Mai nhưng lại ít hơn Hùng. Hỏi cả ba bạn có tất cả bao nhiêu bút chì ?

Bài 3 : Có bao nhiêu cách sắp xếp ba bạn : Hoàng, Hoà, Bình vào một bàn sao cho bạn Hoà lúc nào cũng ngồi ở đầu bàn ?

Bài 4 : Biết 2 con thỏ nặng bằng 3 con vịt. Mỗi con vịt cân nặng 2kg. Hỏi phải đặt thêm quả cân mấy ki-lô-gam vào bên con thỏ để cân được thăng bằng ?



HƯỚNG DẪN – TRẢ LỜI

1. Chẳng hạn :

- Nối các số 9, 5, 7, với “Số có một chữ số”.
- Nối các số 14, 10, 15, 21, 70 với “Số có hai chữ số”.
- Nối các số 112, 917, 100, với “Số có ba chữ số”.

2. Chẳng hạn : Phân tích :

$$42 = 40 + 2 ; 17 = 10 + 7 ;$$

$$66 = 60 + 6 ; 91 = 90 + 1,$$

rồi viết các số tương ứng vào ô trống.

3. $235 = 200 + 30 + 5 ;$ $770 = 700 + 70 ;$ $205 = 200 + 5.$

4. a) 53 ; b) 16 ; c) 390 ; d) 444.

5. a) 15 ; 25 ; 35 ; 45 ; 55 ; 65 ; 75 ; 85 ; 95.

b) 50 ; 51 ; 52 ; 53 ; 54 ; 55 ; 56 ; 57 ; 58 ; 59.

c) 11 ; 22 ; 33 ; 44 ; 55 ; 66 ; 77 ; 88 ; 99.

6. Chẳng hạn : 32 ; 30 ; 37 ; 52 ; 50 ; 57.

7. a) Với các số 3, 6 làm chữ số hàng chục ; chữ số 1, 4, 7 làm chữ số hàng đơn vị, ta được 6 số sau :

$$31 ; 34 ; 37 ; 61 ; 64 ; 67.$$

b) 531 ; 534 ; 537 ; 561 ; 564 ; 567.

8. Từ các chữ số 4, 6, 8 có thể viết được 9 số có hai chữ số :

$$44 ; 46 ; 48 ; 64 ; 66 ; 68 ; 84 ; 86 ; 88.$$

9. Từ bốn chữ số 0, 1, 2, 3 có thể viết được 9 số có hai chữ số khác nhau :

$$10 ; 12 ; 13 ; 20 ; 21 ; 23 ; 30, 31, 32.$$

10. Từ ba chữ số 3, 5, 7 có thể lập được 6 số có ba chữ số khác nhau :

$$357 ; 375 ; 537 ; 573 ; 735 ; 753.$$

11. a) Có 10 số có 1 chữ số : 0 ; 1 ; 2 ; 3 ; 4 ; 5 ; 6 ; 7 ; 8 ; 9.
b) Từ 1 đến 99 có 99 số (cả số có một chữ số và số có hai chữ số).
Từ 1 đến 9 có 9 số (có một chữ số).
Vậy các số có hai chữ số là :

$$99 - 9 = 90 \text{ (số).}$$

- c) Từ 1 đến 99 có 99 số.

Từ 1 đến 26 có 26 số.

Vậy từ 27 đến 99 có :

$$99 - 26 = 73 \text{ (số có hai chữ số).}$$

- d) Từ 1 đến 999 có 999 số.

Từ 1 đến 99 có 99 số.

Vậy từ 100 đến 999 có :

$$999 - 99 = 900 \text{ (số có ba chữ số).}$$

12. Cho số 45 :

- a) Nếu xóa bỏ chữ số 5 thì số đó giảm đi :

$$45 - 4 = 41 \text{ (đơn vị).}$$

- b) Nếu xóa bỏ chữ số 4 thì số đó giảm đi :

$$45 - 5 = 40 \text{ (đơn vị).}$$

(Hoặc : Xóa bỏ chữ số 4 tức là giảm đi 4 chục hay 40 đơn vị)

13. Cho số a có hai chữ số :

- a) Nếu chữ số hàng chục bớt đi 2 thì số a giảm 2 chục hay 20 đơn vị.

- b) Nếu chữ số hàng chục tăng thêm 2 thì số a tăng thêm 2 chục hay 20 đơn vị.

- c) Nếu chữ số hàng chục tăng thêm 1 thì số a tăng thêm 1 chục hay 10 đơn vị. Nếu lại giảm chữ số hàng đơn vị đi 1 thì số a chỉ còn tăng thêm :

$$10 - 1 = 9 \text{ (đơn vị)}$$

14. a) Nếu chữ số hàng trăm bớt đi (hay tăng thêm) 2 thì số đó giảm đi (hay tăng thêm) 200 đơn vị.

b) Số đó tăng thêm :

$$350 - 305 = 45 \text{ (đơn vị).}$$

15. a) Hai số có hai chữ số có cùng chữ số hàng chục mà chữ số hàng đơn vị hơn kém nhau 5 thì hai số đó hơn kém nhau 5 đơn vị.

b) Hai số có hai chữ số có cùng chữ số hàng đơn vị mà chữ số hàng chục hơn, kém nhau 5 thì hai số đó hơn, kém nhau 5 chục hay 50 đơn vị.

16. Số có hai chữ số mà khi đọc từ phải sang trái hoặc từ trái sang phải thì được các số có cùng giá trị phải là số có hai chữ số giống nhau. Vậy các số đó là :

$$11 ; 22 ; 33 ; 44 ; 55 ; 66 ; 77 ; 88 ; 99.$$

17. Miếng bìa đặt xuôi



Miếng bìa đặt ngược.



Có thể tìm được 9 số có hai chữ số có đặc điểm đó là :

$$66 ; 68 ; 69 ; 86 ; 88 ; 89 ; 96 ; 98 ; 99.$$

18. a) Biết :

$$5 = 5 + 0 = 4 + 1 = 3 + 2$$

Các số có hai chữ số mà tổng hai chữ số bằng 5 là số :

$$50 ; 41 ; 14 ; 32 ; 23.$$

b) Biết :

$$18 = 9 + 9 \text{ (mỗi chữ số phải bé hơn 10)}$$

Số có hai chữ số mà tổng các chữ số bằng 18 là số 99.

c) Biết $1 = 1 + 0$

Số có hai chữ số mà tổng các chữ số bằng 1 là số 10.

19. a) Biết :

$$5 = 5 - 0 = 6 - 1 = 7 - 2 = 8 - 3 = 9 - 4$$

Số có hai chữ số mà hiệu các chữ số của nó bằng 5 là :

50 ; 61 ; 16 ; 72 ; 27 ; 83 ; 38 ; 94 ; 49.

b) Biết : $9 = 9 - 0$ (mỗi chữ số bé hơn 10)

Số có hai chữ số mà hiệu các chữ số của nó bằng 9 là : 90.

c) Hiệu hai chữ số bằng 0 thì hai chữ số đó bằng nhau. Số có hai chữ số mà hiệu các chữ số của nó bằng 0 là số có hai chữ số giống nhau. Đó là :

11 ; 22 ; 33 ; 44 ; 55 ; 66 ; 77 ; 88 ; 99.

20. Biết : $5 + 0 = 5 - 0 = 5$.

Số đó là : 50.

21. – Số đó là 9 vì $9 + 2 = 11$; 11 là số có hai chữ số.

– Số đó là 8 vì $8 + 2 = 10$; 10 là số có hai chữ số.

(Nếu số đó là 7 thì $7 + 2 = 9$, 9 không là số có hai chữ số)

22. Số đó có chữ số hàng chục là 2, đó là các số :

20 ; 21 ; 22 ; 23 ; 24 ; 25 ; 26 ; 27 ; 28 ; 29.

Thử : $20 - 20 = 0$ (là số có một chữ số)

$21 - 20 = 1$ (là số có một chữ số)

.....

$29 - 20 = 9$ (là số có một chữ số)

23. Thêm 2 vào số đó ta được số bé hơn 13 suy ra số đó bé hơn 11 ($13 - 2 = 11$).

– Số đó là số có hai chữ số. Vậy số đó là 10.

Thử lại : $10 + 2 = 12$, $12 < 13$.

24. Thêm 1 chục vào số đó ta được một số lớn hơn 18, suy ra số đó lớn hơn 8 (vì $18 - 10 = 8$).

– Số đó là số có một chữ số. Vậy số đó là 9 ($9 > 8$).

Thử lại : $9 + 10 = 19$, $19 > 18$.

25. a) Biết : $3 = 3 + 0 + 0 = 2 + 1 + 0 = 1 + 1 + 1$

Số có ba chữ số mà tổng ba chữ số bằng 3 là :

300 ; 210 ; 201 ; 120 ; 102 ; 111.

b) Biết : $2 = 2 + 0 + 0 = 1 + 1 + 0$

Số có ba chữ số mà tổng 3 chữ số bằng 2 là : 200, 110, 101.

c) Biết : $1 = 1 + 0 + 0$

Số có ba chữ số mà tổng 3 chữ số bằng 1 là : 100

26. – Hiệu của chữ số hàng trăm và chữ số hàng chục bằng 0, tức là hai chữ số đó bằng nhau.

– Hiệu của chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị bằng 9, thì chữ số hàng chục là 9, chữ số hàng đơn vị là 0 (vì $9 - 0 = 9$).

Vậy số có ba chữ số thỏa mãn hai điều kiện trên là số 990.

27. – Nếu chữ số hàng trăm là 1 thì chữ số hàng chục là 3 ($1 \times 3 = 3$), chữ số hàng đơn vị là 9 ($3 \times 3 = 9$). Số đó là 139.

– Nếu chữ số hàng trăm là 2 thì chữ số hàng chục là 6 ($2 \times 3 = 6$), chữ số hàng đơn vị là 18 ($6 \times 3 = 18$). Không được (vì $18 > 10$).

28. Thêm 1 vào 98 được số 99 (là số có hai chữ số). Thêm 1 vào 99 được 100 (là số có ba chữ số).

Vậy số cần tìm là 99.

29. Số có một chữ số chỉ có thể là 9.

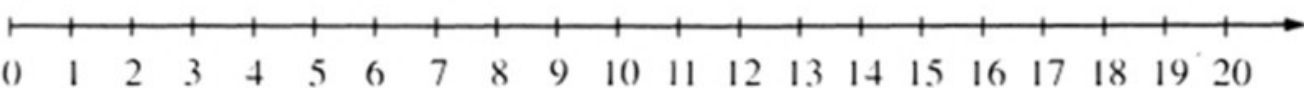
– Số có ba chữ số cần tìm là : $9 + 91 = 100$.

(Nếu số có một chữ số là 8 thì số cần tìm là : $8 + 91 = 99$. Không được vì 99 không là số có ba chữ số).

30. a) Số 306 đọc là : – Ba mươi sáu (S)

– Ba trăm linh sáu (Đ)

b) (C). 505

31. 

32. Hai số liền nhau hơn kém nhau 1 đơn vị.

Chẳng hạn : 5 và 6 ; 17 và 18 ; ...

b) Chẳng hạn : Năm số liền nhau, mỗi số có hai chữ số là :

11 ; 12 ; 13 ; 14 ; 15.

33. a) Số liền sau số 99 là số 100.

Số liền trước số 99 là số 98.

b) Số liền sau và số liền trước của cùng một số hơn kém nhau 2 đơn vị.

Chẳng hạn : Số liền sau số 24 là số 25.

Số liền trước số 24 là số 23.

Ta có : $25 - 23 = 2$.

34. Số a là : $15 + 1 = 16$

Số liền sau số a là : $16 + 1 = 17$

(Hoặc số liền sau số a là : $15 + 2 = 17$).

b) Tương tự như trên, số liền trước của số b là :

$$20 - 2 = 18.$$

c) $c = 0$, vì số 0 không có số liền trước của nó.

35. a) Số tròn chục liền trước của 100 là 90.

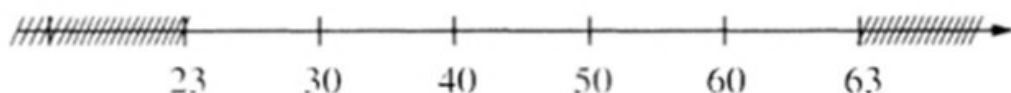
Số tròn chục liền sau của 100 là 110.

b) Số tròn chục liền trước của 60 là 50.

Số tròn chục liền sau của 60 là 70.

36. a) Các số có hai chữ số bé hơn 17 là : 10 ; 11 ; 12 ; 13 ; 14 ; 15 ; 16.

b) Các số tròn chục vừa lớn hơn 23 vừa bé hơn 63 là : 30 ; 40 ; 50 ; 60.



37. Hai số liền nhau mà một số có một chữ số và một số có hai chữ số là : 9 và 10.

38. a) 0 ; 1 ; 2 ; 3 ; 4 ; 5 ; 6 ; 7 ; 8 ; 9 ; 10 ; 11 ; 12 ; 13 ; 14 ; 15.

b) 0 ; 2 ; 4 ; 6 ; 8 ; 10 ; 12 ; 14 ; 16 ; 18 ; 20 ; 22 ; 24 ; 26 ; 28 ; 30.

c) 1 ; 3 ; 5 ; 7 ; 9 ; 11 ; 13 ; 15 ; 17 ; 19 ; 21 ; 23 ; 25 ; 27 ; 29 ; 31.

39. (16) ; 21 ; (7) ; 45 ; (6) ; (11) ; 60 ; 20 ; (17) ; 86 ; (12) ; 31 ; 26 ; (18) ; 24.

40. a) $*7 < 26$. Viết chữ số 1 vào dấu * để có $17 < 26$.

b) $5* > 58$. Viết chữ số 9 vào dấu * để có $59 > 58$.

c) $3^* < ** < 32$. Ta có các chữ số thích hợp viết vào dấu * để có

$$30 < 31 < 32.$$

d) $53^* < *** < 532$. Ta có các chữ số thích hợp viết vào dấu * để có

$$530 < 531 < 532.$$

41. a) Số bé nhất có hai chữ số là : 10 ;

b) Số lớn nhất có một chữ số là : 9 ;

c) Số lớn nhất có hai chữ số là : 99 ;

d) Số bé nhất có ba chữ số là : 100 ;

e) Số lớn nhất có ba chữ số là : 999 ;

g) Số bé nhất có một chữ số là : 0.

42. Số bé nhất có hai chữ số là 10, số lớn nhất có một chữ số là 9. Hai số đó hơn, kém nhau 1 đơn vị

$$(10 - 9 = 1).$$

43. a) Số lớn hơn 45 mà chữ số hàng chục bé hơn 5 là :

$$46 ; 47 ; 48 ; 49.$$

(Số có chữ số hàng chục bé hơn 5 thì số đó bé hơn 50)

b) Số có hai chữ số bé hơn 25 có thể là :

$$10 ; 11 ; 12 ; 13 ; 14 ; 15 ; 16 ; 17 ; 18 ; 19 ; 20 ; 21 ; 22 ; 23 ; 24.$$

Trong các số đó, số có chữ số hàng đơn vị lớn hơn 5 là :

$$16 ; 17 ; 18 ; 19.$$

44. a) Chẳng hạn : Nối các số 7, 8, 2, 5, 4 với ô trống .

b) Các số xếp theo thứ tự từ bé đến lớn :

$$2 ; 4 ; 5 ; 7 ; 8 ; 9 ; 10 ; 16.$$

45. Tìm x :

a) $x < 5$

Các số bé hơn 5 là : $x = 0 ; x = 1 ; x = 2 ; x = 3 ; x = 4$.

b) $x < 1$

Số bé hơn 1 là : $x = 0$.

46. Tìm số có hai chữ số x , biết :

a) $x < 15$

Các số có hai chữ số bé hơn 15 là :

$$x = 10 ; x = 11 ; x = 12 ; x = 13 ; x = 14.$$

b) $x > 95$

Các số có hai chữ số lớn hơn 95 là : $x = 96 ; x = 97 ; x = 98 ; x = 99$.

47. a) Chẳng hạn nối các số 13, 17, 26, 14, 19 với ô trống.

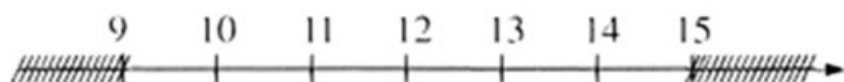
b) Các số xếp theo thứ tự từ lớn đến bé :

$$35 ; 31 ; 26 ; 19 ; 17 ; 14 ; 13 ; 9.$$

48. Tìm x :

a) $9 < x < 15$

$$x = 10 ; x = 11 ; x = 12 ; x = 13 ; x = 14 ;$$



b) $48 < x + 1 < 50$

$$x + 1 = 49$$

$$x = 49 - 1$$

$$x = 48.$$

49. Tìm số có một chữ số x , biết :

a) $7 < x$

x phải bé hơn 10 và lớn hơn 7 nên : $x = 8, x = 9$.

Hoặc thử với x lấy từ 0 đến 9.

b) $1 + x > 8$

x bé hơn 10 nên $1 + x$ bé hơn 11.

$$\text{Vậy } 1 + x = 9$$

$$x = 9 - 1$$

$$x = 8$$

$$\text{hoặc } 1 + x = 10$$

$$x = 10 - 1$$

$$x = 9.$$

50. a) Để viết các số từ 1 đến 9 phải dùng hết 9 chữ số là :

$$1 ; 2 ; 3 ; 4 ; 5 ; 6 ; 7 ; 8 ; 9.$$

b) Từ 10 đến 19 có 10 số có hai chữ số.

Để viết các số từ 10 đến 19 phải dùng hết 20 chữ số.

c) Từ 123 đến 129 có 7 số có ba chữ số.

Để viết các số từ 123 đến 129 ta phải dùng hết :

$$3 \times 7 = 21 \text{ (chữ số).}$$

51. Các số từ 10 đến 20 là :

10 ; 11 ; 12 ; 13 ; 14 ; 15 ; 16 ; 17 ; 18 ; 19 ; 20.

a) Trong các số đó có 2 chữ số 0.

b) Trong các số đó có 11 chữ số 1.

c) Trong các số đó có 1 chữ số 5.

52. Để viết các số từ 1 đến 9 cần dùng 9 chữ số. Như vậy còn 10 chữ số ($19 - 9 = 10$) để viết các số có hai chữ số. 10 chữ số đó đủ để viết 5 số có hai chữ số tiếp theo là : 10 ; 11 ; 12 ; 13 ; 14. Vậy $a = 14$.

53. a) 3 ; 6 ; 9 ; 12 ; 15 ; 18.

b) 100 ; 200 ; 300 ; 400 ; 500 ; 600.

c) 2 ; 4 ; 8 ; 16 ; 32 ; 64.

d) 112 ; 223 ; 334 ; 445 ; 556 ; 667.

54. a) $35x < 352$. Chữ số $x = 1$ (vì $351 < 352$)

$$x = 0 \text{ (vì } 350 < 352)$$

b) $207 > x70$. Chữ số $x = 1$ (vì $207 > 170$).

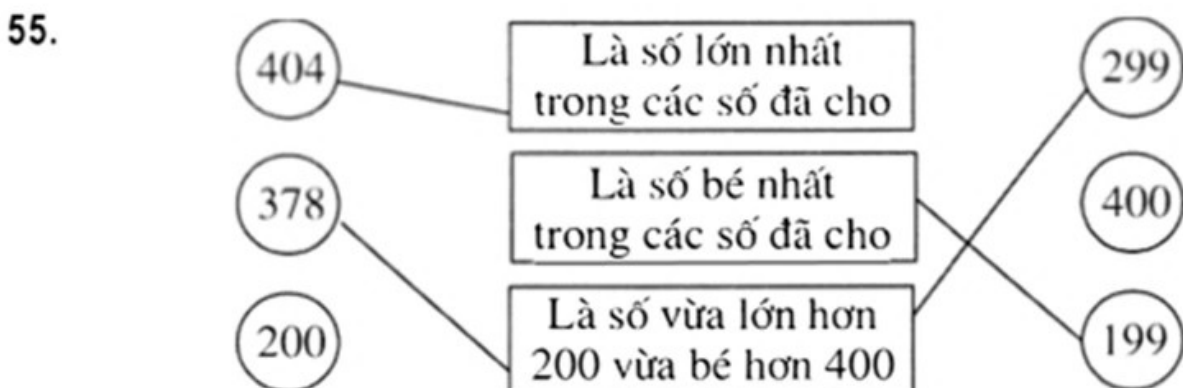
(Nếu $x = 2$ thì $207 < 270$. Không được).

c) $199 < .xx < 299$.

$$x = 2 \text{ thì } 199 < 222 < 299.$$

(Nếu $x = 1$ thì $199 > 111$. Không được)

(Nếu $x = 3$ thì $333 > 299$. Không được).



56. a) Chẳng hạn :

$$5 + 6 = 11 ; 6 + 6 = 12 ; 7 + 6 = 13 ; 8 + 6 = 14 ; 9 + 6 = 15.$$

b) $11 - 8 = 3 ; 12 - 8 = 4 ; 13 - 8 = 5 ; 14 - 8 = 6 ; 15 - 8 = 7.$

57. a)

Số hạng	5	7	14	3	15	0
Số hạng	9	9	6	8	0	0
Tổng	14	16	20	11	15	0

b)

Số bị trừ	12	14	11	14	13	10
Số trừ	9	7	11	6	0	0
Hiệu	3	7	0	8	13	10

58. Chẳng hạn : Nối phép tính : $(12 - 9)$ với 3, $(3 + 0)$ với 3, $(14 - 7)$ với 7, $(6 + 8)$ với 14, $(14 - 9)$ với 5, $(4 + 9)$ với 13.

59.

	11	12	13	14	15	16	17
-7	4	5	6	7	8	9	10
$+8$	12	13	14	15	16	17	18

60. $9 + 4 = 13 ;$ $20 - 17 = 3 ;$ $13 - 13 = 0 ;$

$7 + 13 = 20 ;$ $6 + 9 = 15 ;$ $0 + 0 = 0 ;$

$1 + 0 + 12 = 13 ;$ $16 - 1 - 0 = 15.$

Hoặc : $0 + 1 + 12 = 13 ; 16 - 0 - 1 = 15.$

61. Chẳng hạn : Tô màu vào các phép tính có kết quả là 5 :

$(11 - 6) ; (5 + 0) ; (15 - 10) ; (14 - 9).$

62. a) $x + 12 = 12 + 6$

$$x + 12 = 18$$

$$x = 18 - 12$$

$$x = 6$$

(Hoặc : Hai tổng bằng nhau và có cùng một số hạng thì hai số hạng còn lại bằng nhau. Vậy $x = 6$)

b) $14 - x = 14 - 2$

$$14 - x = 12$$

$$x = 14 - 12$$

$$x = 2$$

(Hoặc : Hai hiệu bằng nhau có cùng số bị trừ thì hai số trừ bằng nhau. Vậy $x = 2$)

c) $10 + x < 12$

$x = 0$ vì $10 + 0 = 10, 10 < 12$;

$x = 1$ vì $10 + 1 = 11, 11 < 12$.

d) $x - 8 < 3$

$$x - 8 = 0$$

$$x = 0 + 8$$

$$x = 8$$

$$x - 8 = 1$$

$$x = 1 + 8$$

$$x = 9$$

$$x - 8 = 2$$

$$x = 2 + 8$$

$$x = 10$$

Vậy $x = 8$; $x = 9$; $x = 10$.

63. a) $\underbrace{13 - 9}_4 = 4$

b) $\underbrace{5 + 7}_{12} < 13$

c) $\underbrace{6 + 8}_{14} < \underbrace{20 - 5}_{15}$

d) $\underbrace{11 - 6}_5 > \underbrace{11 - 8}_3$

(Hoặc : Hai hiệu có cùng số bị trừ, hiệu nào có số trừ bé hơn thì hiệu đó lớn hơn).

e) $\underbrace{13 + 4}_{17} > \underbrace{12 + 4}_{16}$

(Hoặc : Hai tổng có cùng một số hạng, tổng nào có số hạng còn lại lớn hơn thì tổng đó lớn hơn).

$$g) \underbrace{17 - 10}_7 < \underbrace{19 - 10}_9$$

(Hoặc : Hai hiệu có cùng số trừ, hiệu nào có số bị trừ bé hơn thì hiệu đó bé hơn).

64. Chẳng hạn : Các phép tính nối với ô thích hợp là :

$$(20 - 14) ; (11 - 6) ; (14 - 8).$$

65. a) $x < 12 - 9$

$$x < 3$$

$$x = 0 ; x = 1 ; x = 2.$$

b) $x + 13 < 13 + 3.$

$$x + 13 < 16$$

$$x = 0 \text{ vì } 0 + 13 = 13, 13 < 16 ;$$

$$x = 1 \text{ vì } 1 + 13 = 14, 14 < 16 ;$$

$$x = 2 \text{ vì } 2 + 13 = 15, 15 < 16.$$

(Hoặc : Cùng bớt 13 ở mỗi tổng : $x < 3$. Vậy : $x = 0 ; x = 1 ; x = 2$)

c) $12 - 7 < x < 12 - 4$

$$5 < x < 8$$

$$x = 6 \text{ vì } 5 < 6 < 8 ;$$

$$x = 7 \text{ vì } 5 < 7 < 8.$$

Vậy $x = 6 ; x = 7.$

66. Ta có : $12 = 6 + 6$

$$= 4 + 4 + 4$$

$$= 3 + 3 + 3 + 3$$

$$= 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2$$

$$= 1 + 1 + 1 + 1 + 1 + 1 + 1 + 1 + 1 + 1 + 1 + 1.$$

67. Số có hai chữ số là 10, số có một chữ số là 0 để tổng của hai số đó bằng 10.

$$(10 + 0 = 10)$$

68. Số có hai chữ số là 10, số có một chữ số là 9 để hiệu hai số đó bằng 1.

$$(10 - 9 = 1)$$

69. a) Tổng lớn nhất của hai số có một chữ số là :

$$9 + 9 = 18$$

b) Tổng bé nhất của số có một chữ số và số có hai chữ số là :

$$0 + 10 = 10.$$

70. a) Hiệu lớn nhất của hai số có hai chữ số là :

$$99 - 10 = 89$$

b) Hiệu bé nhất của số có hai chữ số với số có một chữ số là :

$$10 - 9 = 1.$$

71. a) $36 + 35 = 71$; $40 + 51 = 91$; $67 = 67 + 0$

b) $45 - 27 = 18$; $100 - 61 = 39$; $99 - 27 = 72.$

72. a)	$\begin{array}{r} 25 \\ + 56 \\ \hline 81 \end{array}$	$\begin{array}{r} 31 \\ + 19 \\ \hline 50 \end{array}$	$\begin{array}{r} 45 \\ + 25 \\ \hline 70 \end{array}$	$\begin{array}{r} 83 \\ + 17 \\ \hline 100 \end{array}$
b)	$\begin{array}{r} 75 \\ - 14 \\ \hline 61 \end{array}$	$\begin{array}{r} 44 \\ - 19 \\ \hline 25 \end{array}$	$\begin{array}{r} 67 \\ - 36 \\ \hline 31 \end{array}$	$\begin{array}{r} 83 \\ - 28 \\ \hline 55 \end{array}$

73. a) $x - 21 = 33 - 21$

$$x - 21 = 12$$

$$x = 12 + 21$$

$$x = 33$$

(Hoặc : Hai hiệu bằng nhau có cùng số trừ nên hai số bị trừ bằng nhau. Vậy $x = 33$)

b) $65 - x = 48 + 17$

$$65 - x = 65$$

$$x = 65 - 65$$

$$x = 0$$

c) $x + 25 = 100 - 25$

$$x + 25 = 75$$

$$x = 75 - 25$$

$$x = 50$$

74. a) $x + 20 < 22$

$$x = 0 \text{ vì } 0 + 20 = 20, 20 < 22 ;$$

$$x = 1 \text{ vì } 1 + 20 = 21, 21 < 22.$$

Vậy $x = 0 ; x = 1$.

b) $46 < x - 45 < 48$

$$x - 45 = 47$$

$$x = 47 + 45$$

$$x = 92$$

75. a) $11 + 28 + 24 + 16 + 12 + 9 = (11 + 9) + (28 + 12) + (24 + 16)$
 $= 20 + 40 + 40$
 $= 100$

b) $75 - 13 - 17 + 25 = (75 + 25) - (13 + 17)$
 $= 100 - 30$
 $= 70$

76. a) Điền số 0 vào ô trống để :

$$0 + 15 < 15 + 1$$

$$15 < 16$$

b) Điền số 3 vào ô trống để :

$$18 < 3 + 16 < 20$$

$$18 < 19 < 20$$

c) Điền số 11, 12 vào ô trống để : $10 < 11 < 12 < 13$

77. Ta có :

$$100 = 15 + 55 + 30 \tag{1}$$

$$= 15 + 65 + 20 \tag{2}$$

$$= 25 + 45 + 30 \tag{3}$$

$$= 25 + 55 + 20 \tag{4}$$

$$= 25 + 65 + 10 \tag{5}$$

$$= 35 + 45 + 20 \tag{6}$$

$$= 35 + 55 + 10 \tag{7}$$

Vậy con chuột đi qua một trong 7 cách sau sẽ tới được bông hoa :

1) $15 \Rightarrow 55 \Rightarrow 30$

2) $15 \Rightarrow 65 \Rightarrow 20$

3) $25 \Rightarrow 45 \Rightarrow 30$

4) $25 \Rightarrow 55 \Rightarrow 20$

5) $25 \Rightarrow 65 \Rightarrow 10$

6) $35 \Rightarrow 45 \Rightarrow 20$

7) $35 \Rightarrow 55 \Rightarrow 10$

78. a) – Điền dấu trừ vì tổng của số có hai chữ số với số có hai chữ số không thể được số có một chữ số :

$$2 * - * 4 = 6$$

– Điền chữ số 0 vào số bị trừ, chữ số 1 vào số trừ để có :

$$20 - 14 = 6$$

- b) Điền dấu cộng vì hiệu của hai số có hai chữ số không thể được số có ba chữ số :

$$64 + * 6 = 10 *$$

– Điền chữ số 3 ở số hạng và chữ số 0 ở tổng để có :

$$64 + 36 = 100.$$

79. a) Số đó là :

$$100 - 42 = 58 \text{ (tìm số hạng trong một tổng)}$$

- b) Số đó là :

$$0 + 27 = 27 \text{ (tìm số bị trừ)}$$

- c) Số đó là :

$$94 - 49 = 45 \text{ (tìm số trừ)}.$$

80. a) Số bị trừ là 66 (số bị trừ bằng số trừ cộng với hiệu).

- b) Số trừ là 46 (số trừ bằng số bị trừ trừ đi hiệu).

- c) Hiệu hai số là 15 (hiệu bằng số bị trừ trừ đi số trừ), mà hiệu bằng số trừ nên số trừ cũng bằng 15.

Vậy số bị trừ là : $15 + 15 = 30.$

81. a) $47 + 32 - 47 - 15 = 17$

- b) $90 - 80 + 30 + 40 + 20 = 100.$

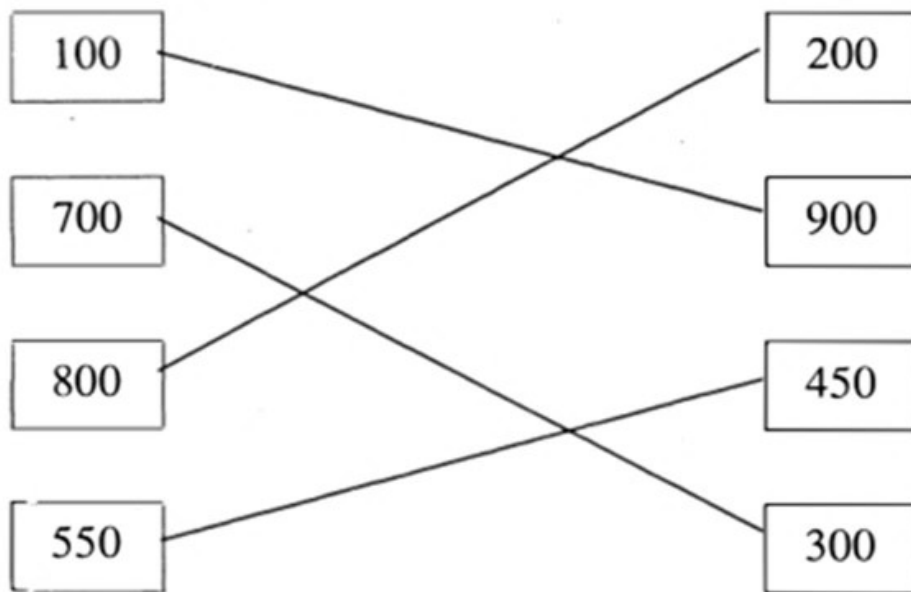
82.

Số hạng	362	509	600	34
Số hạng	425	490	400	634
Tổng	787	999	1000	668

83.

Số bị trừ	869	157	867	1000
Số trừ	758	136	660	500
Hiệu	111	21	207	500

84. Nối hai số có tổng bằng 1000 :



85. a) $x - 192 = 301$

$$x = 301 + 192$$

$$x = 493$$

b) $700 - x = 400$

$$x = 700 - 400$$

$$x = 300$$

c) $x + 215 = 315$

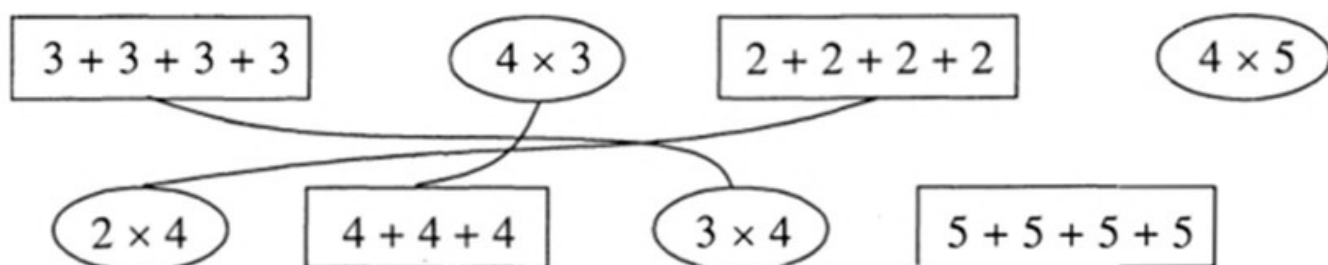
$$x = 315 - 215$$

$$x = 100$$

86. Tô màu vào các phép tính : $420 + 80$;

$$716 - 216.$$

87. Nối tổng các số hạng bằng nhau với phép nhân thích hợp :



88.

$3 \times 4 = 12$	$5 \times 3 = 15$	$7 \times 8 = 56$	$6 \times 5 = 30$	$4 \times 9 = 36$
$12 : 3 = 4$	$15 : 5 = 3$	$56 : 7 = 8$	$30 : 6 = 5$	$36 : 4 = 9$
$12 : 4 = 3$	$15 : 3 = 5$	$56 : 8 = 7$	$30 : 5 = 6$	$36 : 9 = 4$

89.

Thừa số	2	3	4	5	2	3	4	5
Thừa số	6	7	8	9	5	4	3	2
Tích	12	21	32	45	10	12	12	10

90.

Số bị chia	16	18	20	25	20	24	28	30
Số chia	2	3	4	5	2	3	4	5
Thương	8	6	5	5	10	8	7	6

91. Tìm y :

a) $y \times 2 = 18$

$y = 18 : 2$

$y = 9$

b) $y \times 3 = 15$

$y = 15 : 3$

$y = 5$

c) $y \times 1 = 100$

$y = 100 : 1$

$y = 100$

d) $y \times y = 4$

vì $2 \times 2 = 4$

nên $y = 2$

92. Tìm x :

a) $x : 2 = 2$

$x = 2 \times 2$

$x = 4$

b) $x : 3 = 4$

$x = 4 \times 3$

$x = 12$

c) $x : 1 = 100$

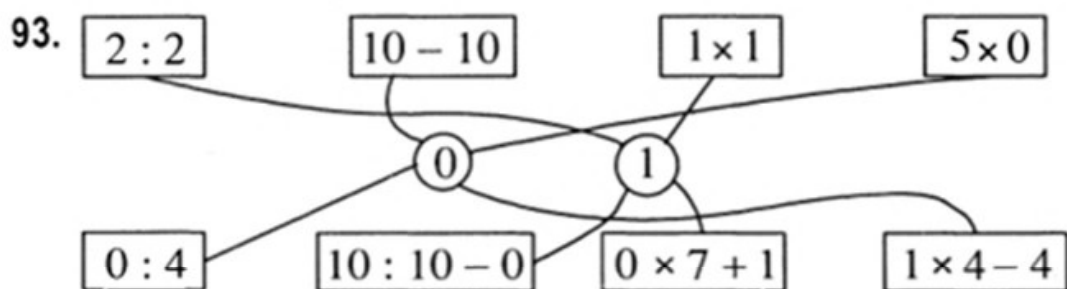
$x = 100 \times 1$

$x = 100$

d) $x : 4 = 0$

$x = 0 \times 4$

$x = 0$



94. $2 \times 5 = 5 \times 2$

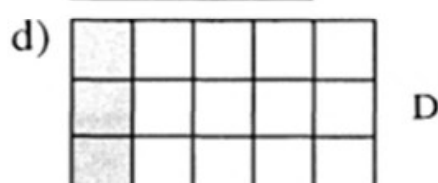
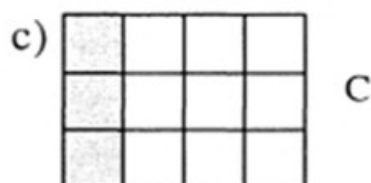
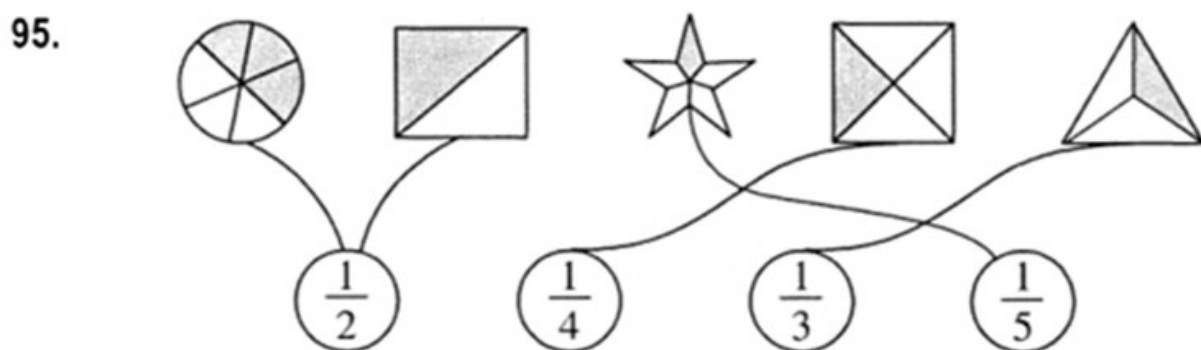
$20 \times 4 > 79$

$60 : 3 < 3 \times 7$

$40 \times 2 > 80 : 2$

$30 \times 2 = 20 \times 3$

$4 \times 10 < 5 \times 9$



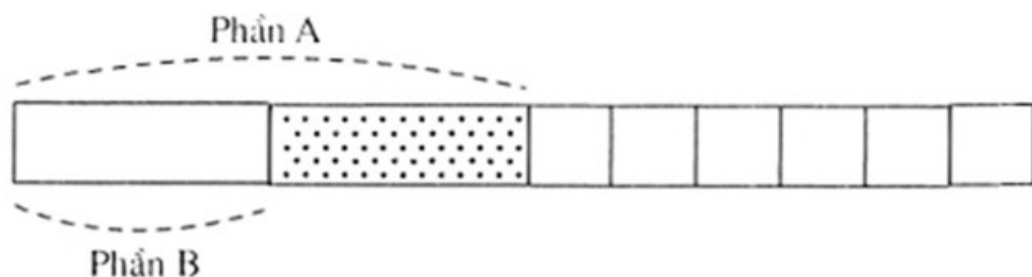
97. Bạn An tô màu được 5 hình tròn.

Bạn Bình tô màu được 3 hình tròn.

Vậy bạn An tô màu được nhiều hơn bạn Bình và nhiều hơn số hình tròn là :

$5 - 3 = 2$ (hình tròn).

98.



Phần B bằng $\frac{1}{4}$ băng giấy đầu tiên.

99. a) $7 + 8 + 3 = 18$;

b) $2 + 9 + 8 = 19$;

c) $6 + 7 + 4 = 17$;

d) $18 + 2 - 8 = 12$;

e) $17 - 9 - 7 = 1$;

g) $25 - 15 - 9 = 1$.

100. a) $5 \times 8 - 11 = 40 - 11$

b) $3 \times 6 : 3 = 18 : 3$

$= 29$

$= 6$

c) $40 : 4 : 5 = 10 : 5$

d) $2 \times 2 \times 7 = 4 \times 7$

$= 2$

$= 28$

e) $4 \times 6 + 16 = 24 + 16$

g) $20 : 4 \times 6 = 5 \times 6$

$= 40$

$= 30$

101. a) $25 + 7 = 32$;

$32 - 25 = 7$;

$7 + 25 = 32$;

$32 - 7 = 25$.

b) $3 \times 4 = 12$;

$12 : 3 = 4$;

$4 \times 3 = 12$;

$12 : 4 = 3$.

c) $2 + 2 = 4$;

$4 - 2 = 2$;

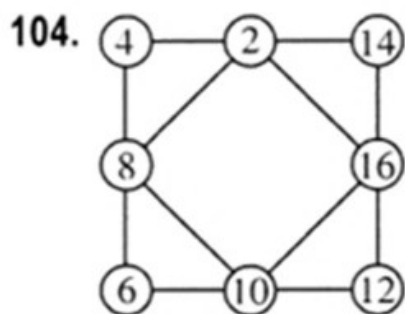
$2 \times 2 = 4$;

$4 : 2 = 2$.

102. Không cần tính ra kết quả cụ thể ta vẫn biết tổng A bằng tổng B vì : Các chữ số hàng đơn vị của bốn số hạng trong tổng A cũng như trong tổng B đều là : 6 ; 7 ; 3 ; 5 (hai tổng đều có số đơn vị bằng nhau); các chữ số hàng chục của bốn số hạng trong tổng A cũng như trong tổng B đều là : 2 ; 1 ; 3 ; 4 (hai tổng đều có số chục bằng nhau).

103.

14	35	20
29	23	17
26	11	32



105. a) Tổng các số ở cột thứ hai bằng : $34 + 4 = 38$

Tổng các số ở cột thứ ba bằng : $38 + 4 = 42$

Tổng các số ở cột thứ tư bằng : $42 + 4 = 46$

Tổng các số ở cột thứ năm bằng : $46 + 4 = 50$

b) Tổng các số ở hàng thứ hai bằng : $15 + 5 \times 5 = 40$

Tổng các số ở hàng thứ ba bằng : $40 + 5 \times 5 = 65$

Tổng các số ở hàng thứ tư bằng : $65 + 5 \times 5 = 90$.

106. Cả hai bạn đều tính đúng.

Kết quả khác nhau do cầm bảng ngược nhau :

$$6 + 8 + 6 = 20 \text{ (cầm xuôi)}$$

$$9 + 8 + 9 = 26 \text{ (cầm ngược lại)}.$$

107. Đổi chỗ hai miếng bìa $\boxed{9}$ và $\boxed{6}$ cho nhau, ta sẽ có phép tính đúng

$$\boxed{8} \boxed{6} - \boxed{5} \boxed{7} = \boxed{2} \boxed{9}$$

108. a) $3 + 2 + 1 = 6$ hoặc $3 \times 2 \times 1 = 6$ hoặc $3 \times 2 : 1 = 6$;

b) $0 \times 5 + 5 = 5$ hoặc $0 : 5 + 5 = 5$.

109. a) Số học sinh trường Hữu Nghị là :

$$367 + 312 = 679 \text{ (học sinh)}.$$

b) Số học sinh nữ nhiều hơn số học sinh nam là :

$$367 - 312 = 55 \text{ (học sinh)}.$$

110. a) Bây giờ, dưới ao còn số vịt là :

$$100 - 10 = 90 \text{ (con)}$$

b) Bây giờ, trên bờ có số vịt là :

$$100 + 10 = 110 \text{ (con)}$$

c) Bây giờ số vịt trên bờ hơn số vịt dưới ao là :

$$110 - 90 = 20 \text{ (con)}$$

d) Số vịt cả trên bờ và dưới ao là :

$$90 + 110 = 200 \text{ (con vịt)}$$

(Hoặc : Tổng số vịt không thay đổi, vẫn là :

$$100 + 100 = 200 \text{ (con vịt).}$$

111. Lúc đầu, số xe ô tô có trên bến xe đó là :

$$25 + 12 = 37 \text{ (ô tô)}$$

112. Ngày hôm đó, cửa hàng đã bán được số đường là :

$$356 - 210 = 146 \text{ (kg)}$$

113. Trước khi xe ô tô dừng ở bến, trên xe có số hành khách là :

$$40 + 5 - 3 = 42 \text{ (người)}$$

114. a) Gói kẹo dừa có số kẹo là :

$$235 - 120 = 115 \text{ (cái kẹo)}$$

b) Để số kẹo 2 gói bằng nhau, gói kẹo chanh phải bớt đi một số kẹo là :

$$120 - 115 = 5 \text{ (cái kẹo).}$$

115. a) 5 đôi đũa có số chiếc đũa là :

$$2 \times 5 = 10 \text{ (chiếc)}$$

b) Hai ngôi sao có số cánh là :

$$5 \times 2 = 10 \text{ (cánh).}$$

116. Số bánh cần để đóng được 8 hộp là :

$$4 \times 8 = 32 \text{ (bánh).}$$

117. Tuổi của mẹ Đào là :

$$5 \times 6 = 30 \text{ (tuổi).}$$

118. Số mảnh nhỏ cắt ra là :

$$2 \times 6 = 12 \text{ (mảnh).}$$

119. Số ván đấu có tất cả là :

$$3 \times 3 = 9 \text{ (ván).}$$

120. a) Mỗi can có số lít dầu là :

$$30 : 6 = 5 (l)$$

b) Số can để chứa hết 30l dầu là :

$$30 : 5 = 6 (\text{can}).$$

121. a) Nếu xếp hàng 3 thì xếp được số hàng là :

$$30 : 3 = 10 (\text{hàng})$$

Nếu xếp hàng 6 thì xếp được số hàng là :

$$30 : 6 = 5 (\text{hàng})$$

b) Nếu xếp thành 4 hàng, mỗi hàng 8 người thì số học sinh trong lớp phải là :

$$8 \times 4 = 32 (\text{người})$$

Mà trong lớp chỉ có 30 người, vậy không thể xếp thành 4 hàng, mỗi hàng có 8 học sinh.

122. a) Số viên thuốc có trong lọ là ;

$$5 + 5 + 5 + 5 = 20 (\text{viên})$$

Hoặc : $5 \times 4 = 20 (\text{viên})$

b) Số lần gạt thuốc để bán hết 20 viên là :

$$20 : 5 = 4 (\text{lần})$$

Hoặc có : $20 - 5 - 5 - 5 - 5 = 0 (\text{viên})$

Có 4 số 5, vậy có 4 lần gạt thuốc.

123. a) *Cách 1* : Lấy bút nối mỗi con gà ở trong chuồng với mỗi con gà ở ngoài chuồng (trên hình vẽ). Còn 3 con gà ở ngoài chuồng chưa được nối. Vậy số con gà ở ngoài chuồng nhiều hơn số con gà ở trong chuồng và nhiều hơn 3 con.

Cách 2 : Đếm số gà trong chuồng là 9 con, số gà ngoài chuồng là 12 con.

– Số gà ở ngoài chuồng nhiều hơn số gà ở trong chuồng là :

$$12 - 9 = 3 (\text{con})$$

b) Bây giờ số gà ở trong chuồng là :

$$9 + 5 = 14 (\text{con})$$

Bây giờ số gà ở ngoài chuồng là :

$$12 - 5 = 7 (\text{con})$$

Như vậy số gà ở ngoài chuồng lúc này ít hơn số gà ở trong chuồng. Ít hơn số gà là :

$$14 - 7 = 7 (\text{con})$$

Gợi ý cách khác : Nếu 5 con gà rời khỏi đàn ở ngoài mà chưa vào chuồng thì số gà lúc này ở trong chuồng nhiều hơn ở ngoài là :

$$5 - 3 = 2 \text{ (con)}$$

Về sau 5 con đó lại vào chuồng thì bây giờ số gà trong chuồng nhiều hơn ở ngoài là :

$$2 + 5 = 7 \text{ (con).}$$

124.a) Lúc đầu hai đĩa cam hơn kém nhau là :

$$5 - 4 = 1 \text{ (quả)}$$

b) *Trường hợp 1* : Bỏ hai quả từ đĩa A sang đĩa B thì :

Số cam ở đĩa A còn :

$$5 - 2 = 3 \text{ (quả)}$$

Số cam ở đĩa B có :

$$4 + 2 = 6 \text{ (quả)}$$

Lúc này hai đĩa cam hơn kém nhau là :

$$6 - 3 = 3 \text{ (quả)}$$

Trường hợp 2 : Bỏ hai quả từ đĩa B sang đĩa A thì :

Số cam ở đĩa B còn :

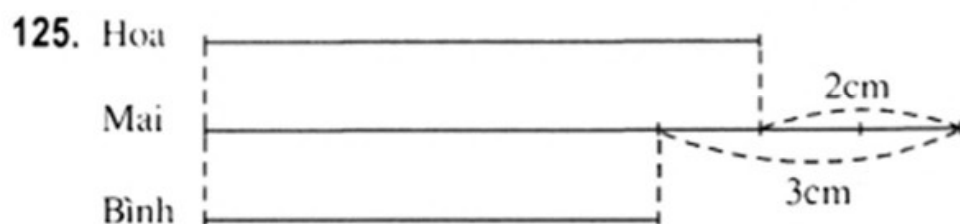
$$4 - 2 = 2 \text{ (quả)}$$

Số cam ở đĩa A có :

$$5 + 2 = 7 \text{ (quả)}$$

Lúc này hai đĩa hơn kém nhau là :

$$7 - 2 = 5 \text{ (quả)}$$



Mai cao nhất ; Bình thấp nhất.

Hoa cao hơn Bình là :

$$3 - 2 = 1 \text{ (cm)}$$

126. *Cách 1* : Con vịt nặng là :

$$10 - 6 = 4 \text{ (kg)}$$

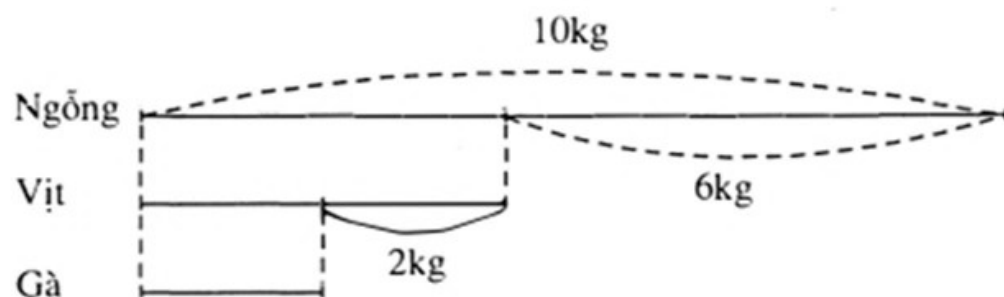
Con gà nặng là :

$$4 - 2 = 2 \text{ (kg)}$$

Con ngỗng nặng hơn con gà là :

$$10 - 2 = 8 \text{ (kg)}$$

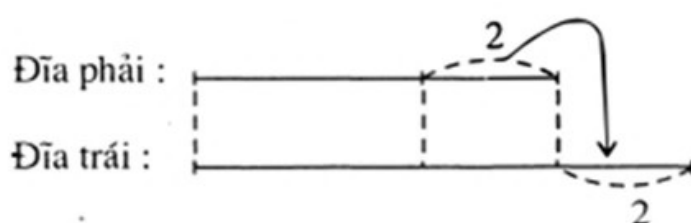
Cách 2 :



Con ngỗng nặng hơn con gà là :

$$6 + 2 = 8 \text{ (kg)}$$

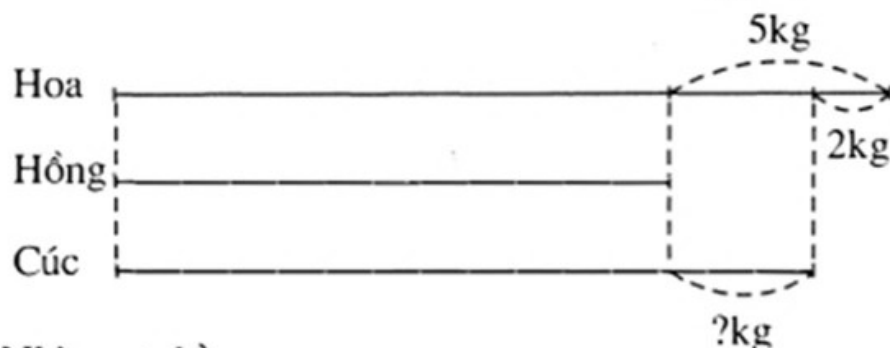
127.



Sau khi bỏ hai quả cam từ đĩa phải sang đĩa trái thì bây giờ bên đĩa trái nhiều cam hơn và nhiều hơn là :

$$2 + 2 = 4 \text{ (quả)}$$

128.



Nhìn sơ đồ :

– Bạn Hoa nặng nhất.

– Bạn Cúc nặng hơn bạn Hồng là :

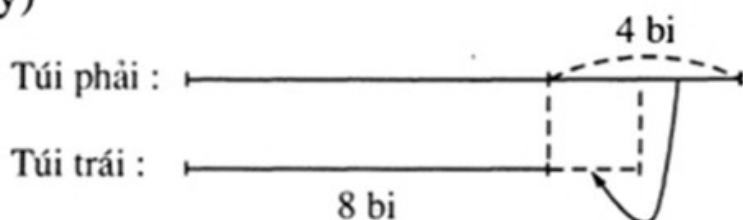
$$5 - 2 = 3 \text{ (kg)}$$

129. Hiện tại số quýt nhiều hơn số cam là :

$$80 - 65 = 15 \text{ (quả)}$$

Sau khi bán một số quýt bằng một số cam thì “hiệu” của số quýt và số cam còn lại không đổi. Hiệu đó vẫn là 15 quả. Vậy số cam còn lại ít hơn số quýt còn lại là 15 quả.

130. Cách 1 : (Gợi ý)



Ta thấy :

$$4 = 2 + 2$$

Vậy phải lấy từ túi phải 2 hòn bi bỏ sang túi trái để cho số bi mỗi túi bằng nhau.

Cách 2 :

Bỏ một số bi từ túi phải sang túi trái thì tổng số bi không thay đổi. Tổng số bi ở hai túi là :

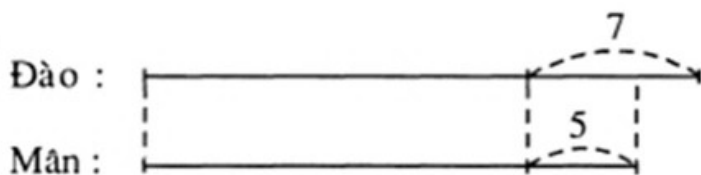
$$8 + (8 + 4) = 20 \text{ (bi)}$$

Bây giờ số bi ở hai túi bằng nhau, mỗi túi có 10 hòn bi (vì $10 + 10 = 20$)

Số bi chuyển từ túi phải sang túi trái là :

$$10 - 8 = 2 \text{ (bi).}$$

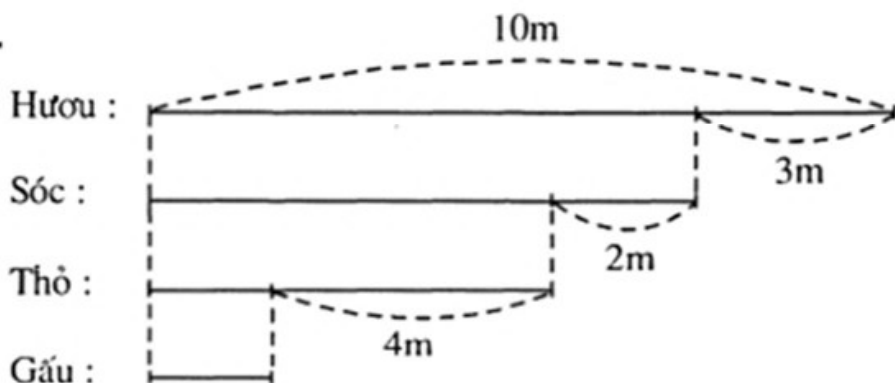
131.



Nếu mẹ chỉ cho Đào thêm 5 nhả vớ thì hai bạn có số nhả vớ bằng nhau. Nhưng mẹ lại cho Đào thêm 7 nhả vớ nên bây giờ Đào có nhiều nhả vớ hơn và nhiều hơn một số nhả vớ là :

$$7 - 5 = 2 \text{ (nhả vớ).}$$

132.



Bạn Sóc nhảy xa được : $10 - 3 = 7 \text{ (m)}$

Bạn Thỏ nhảy xa được : $7 - 2 = 5 \text{ (m)}$

Bạn Gấu nhảy xa được : $5 - 4 = 1 \text{ (m)}$.

133. Đếm số gạch ở mỗi đống (xem hình vẽ) thì có : số gạch ở đống A là 9 viên, ở đống B là 6 viên, ở đống C là 7 viên.

Ta phải phân chia 7 viên ở đống C vào hai đống A và B sao cho số viên ở đống B nhiều hơn ở đống A :

– Nếu cho 1 viên vào đống A, 6 viên vào đống B thì :

Đống A có : $9 + 1 = 10$ (viên)

Đống B có : $6 + 6 = 12$ (viên)

mà $12 > 10$. Được.

– Nếu cho 2 viên vào đống A, 5 viên vào đống B thì :

Đống A có : $9 + 2 = 11$ (viên), đống B có $6 + 5 = 11$ (viên) mà $11 = 11$. Không được.

– Như vậy đống A được thêm 1 viên, đống B được thêm 6 viên thì kết quả thỏa mãn bài toán.

134. Cách 1 : Thử chọn :

$$6 = 1 + 5 = 2 + 4 = 3 + 3$$

– Nếu anh có 1 quả táo thì em có $6 - 1 = 5$ (quả). Lúc đó em hơn anh là :

$$5 - 1 = 4 \text{ (quả)}. \text{ Không được.}$$

– Nếu anh có 2 quả thì em có $6 - 2 = 4$ (quả). Lúc đó em hơn anh là :

$$4 - 2 = 2 \text{ (quả)}. \text{ Được.}$$

– Nếu anh có 3 quả thì em có $6 - 3 = 3$ (quả). Hai anh em có số táo bằng nhau. Không được.

Vậy em có 4 quả táo, anh có 2 quả táo.

Cách 2 : Lúc đầu anh chia mỗi người 3 quả, sau đó anh đưa cho em thêm 1 quả. Như vậy em sẽ hơn anh 2 quả táo.

135. a) Số toa chở khách là :

$$3 + 5 = 8 \text{ (toa)}$$

b) Số toa chở khách và chở hàng có tất cả là :

$$3 + 8 = 11 \text{ (toa).}$$

136. a) Số toa chở hàng là :

$$10 - 5 = 5 \text{ (toa)}$$

Số toa chở hàng còn lại sau khi cắt là :

$$5 - 3 = 2 \text{ (toa)}$$

b) Tổng số toa chở hàng và chở khách cắt lại ga là :

$$2 + 3 = 5 \text{ (toa)}$$

Số toa tàu còn lại là :

$$15 - 5 = 10 \text{ (toa)}$$

Hoặc có thể làm : Số toa chở hàng còn lại là :

$$5 - 3 = 2 \text{ (toa)}$$

Số toa chở khách còn lại là :

$$10 - 2 = 8 \text{ (toa)}$$

Tổng số toa chở hàng và chở khách còn lại là :

$$2 + 8 = 10 \text{ (toa)}$$

137. Cách 1: Số gói bánh và gói kẹo còn lại sau khi bớt 5 gói bánh là :

$$35 - 5 = 30 \text{ (gói)}$$

Số gói bánh và gói kẹo sau khi đổi lấy thêm là :

$$30 + 8 = 38 \text{ (gói)}$$

Cách 2 : Sau khi đổi 5 gói bánh lấy 8 gói kẹo thì số gói được thêm là :

$$8 - 5 = 3 \text{ (gói)}$$

Tổng số gói bánh và gói kẹo lúc sau có là :

$$35 + 3 = 38 \text{ (gói)}$$

138. Chuyển 8 bạn từ lớp 2A sang lớp 2B rồi chuyển 5 bạn từ lớp 2B sang lớp 2A. Như vậy số bạn ở lớp 2A giảm đi : 3 bạn ($8 - 5 = 3$) và số bạn ở lớp 2B cũng tăng thêm 3 bạn :

Số bạn lúc đầu ở lớp 2A là :

$$30 + 3 = 33 \text{ (bạn)}$$

Số bạn lúc đầu ở lớp 2B là :

$$30 - 3 = 27 \text{ (bạn)}$$

139. Số đường ngày sau bán được là :

$$15 + 5 = 20 \text{ (kg)}$$

Trước khi bán, cửa hàng có số đường là :

$$15 + 20 + 40 = 75 \text{ (kg)}$$

140. a) Số bông hoa có ở vườn là :

$$15 + 20 = 35 \text{ (bông)}$$

Số bông hoa đã hái là :

$$7 + 7 = 14 \text{ (bông)}$$

Số bông hoa còn lại ở vườn là :

$$35 - 14 = 21 \text{ (bông)}$$

b) Vì cùng hái đi số bông hoa hồng bằng số bông hoa cúc nên hiệu số bông hoa cúc và bông hoa hồng còn lại cũng là hiệu số bông hoa cúc và bông hoa hồng lúc đầu. Hiệu đó là :

$$20 - 15 = 5 \text{ (bông)}$$

Cách khác : Số bông hoa cúc còn lại là :

$$20 - 7 = 13 \text{ (bông)}$$

Số bông hoa hồng còn lại là :

$$15 - 7 = 8 \text{ (bông)}$$

Số hoa cúc còn lại nhiều hơn số hoa hồng còn lại là :

$$13 - 8 = 5 \text{ (bông)}$$

141. Số trâu là :

$$15 - 10 = 5 \text{ (con)}$$

Số cừu có là :

$$15 + 5 = 20 \text{ (con)}$$

Số trâu, bò và cừu có tất cả là :

$$15 + 5 + 20 = 40 \text{ (con)}$$

142. Số trứng gà có là :

$$25 + 12 = 37 \text{ (quả)}$$

Số trứng vịt có là :

$$56 - 37 = 19 \text{ (quả)}$$

143. Quãng đường Bình đi được là :

$$30 + 5 = 35 \text{ (m)}$$

Quãng đường hai bạn đã đi được là :

$$30 + 35 = 65 \text{ (m)}$$

Hai bạn còn cách nhau quãng đường là :

$$100 - 65 = 35 \text{ (m)}$$

144. Vì đoạn thứ ba bằng đoạn thứ nhất cộng với đoạn thứ hai mà đoạn thứ ba dài hơn đoạn thứ hai là 15cm, do đó đoạn thứ nhất là 15cm.

– Đoạn thứ hai bằng đoạn thứ nhất và bằng 15cm.

– Đoạn thứ ba là :

$$15 + 15 = 30 \text{ (cm)}$$

– Độ dài của đường gấp khúc là :

$$15 + 15 + 30 = 60 \text{ (cm)}$$

145. Hiện tại anh hơn em 5 tuổi. Đến khi em 10 tuổi thì anh vẫn hơn em 5 tuổi. Lúc đó tuổi anh là :

$$10 + 5 = 15 \text{ (tuổi)}$$

146. Trước đây 2 năm tuổi của con là :

$$8 - 2 = 6 \text{ (tuổi)}$$

Trước đây 2 năm tuổi của mẹ là :

$$32 - 2 = 30 \text{ (tuổi)}$$

Trước đây 2 năm, tổng số tuổi của mẹ và con là :

$$6 + 30 = 36 \text{ (tuổi)}$$

Hoặc : Có thể tính tổng số tuổi hiện nay của hai mẹ con là :

$$8 + 32 = 40 \text{ (tuổi)}$$

Từ đó tổng số tuổi của hai mẹ con trước đây 2 năm là :

$$40 - (2 + 2) = 36 \text{ (tuổi)}$$

147. Sau 3 năm nữa ông thêm 3 tuổi và cháu cũng thêm 3 tuổi.

Do đó tổng số tuổi của ông và cháu sau 3 năm nữa là :

$$76 + 3 + 3 = 82 \text{ (tuổi)}$$

148. Tuổi Tùng hiện nay là :

$$7 + 3 = 10 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi Tùng sau đây 3 năm là :

$$10 + 3 = 13 \text{ (tuổi)}$$

149. Hiện nay tổng số tuổi của ba bạn là :

$$7 + 10 + 9 = 26 \text{ (tuổi)}$$

Khi Mai bằng tuổi Hồng thì mỗi bạn thêm một số tuổi là :

$$9 - 7 = 2 \text{ (tuổi)}$$

Vậy sau hai năm nữa tổng số tuổi của ba bạn là :

$$26 + 2 + 2 + 2 = 32 \text{ (tuổi)}$$

150. Từ lúc mẹ ba mươi tuổi đến bây giờ 35 tuổi, mẹ đã tăng thêm một số tuổi là :

$$35 - 30 = 5 \text{ (tuổi)}$$

Khi đó ông và Tuấn mỗi người cũng tăng thêm 5 tuổi.

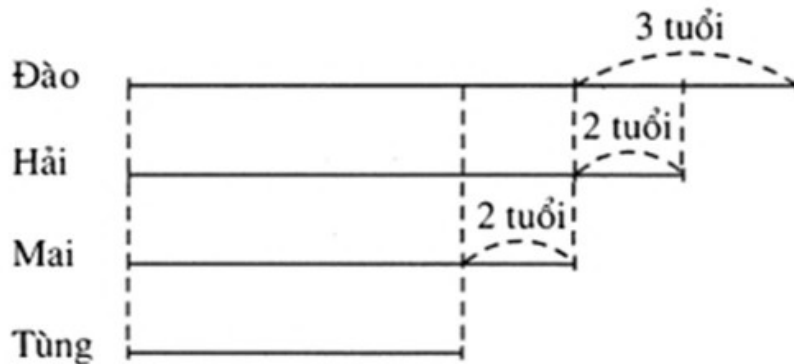
Tuổi ông bây giờ là :

$$60 + 5 = 65 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi Tuấn bây giờ là :

$$5 + 5 = 10 \text{ (tuổi)}$$

151. Gợi ý :



Theo sơ đồ : Đào nhiều tuổi nhất. Tùng ít tuổi nhất.

Đào hơn Tùng một số tuổi là :

$$3 + 2 = 5 \text{ (tuổi)}$$

152. A. 3 giờ 30 phút ;

B. 5 giờ 15 phút ;

C. 10 giờ ;

D. 10 giờ 30 phút ;

E. 4 giờ 15 phút ;

G. 1 giờ 30 phút ;

H. 9 giờ 15 phút ;

I. 8 giờ 30 phút.

153. Nối đồng hồ A với 13 giờ 30 phút.

Nối đồng hồ B với 15 giờ 15 phút.

Nối đồng hồ C với 5 giờ 30 phút chiều.

Nối đồng hồ D với 15 giờ.

Nối đồng hồ E với 16 giờ 30 phút.

Nối đồng hồ G với 7 giờ tối.

154. Vào buổi chiều hai đồng hồ chỉ cùng giờ là :

– Đồng hồ A và đồng hồ E ; – Đồng hồ C và đồng hồ G ;

– Đồng hồ B và đồng hồ D ; – Đồng hồ H và đồng hồ K.

155. 1 giờ = 60 phút

50 phút < 60 phút < 65 phút.

Ai đi ít thời gian nhất là người đó đi nhanh nhất. Anh Hòa đi nhanh nhất.

156. a) 1 giờ + 2 giờ = 3 giờ

b) 5 giờ – 2 giờ = 3 giờ

5 giờ + 2 giờ = 7 giờ

9 giờ – 3 giờ = 6 giờ

4 giờ × 3 = 12 giờ

12 giờ : 3 = 4 giờ

5 giờ × 3 = 15 giờ

16 giờ : 4 = 4 giờ.

157. a) Từ 8 giờ sáng đến 10 giờ sáng cùng ngày là :

2 giờ (10 giờ – 8 giờ = 2 giờ).

b) Từ 8 giờ sáng đến 2 giờ chiều cùng ngày là :

6 giờ (14 giờ – 8 giờ = 6 giờ) vì 2 giờ chiều là 14 giờ.

c) Từ 8 giờ tối hôm trước đến 8 giờ sáng hôm sau là : 12 giờ (8 giờ tối đến 12 giờ đêm là 4 giờ, từ 12 giờ đêm đến 8 giờ sáng hôm sau là 8 giờ, 4 giờ + 8 giờ = 12 giờ).

158. Sinh nhật của Minh vào ngày 14 tháng 5 (vì 4 + 10 = 14)

Hôm nay thứ hai ngày 4, thứ hai tuần sau là ngày 11 (vì 4 + 7 = 11).

Như vậy thứ ba sẽ là ngày 12, thứ tư là ngày 13, thứ năm là ngày 14.

Vậy : Sinh nhật Minh vào thứ năm ngày 14 tháng 5.

159. Thứ tư ngày 1-5, thứ tư tuần sau là ngày 8-5 (vì $1 + 7 = 8$), thứ tư tuần sau nữa là ngày 15-5 (vì $8 + 7 = 15$).
- Suy ra thứ năm ngày 16-5, thứ sáu ngày 17-5, thứ bảy là ngày 18-5, chủ nhật là ngày 19-5.
- Vậy kỉ niệm ngày thành lập Đội 15-5 vào thứ tư.
Kỉ niệm ngày sinh nhật Bác 19-5 vào chủ nhật.
160. Ngày 25-9 vào ngày thứ hai, như vậy ngày 18-9 ($25 - 7 = 18$), ngày 11-9 ($18 - 7 = 11$), ngày 4-9 ($11 - 7 = 4$) đều vào ngày thứ hai.
- Vậy ngày 5-9 vào ngày thứ ba trong tuần.
161. Thứ năm tuần này là ngày 15 tháng 6.
- Vậy : Thứ năm tuần trước là ngày 8 tháng 6 (vì $15 - 7 = 8$).
- Vậy : Thứ ba tuần trước là ngày 6 tháng 6 (vì $8 - 2 = 6$).
- Thứ năm tuần sau là ngày 22 tháng 6 (vì $15 + 7 = 22$).
- Thứ sáu tuần sau là ngày 23 tháng 6 (vì $22 + 1 = 23$).
- Vậy : Thứ bảy tuần sau là ngày 24 tháng 6 ($23 + 1 = 24$).
162. Trong tháng đó, thứ hai tuần này là ngày 4, thứ hai tuần sau là ngày 11 ($4 + 7 = 11$), thứ bảy tuần sau là ngày 16 (vì $11 + 5 = 16$).
- Xét các số : 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16.
- Từ thứ hai tuần này đến thứ bảy tuần sau có :
- Các ngày chẵn là : 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16 (7 ngày).
- Các ngày lẻ là : 5, 7, 9, 11, 13, 15 (6 ngày).
163. Từ chủ nhật tuần này đến chủ nhật tuần sau là cách 7 ngày. Như vậy nếu chủ nhật tuần này là ngày chẵn (hoặc lẻ) thì chủ nhật tuần sau là ngày lẻ (hoặc chẵn).
- Vì số chẵn (hoặc lẻ) + 7 là số lẻ (hoặc chẵn).
- Vậy câu nói : “Trong tháng này có 2 ngày chủ nhật liền nhau đều là ngày chẵn” là sai.
164. Gợi ý : 1 tuần và 6 ngày là :
- $$7 + 6 = 13 \text{ (ngày)}$$

Trong 13 ngày chỉ có một ngày chủ nhật thì bạn Mận sẽ đến nhà bà vào hôm thứ hai và ở đến hết thứ bảy tuần sau (xem sơ đồ ở dưới).



165. Quả dưa cân nặng là :

$$1 + 2 + 1 = 4 \text{ (kg) (xem hình vẽ ở đề bài)}$$

166. Gói đường cân nặng là :

$$(1 + 2) - 1 = 2 \text{ (kg) (xem hình vẽ ở đề bài)}$$

Hoặc : Hai đĩa cân đều có quả cân 1kg, vậy gói đường cân nặng 2kg.

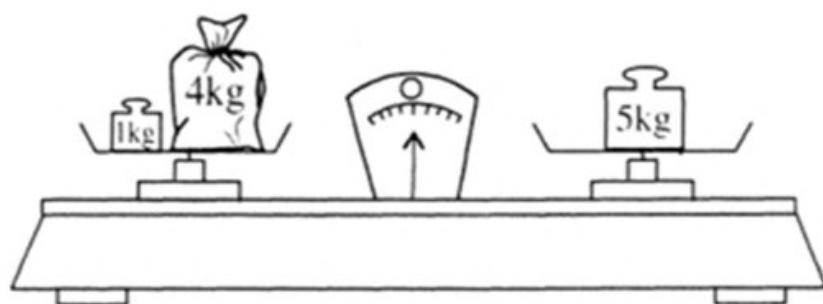
167. *Gợi ý :*

Phân tích

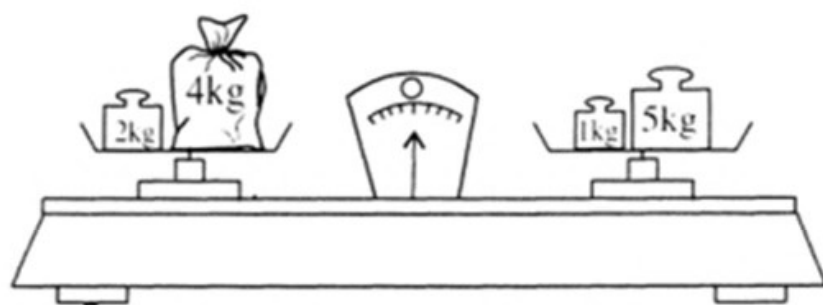
$$4\text{kg} = 5\text{kg} - 1\text{kg}$$

$$4\text{kg} = (5\text{kg} + 1\text{kg}) - 2\text{kg}.$$

Cách 1 :



Cách 2 :



168. (Xem hình vẽ ở đề bài)

Em có thể xách được :

$$2\text{kg rau} + 1\text{kg bắp cải} (2 + 1 < 4)$$

Hoặc 3kg vệt + 1kg bắp cải ($3 + 1 = 4$)

Hoặc 3kg khoai tây + 1kg bắp cải ($3 + 1 = 4$).

169. (Xem hình vẽ ở đề bài)

Cách 1 : Con thỏ nặng là :

$$5 - 2 = 3 \text{ (kg)}$$

Con vịt nặng là :

$$5 - 3 = 2 \text{ (kg)}$$

Con thỏ nặng hơn con vịt là :

$$3 - 2 = 1 \text{ (kg)}$$

Cách 2 : Gợi ý :

Xét : $2\text{kg} + (\text{thỏ}) = 3\text{kg} + (\text{vịt})$ (cùng bằng 5kg)

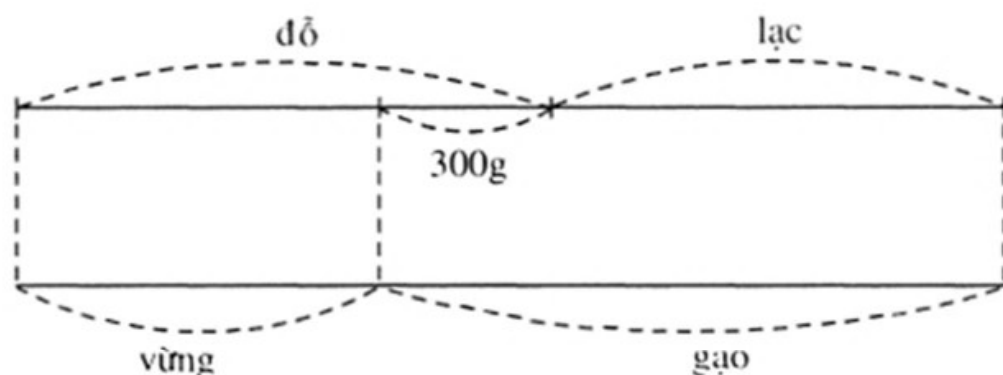
Hai tổng bằng nhau mà có $2\text{kg} < 3\text{kg}$, như vậy thỏ nặng hơn vịt và nặng hơn là :

$$3 - 2 = 1 \text{ (kg)}$$

170. (Xem hình vẽ ở đề bài)

Ta biết số gam túi đỗ và túi lạc cộng lại bằng số gam túi vừng và túi gạo cộng lại (vì cân thăng bằng). Mà túi đỗ nặng hơn túi vừng 300g, như vậy túi gạo nặng hơn túi lạc và cũng nặng hơn 300g.

– Có thể minh họa trên hình vẽ sau :



171. (Xem hình vẽ ở đề bài để trả lời)

1 quả bí ngô nặng bằng 2 bắp cải.

1 bắp cải nặng bằng 5 quả cam.

Suy ra : 1 quả bí ngô nặng bằng 10 quả cam ($5 \times 2 = 10$).

2 quả bí ngô nặng bằng 20 quả cam nên phải đặt 20 quả cam vào đĩa cân kia để cân thăng bằng.

172. *Gợi ý :*

a) Vì hai bình nước thông nhau nên lấy ở bình A 4l nước có nghĩa là đã lấy ở cả hai bình 4l.

Do đó số nước còn lại ở cả hai bình là :

$$8 + 8 - 4 = 12 (l)$$

Vì vậy lúc này ở mỗi bình còn lại 6l ($12 : 2 = 6$).

Hoặc : Cũng có thể hiểu : Vì hai bình thông nhau nên lấy ở bình A 4l nước cũng như đã lấy ở mỗi bình 2l ($4 : 2 = 2$). Do đó số nước còn lại ở bình A là :

$$8 - 2 = 6 (l).$$

b) Hiểu tương tự như trên : Muốn đổ vào bình B cho được 10l tức là phải đổ cả vào hai bình, mỗi bình được 10l. Do đó lượng nước phải đổ thêm tất cả là :

$$(10 - 8) + (10 - 8) = 4 (l)$$

$$\text{hoặc } (10 + 10) - (8 + 8) = 4 (l)$$

173. *Gợi ý :*

Phân tích 7 thành tổng của 3 số khác nhau ta có duy nhất một cách :

$$7 = 1 + 2 + 4$$

Mà số bóng vàng < số bóng xanh < số bóng đỏ. Vậy có 1 quả bóng vàng, 2 quả bóng xanh và 4 quả bóng đỏ.

Hoặc có thể tự chọn : bóng vàng 1 quả và bóng xanh là 2 quả, còn lại bóng đỏ 4 quả (nếu bóng xanh là 3 quả thì bóng đỏ là 3 quả. Không được). Nếu bóng vàng là 2 quả thì ít nhất bóng xanh là 3 quả, bóng đỏ là 4 quả. Không được vì : $2 + 3 + 4 > 7$.

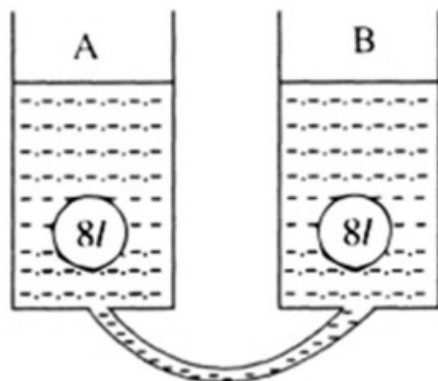
174. – Từ 2 lớp ghép lại làm 1 lớp, như vậy số lớp sẽ bớt đi 1 lớp ($2 - 1 = 1$)

– Từ 3 lớp tách thành 5 lớp, như vậy số lớp sẽ thêm ra 2 lớp ($5 - 3 = 2$).

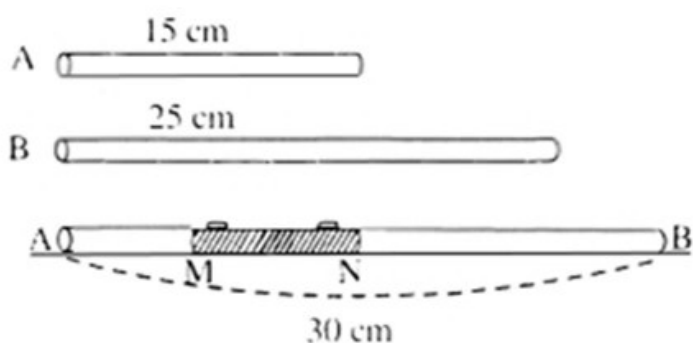
– Vừa ghép lớp vừa tách lớp như trên thì cả trường sẽ thêm ra 1 lớp ($2 - 1 = 1$).

– Lúc này số lớp của trường có là :

$$15 + 1 = 16 (\text{lớp}).$$



175. Ghép nối bằng cách lồng hai ống vào nhau (như hình vẽ). AN là ống A, BM là ống B :



Tổng độ dài hai ống A và B là :

$$15 + 25 = 40 \text{ (cm)}$$

Độ dài chỗ ghép nối là :

$$40 - 30 = 10 \text{ (cm)}$$

Hoặc : Tính riêng đoạn AM là :

$$30 - 25 = 5 \text{ (cm)}$$

Đoạn ghép nối MN là :

$$15 - 5 = 10 \text{ (cm)}$$

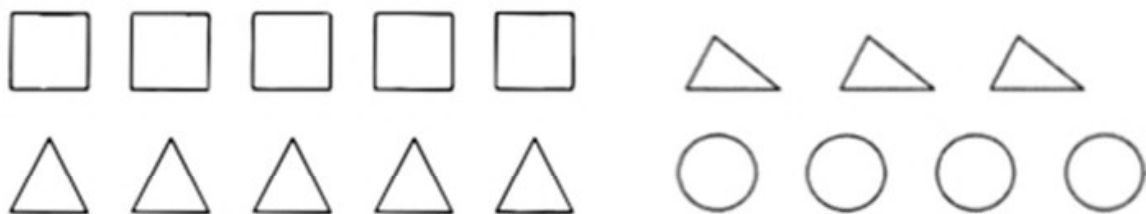
Hoặc tính riêng đoạn BN là :

$$30 - 15 = 15 \text{ (cm)}$$

Đoạn ghép nối MN là :

$$25 - 15 = 10 \text{ (cm)}$$

176.



a) Số hình tam giác cắt được là :

$$5 + 3 = 8 \text{ (hình)}$$

b) Số hình màu xanh cắt được là :

$$3 + 4 = 7 \text{ (hình)}$$

c) Số hình màu đỏ cắt được là :

$$5 + 5 = 10 \text{ (hình)}$$

d) Số hình không phải là hình tam giác (tức là hình vuông và hình tròn) cắt được là :

$$5 + 4 = 9 \text{ (hình)}$$

177. 1 tá bút chì = 12 bút chì.

Toàn có ít hơn Tùng 10 bút chì, như vậy số bút chì của Tùng phải có nhiều hơn 10 chiếc. Mà số bút chì của Tùng chưa được 1 tá (12 chiếc). Từ đó suy ra số bút chì của Tùng là 11 chiếc ($10 < 11 < 12$).

Số bút chì của Toàn là :

$$11 - 10 = 1 \text{ (chiếc)}$$

Số bút chì của cả hai bạn là :

$$11 + 1 = 12 \text{ (chiếc)}.$$

178. *Gợi ý* : Viết 10 là tổng của hai số :

$$\begin{aligned} 10 &= 1 + 9 \\ &= 2 + 8 \\ &= 3 + 7 \\ &= 4 + 6 \\ &= 5 + 5 \end{aligned}$$

Vì số hoa đồng tiền nhiều hơn hoa cúc nên số hoa cúc chỉ có thể là : 1 bông, 2 bông, 3 bông hoặc 4 bông. Vậy hoa cúc có nhiều nhất là 4 bông.

179. *Gợi ý* : Viết 8 thành tổng của 3 số khác nhau lớn hơn 0 mà trong đó có một số 3. Ta được một cách duy nhất :

$$8 = 1 + 3 + 4$$

Tùng được ít nhất, vậy Tùng có 1 quả bóng.

Toàn được nhiều nhất, vậy Toàn có 4 quả bóng.

Nam được 3 quả bóng.

Cách khác : Tùng và Toàn được số bóng là :

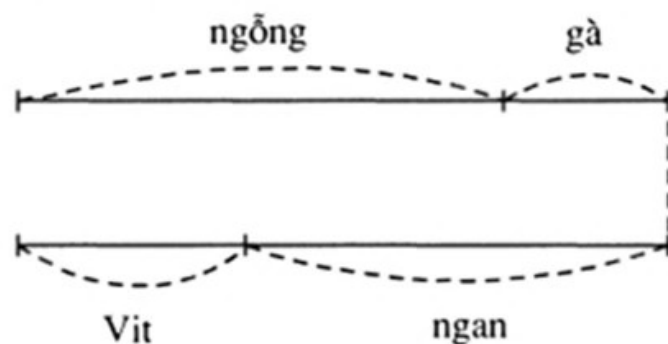
$$8 - 3 = 5 \text{ (quả)}$$

$$\text{mà } 5 = 4 + 1$$

$$= 2 + 3 \text{ (loại vì Nam đã có 3 quả bóng)}$$

Vậy Tùng được 1 quả bóng, Toàn được 4 quả bóng, Nam được 3 quả bóng.

180. *Gợi ý* : Nhìn trên sơ đồ : con ngỗng nặng bằng 2 con vịt tức là ngỗng nặng hơn vịt. Suy ra ngan nặng hơn gà.



– Không thể nói chắc chắn con ngan nặng bằng hai con gà được (chỉ chắc chắn ngan nặng hơn gà thôi).

Chẳng hạn : Cho con vịt cân nặng 2kg, con ngỗng nặng 4kg, con gà nặng 1kg, con ngan nặng 3kg. Ta có :

Vịt cộng ngan nặng là :

$$2 + 3 = 5 \text{ (kg)}$$

Ngỗng cộng gà nặng là :

$$4 + 1 = 5 \text{ (kg)}$$

Như vậy vịt cộng ngan nặng bằng ngỗng cộng gà.

Con ngỗng nặng bằng hai con vịt ($4 = 2 \times 2$)

Nhưng con ngan không nặng bằng hai con gà ($3 > 1 + 1$).

(*Có thể hiểu thêm* : Thực ra con ngan nặng hơn con gà một khối lượng bằng đúng khối lượng con vịt. Điều “chắc chắn” chỉ xảy ra khi con gà nặng bằng con vịt).

181. a) Khả năng “xấu nhất” trong 10 cái bút lấy ra lại gồm đúng 4 bút màu đỏ và 6 bút màu xanh. Lúc này cả 3 bút màu vàng còn lại trong hộp. Như vậy không thể nói “chắc chắn” trong 10 bút lấy ra có ít nhất 1 cái bút màu vàng được.

b) Khả năng cùng lắm An lấy ra tất cả 3 bút màu vàng và 6 bút màu xanh, như vậy mới chỉ lấy ra được 9 bút ($3 + 6 = 9$). Vẫn còn 1 bút nữa ($10 - 9 = 1$), bút lấy ra này phải là màu đỏ.

Vậy có thể nói chắc chắn “trong 10 bút lấy ra có ít nhất 1 cái bút màu đỏ”.

182. Số gà phải ít hơn 10 mà lại nhiều hơn 5, như vậy số gà có thể là : 6, 7, 8, 9. Suy ra số vịt có thể là : 4, 3, 2, 1.

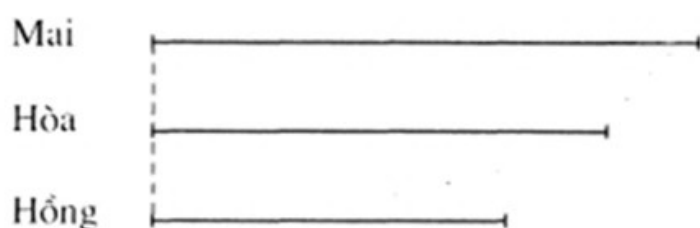
Theo đề bài số vịt lớn hơn 3. Vậy số vịt có là 4 con, số gà có là 6 con.

183. – Mai ngồi bên trái Hoa (S)
 – Hoa ngồi bên phải Đào (Đ)
 – Hoa ngồi ở giữa hai bạn (Đ)
 – Hoa ngồi bên trái Mai (Đ)
 – Đào ngồi bên phải Hoa (S)

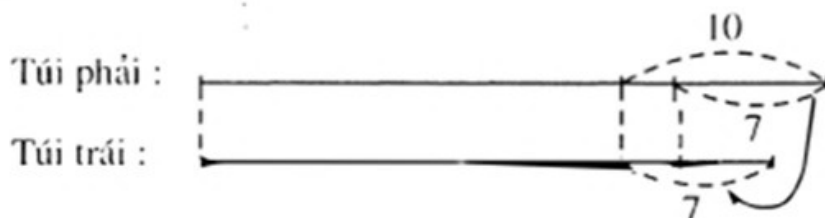


Mai Hoa Đào

184. *Gợi ý* : Có thể vẽ sơ đồ biểu thị : Hòa ít tuổi hơn Mai nhưng lại nhiều tuổi hơn Hồng. Từ đó thấy Mai nhiều tuổi hơn Hồng. An nhiều tuổi hơn Hòa nên càng nhiều tuổi hơn Hồng. Vậy Hồng ít tuổi nhất.



185.



Gợi ý : Nếu lấy túi phải 7 viên bi mà chưa cho sang túi trái thì lúc này túi phải còn nhiều hơn túi trái 3 viên bi ($10 - 7 = 3$).

– Bây giờ cho thêm túi trái 7 viên bi thì lúc này túi trái có nhiều bi hơn và nhiều hơn số bi là :

$$7 - 3 = 4 \text{ (viên)}$$

Hoặc có thể hiểu cách khác :

– Giả sử bạn Tùng lấy 10 viên bi ở túi phải ra. Lúc này số bi ở cả hai túi bằng nhau. Từ 10 viên bi lấy ra này, bạn Tùng cho vào túi trái 7 viên, còn lại 3 viên “trả lại” túi phải thì rõ ràng khi đó túi trái nhiều bi hơn túi phải là 4 viên ($7 - 3 = 4$).

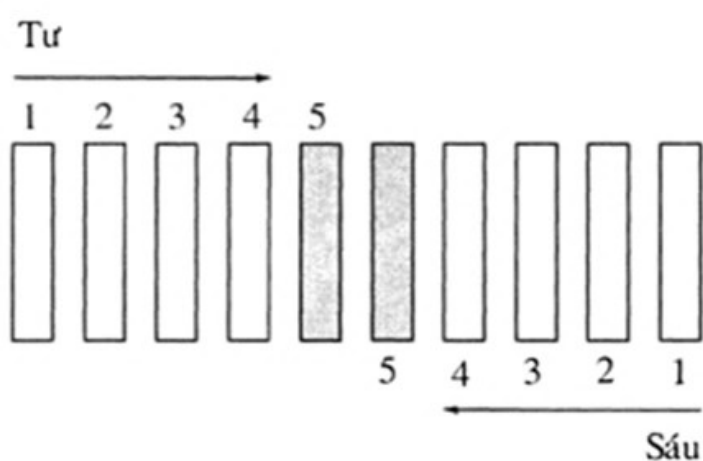
186. – Mai không mặc áo xanh, Cúc không mặc áo xanh. Vậy còn lại Hoa mặc áo xanh.

– Cúc không mặc áo xanh cũng không mặc áo hồng. Vậy Cúc mặc áo tím.

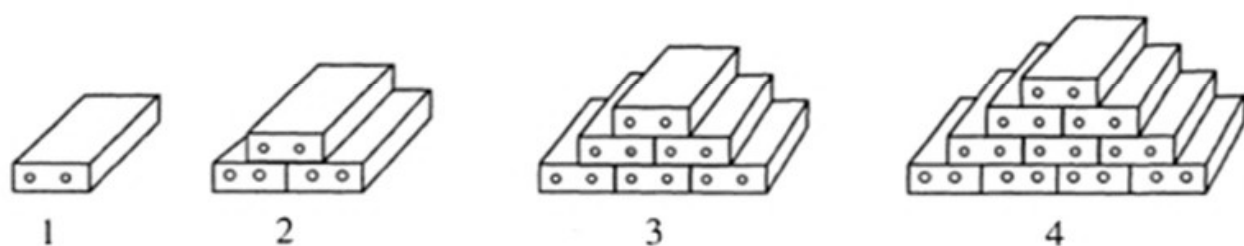
– Hoa mặc áo xanh, Cúc mặc áo tím. Còn lại Mai mặc áo hồng.

Bạn \ Áo	xanh	hồng	tím
Mai	0	×	0
Hoa	×	0	0
Cúc	0	0	×

187. *Gợi ý* : Vẽ hình, với cách “đếm” như bạn Tư và bạn Sáu thì hai bạn không ngồi cùng một hàng ghế được.



188. *Gợi ý* : Vẽ theo : “quy luật” đến hình thứ tư, rồi đếm :



– Hình 1 có : 1 (viên)

– Hình 2 có : 1 + 2 (viên)

– Hình 3 có : 1 + 2 + 3 (viên)

– Hình 4 có : 1 + 2 + 3 + 4 (viên)

(Nhận xét : Hình 1 có 1 viên ở dưới, hình 2 có 2 viên ở dưới, hình 3 có 3 viên ở dưới; hình 4 có 4 viên ở dưới, ở mỗi hàng trên liền với hàng dưới số gạch lại bớt đi 1 viên ...)

189. Gợi ý : Có : $7 < 9 < 10$

Mà : Điểm của Bình < điểm của Hòa < điểm của Hải

Suy ra : Bình được điểm 7, Hòa được điểm 9, Hải được điểm 10.

– Tú được điểm 10 còn lại (vì có hai điểm 10).

190. Gợi ý :

Số cá giếc có 3 con (vì bằng số cá rô).

Số cá trê ít hơn 3 con mà lại nhiều hơn số cá quả. Như vậy số cá quả chỉ có thể là 1 con, số cá trê là 2 con (vì $1 < 2 < 3$).

Số cá Ba câu được tất cả là :

$$3 + 3 + 2 + 1 = 9 \text{ (con).}$$

191. Gợi ý : Một con gà có 2 chân. Một con thỏ có 4 chân.

– Trong chuồng nếu có 2 con thỏ thì riêng thỏ đã có 8 chân ($4 + 4 = 8$), không có con gà nào nữa! (không được). Vậy trong chuồng chỉ có 1 con thỏ. Trừ 4 chân thỏ, còn lại 4 chân gà.

– Khi đó trong chuồng có 2 con gà ($2 + 2 = 4$).

– Vậy trong chuồng có 1 con thỏ và 2 con gà.

$$(4 + 2 + 2 = 8 \text{ (chân)}).$$

Hoặc : – Có thể phân tích $8 = 4 + 2 + 2$ (viết 8 dưới dạng tổng các con số 4 và số 2 có thể được).

– Từ đó suy ra : 4 chân ứng với 1 con thỏ (4 chân).

Hai số 2 ứng với 2 con gà (mỗi con 2 chân).

192. Gợi ý :

– Cứ 2 mắt mèo là có 1 con mèo, tức là có 1 đuôi mèo và 4 chân mèo.

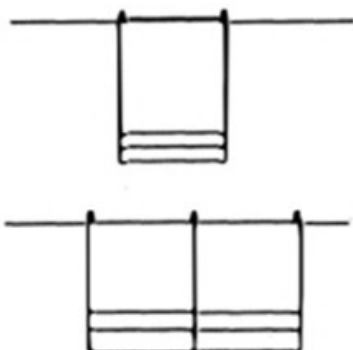
– Có 4 mắt mèo là có 2 con mèo ($2 + 2 = 4$), tức là có 2 đuôi mèo và 8 chân mèo ($4 + 4 = 8$).

193. (Xem hình vẽ ở đề bài) :

1 khăn mặt cần 2 cái cặp để phơi.

– 2 khăn mặt cần 3 cái cặp để phơi.

– Vậy : Để phơi 10 khăn mặt theo kiểu đó cần 11 cái cặp để phơi. (Số cặp để phơi nhiều hơn số khăn mặt 1 cái).



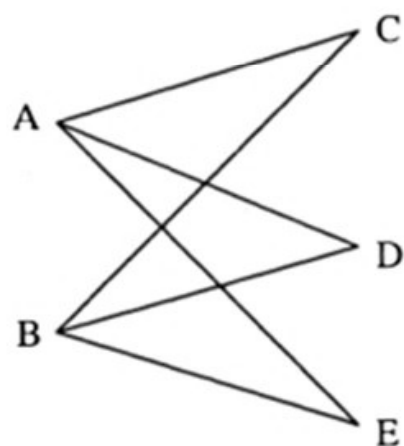
194. Gợi ý : (xem hình vẽ ở đề bài)

– Có thể hình dung mỗi cách đi của thỏ là đoạn thẳng nối mỗi điểm A, B với mỗi điểm C, D, E.

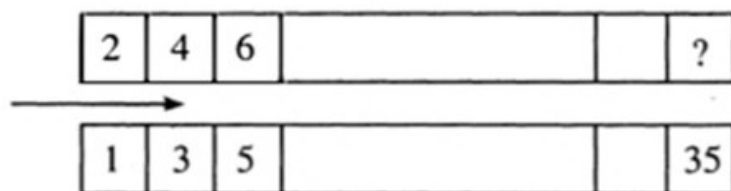
Như vậy có 6 cách :

AC, AD, AE,

BC, BD, BE.



195. Gợi ý : Vẽ hình minh họa :



a) Đối diện với số nhà 35 là nhà số 36. Vậy căn nhà cuối cùng của dãy bên trái đánh số 36.

b) Đếm số nhà liên tiếp của cả hai dãy, ta có các số nhà là dãy số : 1 ; 2 ; 3 ; ; 35 ; 36. Vậy cả hai dãy có 36 căn nhà.

196. a) Cắt băng giấy thành 5 đoạn ta phải cắt 4 nhát kéo.

b) Cứ mỗi đoạn nếu cắt thành 2 đoạn nhỏ ta được thêm 1 đoạn nữa ($2 - 1 = 1$).

– Vậy lấy 3 đoạn để cắt mỗi đoạn thành 2 đoạn nhỏ ta sẽ được thêm 3 đoạn nữa.

– Cả đoạn lớn và đoạn nhỏ có tất cả là :

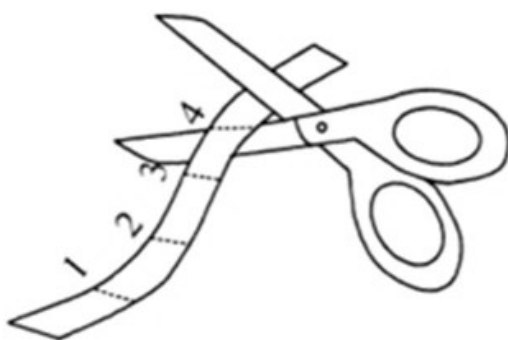
$$5 + 3 = 8 \text{ (đoạn)}$$

Hoặc : Đoạn lớn còn : $5 - 3 = 2$ (đoạn)

Đoạn nhỏ có : $3 \times 2 = 6$ (đoạn)

Cả đoạn lớn và đoạn nhỏ có tất cả là :

$$2 + 6 = 8 \text{ (đoạn).}$$



197. Gợi ý :

– Có thể viết 10 thành tổng các số 2 và 3.

Ta có 1 cách duy nhất :

$$10 = 3 + 3 + 2 + 2$$

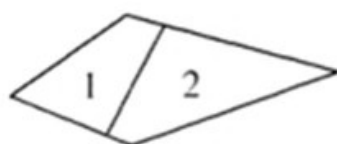
– Vậy từ 10l dầu có thể rót đầy 2 can 3l và 2 can 2l.

Gợi ý cách khác : Nếu có 1 can 3l thì số dầu còn lại là 7l không cho vào đúng các can 2l được. Nếu có 3 can 3l thì số dầu còn lại là 1l. Không được. Vậy chỉ có 2 can 3l và 2 can 2l.

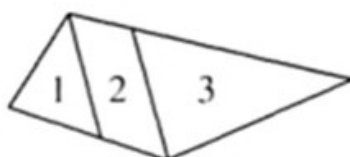
198. Hình A có 2 hình chữ nhật. Hình B có một hình chữ nhật, hình C có 3 hình chữ nhật. (Học sinh tự tô màu theo ý thích của từng em)

199. Hình A, C mỗi hình có 1 hình tứ giác. Hình B có 2 hình tứ giác.

200. a) Trong hình 1 có : 3 hình tứ giác là : hình 1, hình 2, hình (1 + 2)



Hình 1



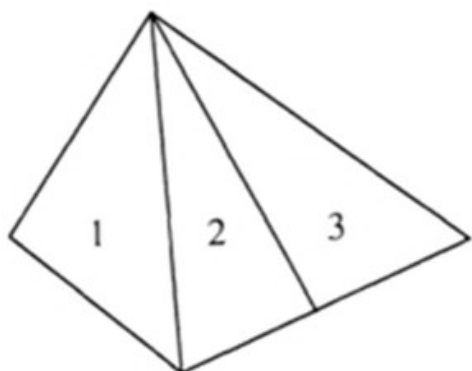
Hình 2

b) Trong hình 2 có 4 hình tứ giác là : hình 2, hình (1 + 2), hình (2 + 3), hình (1 + 2 + 3).

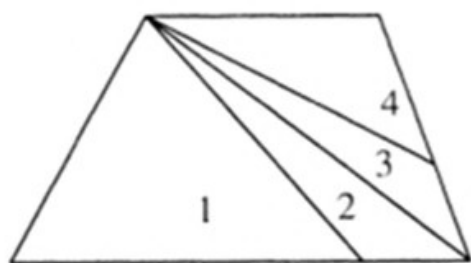
201. a) Trong hình 3 có :

– Hai hình tứ giác là : hình (1 + 2), hình (1 + 2 + 3).

– 4 hình tam giác là : hình 1, hình 2, hình 3 và hình (2 + 3).



Hình 3



Hình 4

b) Trong hình 4 có :

– 4 hình tứ giác là : hình (2 + 3), hình (1 + 2 + 3), hình (2 + 3 + 4) và hình (1 + 2 + 3 + 4).

– 6 hình tam giác là : hình 1, hình 2, hình 3, hình 4, hình (1 + 2), hình (3 + 4).

202. – Trong hình bên có 14 hình vuông là :

Hình 1, hình 2, hình 3, hình 4, hình 5, hình 6, hình 7, hình 8, hình 9, hình (1 + 2 + 5 + 4), hình (2 + 3 + 6 + 5), hình (4 + 5 + 8 + 7), hình (5 + 6 + 9 + 8), hình (1 + 2 + ... + 9).

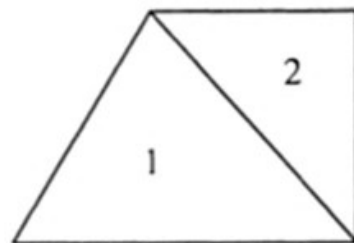
1	2	3
4	5	6
7	8	9

203. (Xem hình vẽ)

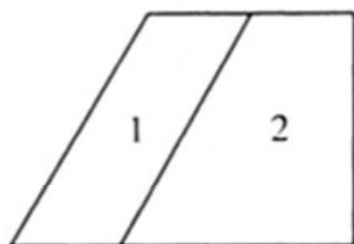
a) Có :

– Hai tam giác là : hình 1, hình 2.

– Một tứ giác là hình (1 + 2).



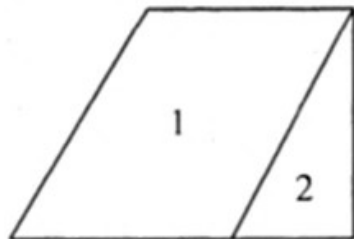
b) Có 3 hình tứ giác là : hình 1, hình 2, hình (1 + 2).



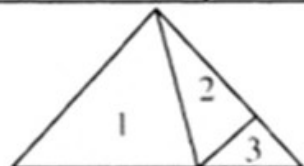
c) Có :

– Một hình tam giác là hình 2.

– Hai hình tứ giác là : hình 1 và hình (1 + 2).



204. Có 5 hình tam giác là : hình 1, hình 2, hình 3, hình (2 + 3) và hình (1 + 2 + 3).

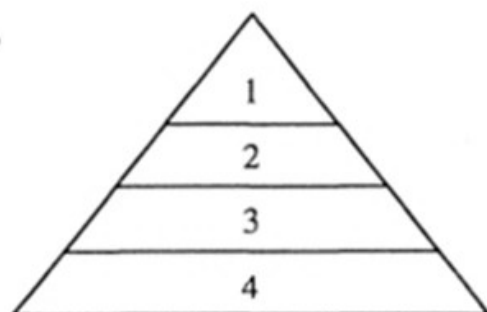


205. – Có 4 hình tam giác là : hình 1, hình (1 + 2),
hình (1 + 2 + 3), hình (1 + 2 + 3 + 4).

– Có 6 hình tứ giác là : hình 2, hình 3, hình 4,
hình (2 + 3), hình (3 + 4), hình (2 + 3 + 4).

– Số hình tứ giác hơn số hình tam giác là :

$$6 - 4 = 2 \text{ (hình)}$$

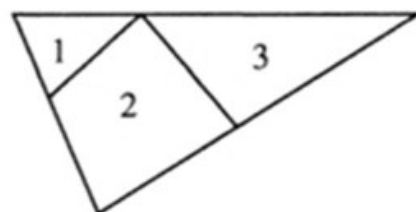


206. Có :

– 3 hình tam giác là : hình 1, hình 3, hình
(1 + 2 + 3).

– 3 hình tứ giác là ; hình 2, hình (1 + 2),
hình (2 + 3).

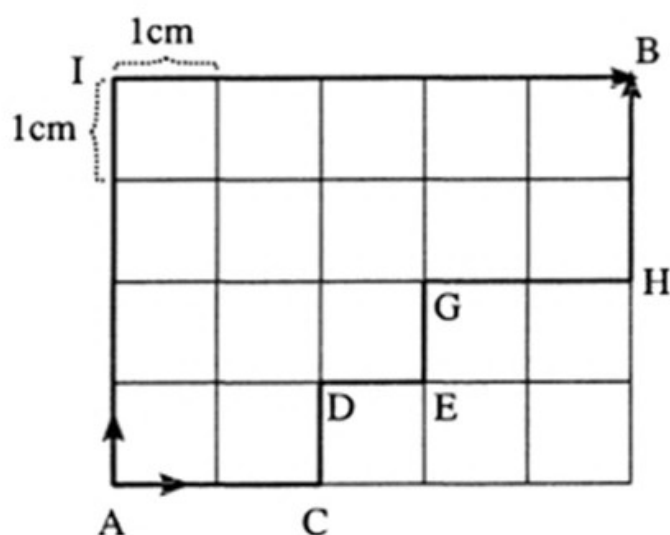
Vậy số hình tam giác bằng số hình tứ giác.



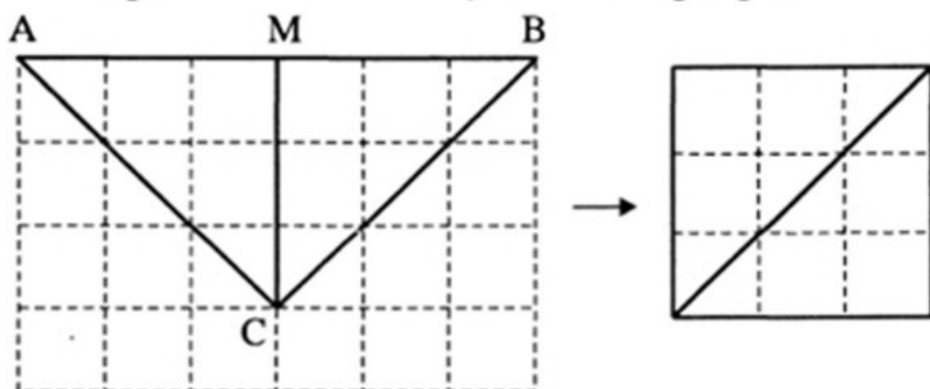
207. – Đường AIB gồm 9 đoạn 1cm, độ dài của nó là 9cm.

– Đường ACDEGHB gồm 9 đoạn 1cm,
độ dài của nó cũng là 9cm.

– Hai đường trên dài bằng nhau.

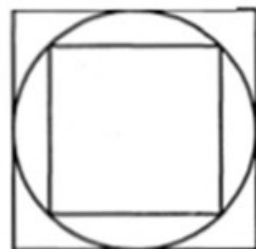


208. Cắt hình tam giác ABC theo đoạn CM rồi ghép thành hình vuông.



209. a) Ở hình A có :

- 1 hình tròn ;
- 2 hình vuông ;
- 0 hình tam giác.



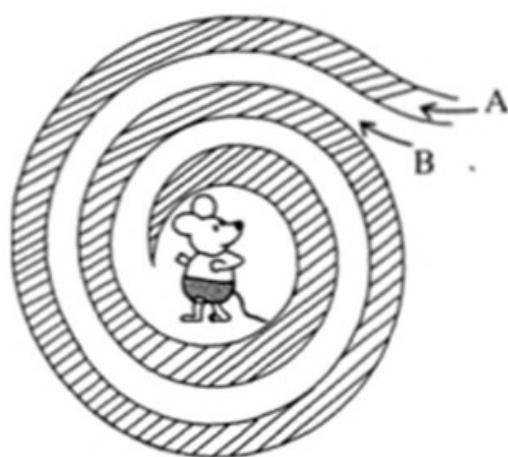
b) Ở hình B có :

- 2 hình tròn ;
- 3 hình vuông ;
- 8 hình tam giác.



210. Con mèo đi vào cửa B sẽ bắt được chuột.

(Có thể tô màu đường vào mỗi cửa sẽ thấy rõ đường đi của mèo).

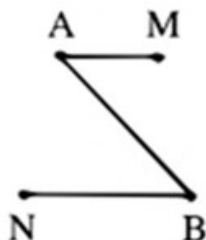
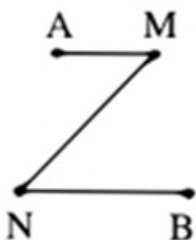
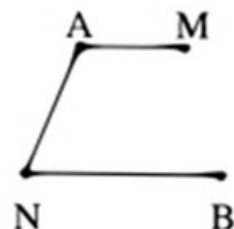
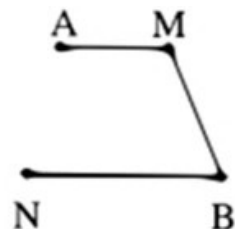
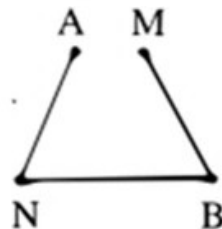
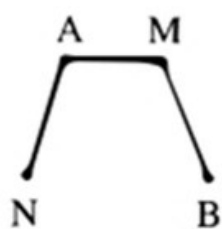


211. Vẽ hình (theo mẫu) như đề bài.

212. Vẽ hình (theo mẫu) như đề bài, vẽ các nét chấm chấm thành nét liền rồi tô màu.

213. Vẽ hình (theo mẫu) như đề bài.

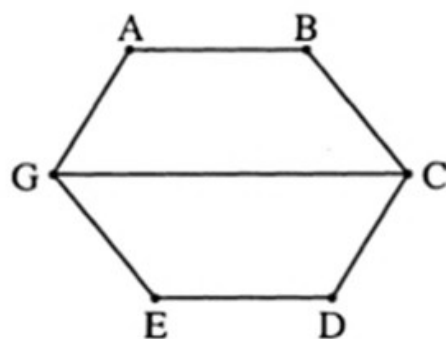
214.



215. a) Đường gấp khúc gồm hai đoạn là :

GAB, ABC, BCD, CDE, DEG, EGA, AGC,
BCG, CGE, GCD.

b) Đường gấp khúc gồm 3 đoạn là : GABC,
ABCD, BCDE, CDEG, DEGA, EGAB,
AGCB, ABCG, BAGC, DCGE, GCDE,
CGED, AGCD, BCGE.



216. Đường gấp khúc ABCD dài :

$$4 + 8 + 4 = 16 \text{ (cm)}$$

Đường gấp khúc AMNPQRSTUVD dài :

$$2 + 2 + 1 + 1 + 1 + 1 + 1 + 2 + 1 + 2 + 2 = 16 \text{ (cm)}.$$

Vậy hai đường gấp khúc đó dài bằng nhau.

217. a) Chu vi hình tam giác là :

$$120 + 135 + 200 = 455 \text{ (cm)}.$$

b) $15\text{dm} = 150\text{cm}$; $2\text{m} = 200\text{cm}$.

Chu vi hình tam giác là :

$$100 + 150 + 200 = 450 \text{ (cm)}.$$

218. a) Chu vi hình tứ giác là :

$$105 + 110 + 113 + 160 = 488 \text{ (cm)}.$$

b) $7\text{dm} = 70\text{cm}$; $2\text{m} = 200\text{cm}$.

Chu vi hình tứ giác là :

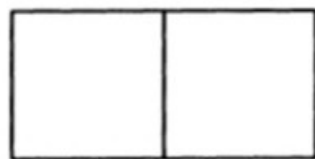
$$65 + 70 + 112 + 200 = 447 \text{ (cm)}.$$

219. Cạnh hình vuông là :

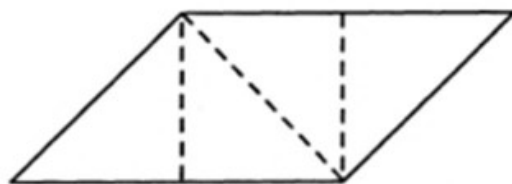
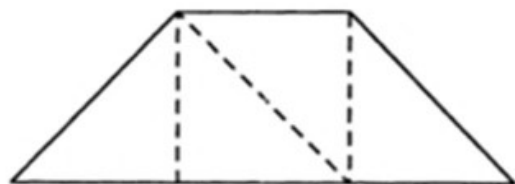
$$40 : 4 = 10 \text{ (cm)}$$

Chu vi hình chữ nhật gồm 6 đoạn mỗi đoạn dài bằng cạnh hình vuông. Vậy chu vi hình chữ nhật là :

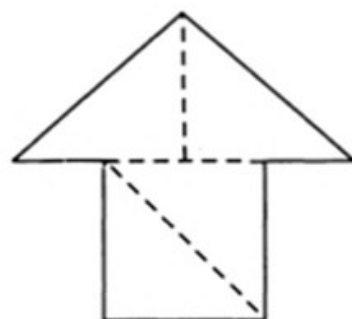
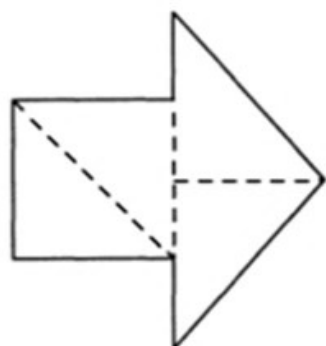
$$10 + 10 + 10 + 10 + 10 + 10 = 60 \text{ (cm)}.$$



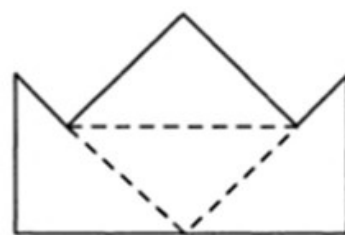
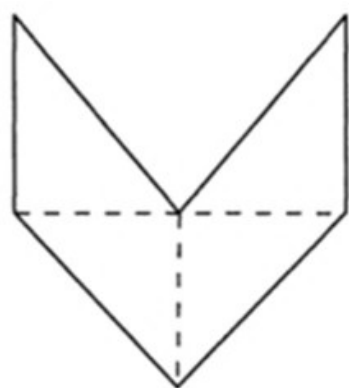
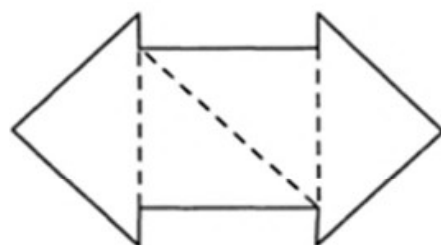
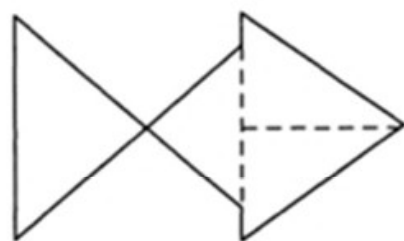
220. Xếp 4 hình tam giác thành hình tứ giác :



221. Xếp 4 hình tam giác thành mũi tên hoặc ngôi nhà.



222. Xếp 4 hình tam giác thành các hình sau :



Bài giải đề 1

Bài 1 :

$$6 + 3 = 9$$

$$3 + 6 = 9$$

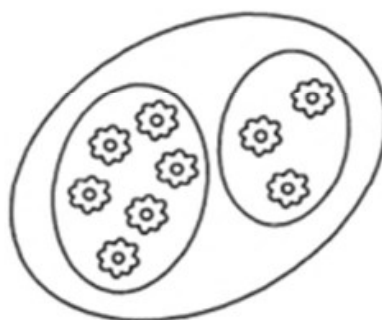
$$9 - 6 = 3$$

$$9 - 3 = 6$$

Bài 2 :

a) $\boxed{7} + 3 = 10$

b) $7 - \boxed{0} = 4 + 3$



$$c) \boxed{1} + \boxed{0} = 1 \text{ hoặc } \boxed{0} + \boxed{1} = 1$$

$$d) 2 - \boxed{2} - \boxed{0} = 0 \text{ hoặc } 2 - \boxed{0} - \boxed{2} = 0 \text{ hoặc } 2 - \boxed{1} - \boxed{1} = 0$$

Bài 3 : a) Số bi của An là :

$$5 + 3 = 8 \text{ (bi)}$$

Số bi của Bình là :

$$5 - 3 = 2 \text{ (bi)}$$

b) An hơn Bình số bi là :

$$8 - 2 = 6 \text{ (bi)}$$

(Hoặc: An cho Bình 3 hòn bi thì số bi hai bạn bằng nhau. Do đó An hơn Bình 6 hòn bi ($3 + 3 = 6$)).

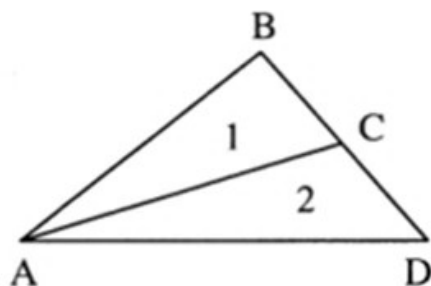
Bài 4 : Trong hình bên có :

a) 3 hình tam giác là :

hình 1, hình 2, hình (1 + 2).

b) 6 đoạn thẳng là :

AB, BC, CD, AD, AC, BD.



Bài giải đề 2

Bài 1 : Trước khi trừ đi 3 thì ta có kết quả là :

$$5 + 3 = 8$$

Số đó là : $8 + 1 = 9$

(Hoặc số đó là x thì : $x - 1 - 3 = 5$

$$x - 1 = 5 + 3$$

$$x - 1 = 8$$

$$x = 8 + 1$$

$$x = 9)$$

Bài 2 : Chia 4 quả bóng thành hai phần không bằng nhau thì 1 phần có 1 quả, một phần có 3 quả ($1 + 3 = 4$). Vì số bóng đỏ nhiều hơn bóng xanh nên số bóng đỏ là 3 quả, số bóng xanh là 1 quả.

(Hoặc : Số bóng đỏ phải ít hơn 4 quả. Số bóng đỏ lại nhiều hơn bóng xanh nên số bóng đỏ phải lớn hơn 1. Vậy nếu số bóng đỏ là 2 quả thì số bóng xanh là 2 quả ($4 - 2 = 2$), không được. Do đó số bóng đỏ là 3 quả và số bóng xanh là 1 quả ($4 - 3 = 1$)).

Bài 3 :

$$\text{a) } 10 + 3 < \boxed{14} < 17 \quad \text{hoặc} \quad 10 + 3 < \boxed{15} < 17$$

$$\text{hoặc} \quad 10 + 3 < \boxed{16} < 17$$

$$\text{b) } \underbrace{8 + \boxed{0}}_8 < \underbrace{10 - \boxed{0}}_{10} \quad \text{hoặc} \quad \underbrace{8 + \boxed{1}}_9 < \underbrace{10 - \boxed{0}}_{10}$$

$$\text{Hoặc } \underbrace{8 + \boxed{0}}_8 < \underbrace{10 - \boxed{1}}_9$$

Bài 4 : Tính nhanh :

$$\begin{aligned} \text{a) } & 10 - 9 + 8 - 7 + 6 - 5 + 4 - 3 + 2 - 1 \\ & = (10 - 9) + (8 - 7) + (6 - 5) + (4 - 3) + (2 - 1) \\ & = 1 + 1 + 1 + 1 + 1 = 5 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } & 1 + 3 + 5 + 7 + 9 + 10 + 8 + 6 + 4 + 2 + 0 \\ & = (0 + 10) + (1 + 9) + (2 + 8) + (3 + 7) + (4 + 6) + 5 \\ & = 10 + 10 + 10 + 10 + 10 + 5 = 55 \end{aligned}$$

Bài giải đề 3

Bài 1 : Số nhỏ nhất có hai chữ số là 10.

$$\text{Viết : } 10 = 1 + 9 = 2 + 8 = 3 + 7 = 4 + 6 = 5 + 5$$

Các số có hai chữ số mà tổng các chữ số bằng 10 là :

$$19 ; 91 ; 28 ; 82 ; 37 ; 73 ; 46 ; 64 ; 55.$$

Bài 2 : Ta có tổng với đủ các số hạng là :

$$S = 2 + 4 + 6 + 8 + 10 + 12 + 14 + 16 + 18$$

$$\begin{aligned} \text{Tính } S &= (2 + 18) + (4 + 16) + (6 + 14) + (8 + 12) + 10 \\ &= 20 + 20 + 20 + 20 + 10 = 90 \end{aligned}$$

Bài 3 : Số thuyền của Huệ là :

$$27 - 17 = 10 \text{ (chiếc)}$$

Số thuyền của Hồng là :

$$19 - 10 = 9 \text{ (chiếc)}$$

Số thuyền của Hoa là :

$$17 - 9 = 8 \text{ (chiếc)}$$

Gợi ý cách khác :

Có thể tính số thuyền của Hoa trước :

$$27 - 19 = 8 \text{ (chiếc)}$$

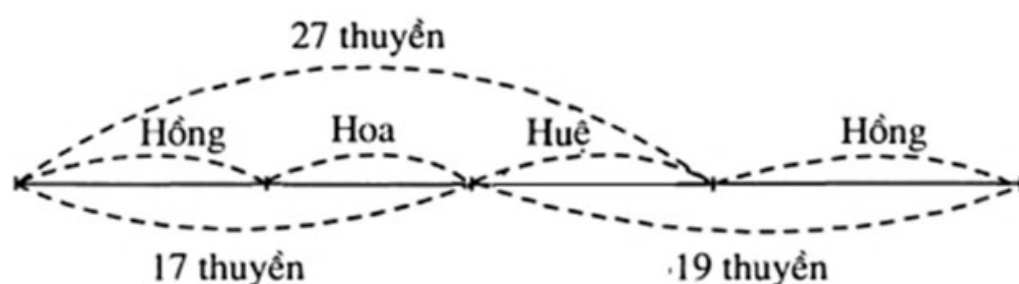
Từ đó suy ra số thuyền của Hồng :

$$17 - 8 = 9 \text{ (chiếc)}$$

Số thuyền của Huệ là :

$$19 - 9 = 10 \text{ (chiếc)}$$

Hoặc theo sơ đồ :



Số thuyền của Hồng là :

$$(17 + 19) - 27 = 9 \text{ (chiếc)}$$

Số thuyền của Hoa là :

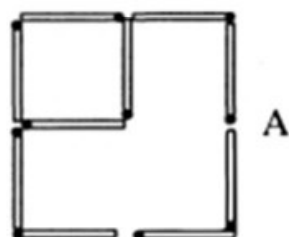
$$17 - 9 = 8 \text{ (chiếc)}$$

Số thuyền của Huệ là :

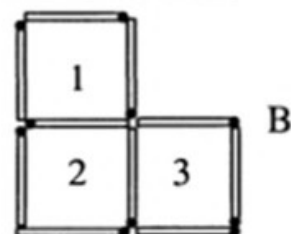
$$19 - 9 = 10 \text{ (chiếc)}$$

Bài 4 :

a) 10 que diêm xếp theo hình A thành 2 hình tứ giác (cũng là 2 hình vuông)



b) 10 que diêm xếp theo hình B thành 3 hình vuông là hình 1, hình 2 và hình 3.



Bài giải đề 4

Bài 1 : Nhận xét : Số đó lớn hơn 30 nên có chữ số hàng chục là 3 hoặc 5.
Các số đó là :

31 ; 35 ; 51 ; 53.

Bài 2 :

$$\begin{array}{r} 62 \\ + 19 \\ \hline 81 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 28 \\ + 15 \\ \hline 43 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 70 \\ - 46 \\ \hline 24 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 82 \\ - 34 \\ \hline 48 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 98 \\ - 79 \\ \hline 19 \end{array}$$

Bài 3 : Số bông hoa còn lại của Mai hay số bông hoa mỗi bạn có lúc sau là :

$$28 - 8 = 20 \text{ (bông)}$$

Lúc đầu số bông hoa của Hồng có là :

$$20 - 5 = 15 \text{ (bông)}$$

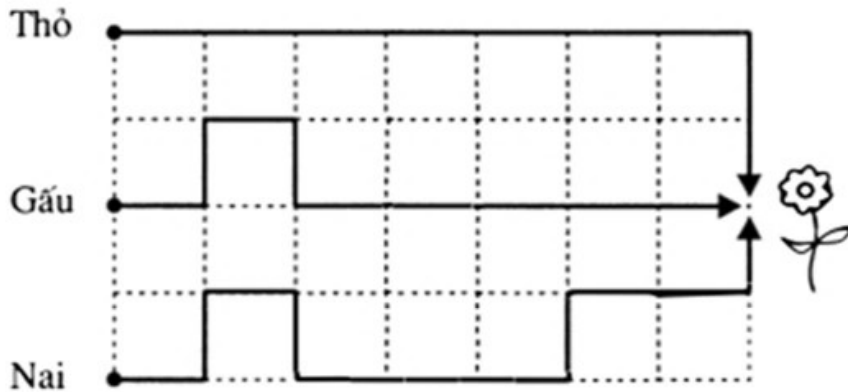
Hòa được thêm 8 bông rồi lại cho đi 5 bông, như vậy Hòa được thêm số bông hoa là :

$$8 - 5 = 3 \text{ bông}$$

Lúc đầu Hòa có số bông hoa là :

$$20 - 3 = 17 \text{ (bông)}$$

Bài 4 :



– Quãng đường Thỏ đi bằng 9 đoạn nhỏ (mỗi đoạn nhỏ bằng 1 cạnh ô vuông).

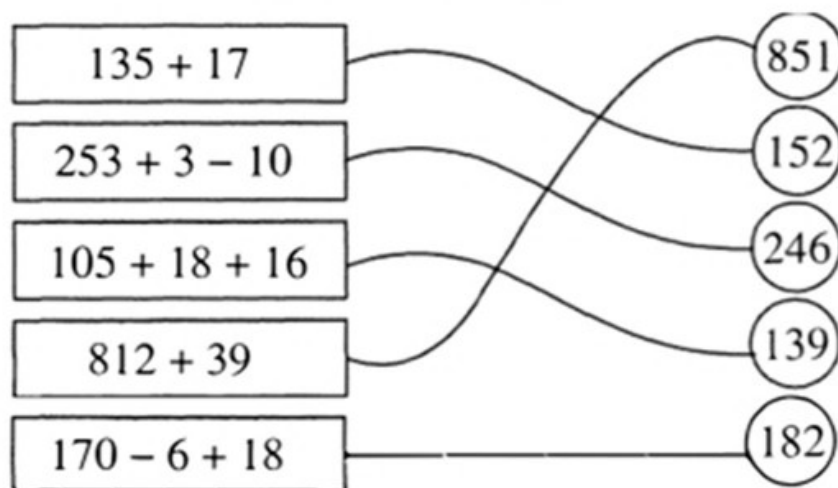
– Quãng đường Gấu đi cũng bằng 9 đoạn nhỏ.

– Quãng đường Nai đi bằng 11 đoạn nhỏ.

Vậy Nai đi quãng đường dài nhất.

Bài giải đề 5

Bài 1 :



Bài 2 : 1 tá bút chì = 12 bút chì

Số bút chì của Hùng là :

$$12 + 2 = 14 \text{ (chiếc)}$$

Bình có nhiều bút chì hơn Mai (nhiều hơn 12 chiếc) nhưng lại có ít hơn Hùng (ít hơn 14 chiếc). Vậy Bình có 13 chiếc bút chì ($12 < 13 < 14$).
Cả ba bạn có số bút chì là :

$$12 + 13 + 14 = 39 \text{ (chiếc)}$$

Bài 3 :

– Nếu bạn Hòa ngồi ở đầu bàn bên trái thì có hai cách sắp xếp : (Hòa, Hoàng, Bình) và (Hòa, Bình, Hoàng).

– Nếu bạn Hòa ngồi ở đầu bàn bên phải thì cũng có hai cách sắp xếp : (Hoàng, Bình, Hòa) và (Bình, Hoàng, Hòa).

Như vậy có tất cả 4 cách sắp xếp chỗ ngồi.

Bài 4 : – Ba con vịt nặng là :

$$2 \times 3 = 6 \text{ (kg)}$$

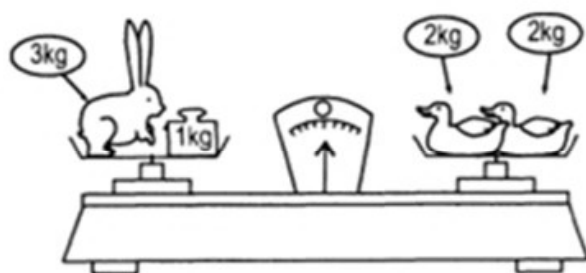
Hai con thỏ nặng bằng 3 con vịt tức là nặng 6kg.

Vậy 1 con thỏ nặng :

$$6 : 2 = 3 \text{ (kg)}$$

– Để cân thăng bằng ta phải đặt vào bên đĩa có con thỏ thêm quả cân 1kg để có :

$$\underbrace{3\text{kg} + 1\text{kg}}_{4\text{kg}} = \underbrace{2\text{kg} + 2\text{kg}}_{4\text{kg}}$$



MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu

3

Phần I

CÁC BÀI TOÁN

I. Một số bài toán về số và chữ số (trong phạm vi 1000)	5
II. Một số bài toán về phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia	11
III. Một số bài toán về giải toán có lời văn	20
IV. Một số bài toán về yếu tố hình học	33
V. Một số đề tự kiểm tra	40

Phần II

HƯỚNG DẪN – TRẢ LỜI

I. Từ bài 1 đến bài 222	43
II. Bài giải 5 đề tự kiểm tra	90

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội –
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.

TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH LỚP 2

Mã số : T2T11a4 - ĐTH

Số đăng kí KHXB : 200 – 2014/CXB/124 – 89/GD

In 10.000 cuốn (QĐ TK59), khổ 17x24 cm.
In tại Công ty TNHH MTV In và Thương mại TTXVN.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2014.